

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn (sau đây gọi tắt là cho vay HSSV) của NHCSXH Việt Nam là một chương trình tín dụng đặc thù cả về đối tượng cho vay, điều kiện vay vốn, phương thức cho vay, phương thức thu nợ,...

Tính đến ngày 31/12/2014, NHCSXH Việt Nam đã giải ngân cho hơn 3 triệu lượt HSSV vay vốn; cả nước còn hơn 1,9 triệu hộ gia đình có con em đi học được vay vốn, hơn 2,0 triệu HSSV đang vay vốn đi học với tổng dư nợ lên đến hơn 29.793 tỷ đồng. Hàng năm, NHCSXH Việt Nam cần từ 30-35 ngàn tỷ đồng để đáp ứng nhu cầu vay vốn đi học của HSSV.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg tạo cơ sở pháp lý cho NHCSXH Việt Nam thực hiện chương trình tín dụng HSSV.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, hoạt động cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, tiềm ẩn nhiều rủi ro gây bất ổn cho hoạt động của NHCSXH Việt Nam:

Thứ nhất, về mặt lý luận: vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về sự cần thiết, vai trò, hiệu quả và cách đo lường hiệu quả chương trình cho vay HSSV, ...dẫn đến những hoài nghi về tính hiệu quả của chương trình cho vay HSSV trên thực tế.

Thứ hai, về mặt thực tiễn: vẫn còn nhiều bất cập trong việc đảm bảo đủ và kịp thời nguồn vốn cho chương trình, xác định đối tượng cho vay, mức cho vay, lãi suất cho vay sao cho vừa đáp ứng được nhu cầu vay vốn của HSSV, vừa đảm bảo được sự an toàn tài chính cho NHCSXH Việt Nam và NSNN, xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của chương trình sao cho chính xác và khách quan, giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa chương trình cho vay HSSV với vấn đề XDGN bền vững, cung cấp nhân lực có đào tạo cho đất nước, ...

Để chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam hoạt động hiệu quả hơn; có những đóng góp tích cực hơn cho công cuộc xóa đói giảm nghèo (XDGN) bền vững; phát triển nguồn nhân lực có qua đào tạo,...thì cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu để có câu trả lời thỏa đáng cho những vấn đề có tính cấp thiết như:

- Mối quan hệ biện chứng giữa chương trình cho vay HSSV của NHCSXH với XDGN bền vững, phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo được thể hiện như thế nào?.

- Nên hay không nên mở rộng đối tượng HSSV được vay vốn, áp dụng cơ chế quản lý, lãi suất, mức cho vay đối với HSSV như thế nào để vừa đáp ứng được nhu cầu vay vốn của HSSV, vừa đảm bảo khả năng trả nợ cho HSSV vay vốn, nhưng đồng thời phải đảm bảo an toàn tài chính cho NHCSXH Việt Nam,....

- Hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH được đo lường và đánh giá như thế nào để đảm bảo độ chính xác cao, giải pháp nào giúp nâng cao hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

Với cách tiếp cận vấn đề như trên, NCS đã chọn chủ đề “*Cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Thực trạng và giải pháp*” làm đề tài nghiên cứu cho luận án Tiến sĩ.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

✓ *Về mặt lý luận:* Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về cho vay HSSV, hiệu quả cho vay HSSV, xác lập các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH.

✓ *Về mặt thực tiễn:* Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

✓ *Về mặt lý luận*

Thứ nhất, hệ thống hóa một số lý thuyết cơ bản về cho vay HSSV và Ngân hàng Chính sách xã hội làm định hướng cho việc tiếp cận đề tài nghiên cứu.

Thứ hai, làm rõ vai trò chương trình cho vay HSSV đối với cơ hội tiếp cận giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn.

Thứ ba, xác lập hệ thống chỉ tiêu đánh giá và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH.

✓ *Về mặt thực tiễn*

Thứ nhất, nghiên cứu kinh nghiệm triển khai chương trình cho vay HSSV của một số quốc gia trên thế giới từ đó rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

Thứ hai, khảo sát thực trạng cho vay và đánh giá hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam giai đoạn 2007 - 2014; trên cơ sở đó rút ra kết luận về những thành công, hạn chế và các nguyên nhân của nó trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

Thứ ba, trên cơ sở các định hướng triển khai chương trình cho vay HSSV đến năm 2020, tầm nhìn 2025 của NHCSXH Việt Nam, kết hợp với những kết luận rút ra từ khảo sát thực trạng, luận án đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn 2025.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là chương trình cho vay học sinh, sinh viên và hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Do những hạn chế về thời gian, điều kiện nghiên cứu luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu trên các mặt:

Về nội dung

Luận án tập trung nghiên cứu chương trình cho vay HSSV; xác định các chủ thể liên quan trong mối quan hệ tín dụng; đánh giá hiệu quả cho vay HSSV theo góc tiếp cận từ NHCSXH Việt Nam.

Về không gian: Luận án tập trung nghiên cứu, khảo sát thực trạng cho vay HSSV trên toàn hệ thống NHCSXH Việt Nam.

Về thời gian: Luận án nghiên cứu chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2014, các giải pháp và đề xuất có giá trị đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

- Luận án hệ thống cơ sở lý luận về cho vay HSSV, hiệu quả cho vay HSSV, xác lập các tiêu chí đánh giá hiệu quả, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay HSSV.

- Các giải pháp, kiến nghị sẽ góp phần hoàn thiện hơn chính sách cho vay HSSV, hạn chế tổn thất tài chính cho NHCSXH Việt Nam, góp phần thực hiện tốt hơn chính sách an sinh xã hội và XDGN bền vững của Chính phủ, cung cấp nguồn nhân lực có đào tạo cho đất nước.

- Luận án là tài liệu tham khảo cho các cơ quan quản lý nhà nước, NHCSXH Việt Nam, giáo viên và sinh viên các trường Đại học.

5. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận án chia thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội

Chương 3: Thực trạng cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam

Chương 4: Giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tổng quan nghiên cứu về nguồn vốn cho vay học sinh, sinh viên

Đề tài nghiên cứu khoa học, Ngân hàng Chính sách xã hội, “*Giải pháp thu hồi nợ chương trình tín dụng học/c sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, tạo nguồn vốn quay vòng*”, 2014, chủ biên Đào Anh Tuấn. [24]

Hướng nghiên cứu của đề tài, nghiên cứu đánh giá thực trạng thu hồi nợ HSSV của NHCSXH, từ đó rút ra những mặt đã làm được và những tồn tại, hạn chế cần giải quyết làm cơ sở đề xuất các giải pháp thu hồi nợ tạo nguồn vốn quay vòng cho vay HSSV.

Cơ sở lý luận, nghiên cứu chủ yếu tổng kết thực tiễn hoạt động thu hồi nợ của NHCSXH, kết hợp với các quy định về quản lý của Nhà nước, NHCSXH về chương trình cho vay HSSV để làm cơ sở phân tích đánh giá thực trạng thu nợ HSSV của NHCSXH.

Phương pháp nghiên cứu, đề tài nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tổ thống kê, phân tích hoạt động kinh tế để phân tích thực trạng thu nợ HSSV của NHCSXH.

Những kết quả nghiên cứu chính của đề tài

Một là, nghiên cứu đã tổng kết được cơ bản thực tiễn thu nợ HSSV của NHCSXH từ năm 2007 - 2014.

Hai là, nghiên cứu đã phân tích và đánh giá được một số nội dung về thực trạng thu hồi nợ của NHCSXH giai đoạn 2007 - 2014.

Ba là, nghiên cứu đã đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm thu hồi nợ tạo nguồn vốn quay vòng cho chương trình cho vay HSSV.

Kết luận, nghiên cứu đã đề cập đến một số vấn đề về hoạt động thu hồi nợ HSSV, đây là một phần cơ sở thực tiễn của luận án.

Hạn chế, nghiên cứu chỉ đề cập đến thực trạng thu nợ cho vay HSSV trong giai đoạn 2007-2014 mà chưa có những phân tích sâu để thấy được những rủi ro trong thu nợ cho vay HSSV trong những năm tiếp theo, chưa bao quát được những hoạt động khác của chương trình cho vay HSSV.

1.1.2. Tổng quan nghiên cứu về chính sách cho vay học sinh, sinh viên

Thứ nhất, bài viết, “*Student loans analytical report*”, [1] được thực hiện vào năm 2006 bởi Valerian Anashvili. Bài viết tập trung vào phân tích thực trạng triển khai chương trình cho vay sinh viên ở Nga, những khó khăn cần giải quyết và những gợi ý về chính sách trong thời gian tới. Bài viết cho rằng, giáo dục đại học ở Nga đã có sự suy giảm rõ rệt trong vòng 15-20 năm qua, do đó Chính phủ liên bang cần nhanh chóng có chính sách rõ ràng cho vấn đề phát triển giáo dục đại học ở Nga, đặc biệt là chính sách tín dụng dành cho sinh viên.

Đến năm 2006, ở Nga chương trình cho vay sinh viên đang được triển khai theo cơ chế cho vay thương mại thông thường, bởi vì những nhà hoạch định chính sách ở Nga đang lo ngại về nguồn lực tài chính dành cho chương trình, về tổ chức hệ thống quản lý và triển khai chương trình, đặc biệt họ hoài nghi về khả năng thu hồi vốn của chương trình cho vay sinh viên. Những nhà hoạch định chính sách của Nga cũng cho rằng chính sách cho vay sinh viên đang được triển khai ở một số nước tại Châu Mỹ và Nam Phi là sai, vì có những nơi tỷ lệ sinh viên không có khả năng hoàn trả được vốn vay lên đến 70%.

Để phát triển chương trình cho vay sinh viên tại Nga, các nhà hoạch định chính sách cần xây dựng được một chính sách cho vay sinh viên thỏa mãn được ba yêu cầu:

- Khoản vay phải đủ lớn để sinh viên có thể trang trải được toàn bộ tiền học phí và một phần sinh hoạt phí. Chỉ có như vậy thì khoản vay mới có giá trị đích thực trong việc hỗ trợ sinh viên theo học hết chương trình.

- Lãi suất phải hợp lý, bởi vì lãi suất cho vay không phải chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến mong muốn tiếp cận vốn vay, đến khả năng trả nợ của sinh viên mà còn ảnh hưởng lớn việc phát triển bền vững của chương trình cho vay sinh viên.

- Cơ chế quản lý và thu nợ phải hiệu quả, bởi vì chương trình cho vay sinh viên có sự trợ cấp của Chính phủ sẽ được thực hiện dưới hình thức cho vay tín chấp, do đó nếu không có cơ chế quản lý và thu nợ hiệu quả thì khả năng thu hồi vốn của chương trình là không cao.

Thứ hai, nghiên cứu “*Student loans in Thailand, are they effective, equitable, sustainable?*”[35] được thực hiện năm 2003 bởi Adrian Ziderman. Nghiên cứu tập trung vào việc tìm hiểu chính sách cho vay sinh viên ở Thái Lan giai đoạn từ 1997 – 2003. Nghiên cứu của Adrian Ziderman cho thấy cuộc khủng hoảng Tài chính – Tiền tệ năm 1997 tại Thái Lan đã có ảnh hưởng tiêu cực đến giáo dục đại học ở Thái Lan. Những tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng Tài chính – Tiền tệ tới ngân sách quốc gia cũng như thu nhập của người dân đã làm cho những sinh viên nghèo gặp nhiều khó khăn trong nỗ lực tiếp cận với giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

Các chương trình cho vay sinh viên của Thái Lan được khởi xướng từ năm 1996 nhưng phải đến năm 1997 mới chính thức hoạt động với mục đích hỗ trợ tài chính, tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp cho những HSSV có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, theo chính sách cho vay sinh viên của Thái Lan, chỉ những hộ gia đình có tổng thu nhập bình quân đầu người dưới 150.000 Baht/năm mới được tiếp cận với nguồn vốn của chương trình, học sinh viên, sinh viên phải hoàn trả vốn vay sau khi tốt nghiệp ra trường, lãi suất cho vay của chương trình cho vay HSSV thấp hơn lãi suất cho vay cùng thời hạn trên thị trường, nguồn vốn của chương trình chủ yếu do Chính phủ tài trợ.

Thứ ba, bài viết, “*Student loans in Hong Kong: a perspective of loans agency*”[34], được thực hiện năm 2003 bởi hai tác giả Chung, Y.P. and Hung. Bài viết đề cập đến mô hình cho vay sinh viên có sự tài trợ tài chính của Chính phủ ở Hong Kong, Trung Quốc. Qua phân tích của bài viết cho thấy chương trình cho vay sinh viên ở Hong Kong, Trung Quốc được chính quyền trung ương tài trợ vốn ban đầu, được ưu đãi về lãi suất, thời gian cho vay dài (lên đến 10 năm), sinh viên được ân hạn 1 năm sau khi tốt nghiệp ra trường, kỳ hạn trả nợ thường được tính bằng

quý, tỷ lệ trả nợ tăng dần theo thời gian.

Việc triển khai và quản lý chương trình cho vay sinh viên ở Hong Kong được giao cho một tổ chức tự quản có tên gọi là “Cơ quan hỗ trợ tài chính sinh viên”, cơ quan này chịu trách nhiệm triển khai và quản lý toàn bộ hoạt động của chương trình cho vay sinh viên.

Bài viết cũng đề cập đến những khó khăn trong việc thu hồi nợ của chương trình, nguyên nhân của những khó khăn này là do khoản vay được thực hiện dưới hình thức vay tín chấp, một số sinh viên không theo học hết chương trình, sinh viên khó xin việc sau khi tốt nghiệp, v.v...

Cuối cùng bài viết đề xuất một số gợi ý cho cho việc xây dựng chính sách cho vay sinh viên ở Hong Kong, Trung Quốc đó là: hoàn thiện các điều kiện trả nợ; đổi mới mô hình thu nhập trả nợ; sử dụng hệ thống thu thuế hoặc an sinh xã hội để thu nợ từ sinh viên vay vốn.

1.1.3. Tổng quan nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên

Thứ nhất, bài viết “*Những vướng mắc và giải pháp nhằm thực hiện tốt chính sách cho học sinh, sinh viên nghèo vay vốn*” của tác giả Nguyễn Đức Tú. [25] Bài viết cho rằng chính sách cho vay HSSV là một chính sách mang lại những lợi ích kinh tế, xã hội to lớn. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, thực hiện vẫn còn khá nhiều khó khăn, vướng mắc cần được tháo gỡ như: nguồn vốn cho vay còn hạn hẹp, chủ yếu là nguồn vốn do NSNN cấp hàng năm nên còn chậm và thiếu; thủ tục vay vốn còn nhiều bất cập vì để được vay vốn HSSV phải xin xác nhận của nhiều cơ quan, tổ chức, khả năng thu hồi nợ của ngân hàng sẽ khó khăn vì thời gian cho vay dài, nguồn thu nợ phụ thuộc vào thu nhập của HSSV sau khi ra trường, sự phối hợp của nhà trường và NHCSXH chưa chặt chẽ nên gây ra nhiều khó khăn trong việc theo dõi món vay. Từ việc phân tích những bất cập trong việc triển khai chương trình cho vay HSSV, bài viết đã đề xuất ba giải pháp nhằm thực hiện tốt chính sách cho HSSV nghèo vay vốn là: (i) tăng cường khai thác các nguồn vốn cho vay, (ii) cần có biện pháp quản lý và giám sát tiền vay hợp lý và thu hồi nợ hiệu quả, (iii)

cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa ngân hàng với nhà trường và nhà trường với địa phương trong thực hiện chính sách.

Kết luận, bài viết chỉ dừng lại ở việc nêu ra những khó khăn, tồn tại trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV của NHCSXH trong giai đoạn đầu thực hiện (2007), nhưng chưa phân tích kỹ để chỉ ra được đâu là nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, khó khăn đó, giải pháp đột phá nào để giải quyết vấn đề nêu ra thì chưa được bài viết trình bày một cách cụ thể, bài viết có giá trị tham khảo cho đề tài nghiên cứu của NCS.

Thứ hai, nghiên cứu "*Student loans: an effective instrument for recovery in higher education*" [3], được thực hiện năm 1993 bởi nhóm nghiên cứu Douglas Albrecht, Adrian Ziderman. Nghiên cứu tập trung vào việc phân tích thực trạng bù đắp các chi phí triển khai chương trình cho vay sinh viên của một số nước ở khu vực Châu Úc, Mỹ Latinh, vùng Caribê và Trung Đông. Qua nghiên cứu, nhóm tác giả cho rằng với tỷ lệ trợ cấp cao, chi phí hành chính lớn đã làm khả năng tự bù đắp các chi phí triển khai chương trình cho vay sinh viên trở nên khó khăn. Vào thời điểm nghiên cứu, tỷ lệ bù đắp các chi phí triển khai của các quốc gia là rất thấp: Úc là 43%, Chi lê là 11%, Colombia chỉ là 2%,...

Khi triển khai chương trình cho vay SV, Chính phủ các nước thường sử dụng một số NHTM nhà nước làm đầu mối triển khai chương trình để tận dụng cơ sở hạ tầng, nguồn lực con người và công nghệ nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu, chi phí quản lý, hành chính nhằm tăng khả năng tự bù đắp chi phí triển khai chương trình.

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả cũng cho rằng để triển khai được chương trình cho vay sinh viên, Chính phủ các nước cần hỗ trợ nguồn vốn ban đầu cho chương trình, còn muốn duy trì hoạt động của chương trình thì nhất định đơn vị cho vay phải thu hồi được vốn gốc và lãi từ những sinh viên vay vốn, tạo nguồn vốn quay vòng cho chương trình.

Về lãi suất cho vay, nhóm nghiên cứu đề xuất lãi suất cho vay cần bằng hoặc cao hơn tỷ lệ lạm phát để đảm bảo cho cho lãi suất cho vay của chương trình cho

vay sinh viên phải thực dương nhằm hạn chế sự trợ cấp của Chính phủ.

Thứ ba, bài viết “*What matters in student loan default: A review of the research literature*”, [13] được thực hiện năm 2009 bởi nhóm tác giả Gross, J., O. Cekic, D. Hossler, and N. Hillman. Bài viết tập trung tìm hiểu và phân tích những nguyên nhân làm cho sinh viên không trả được nợ vay ở Mỹ. Theo kết quả nghiên cứu của bài viết thì những nguyên nhân đó là:

- Kết quả học tập của sinh viên là yếu tố có ảnh hưởng đầu tiên tới khả năng trả nợ của sinh viên, bởi vì chỉ những sinh viên học hành chăm chỉ, có kiến thức tốt họ sẽ có cơ hội tìm kiếm được một công việc tốt với thu nhập cao. Đây là yếu tố căn bản có ảnh hưởng lớn đến khả năng trả nợ của sinh viên ở Mỹ.

- Thu nhập và các khoản nợ là yếu tố thứ hai ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của sinh viên, bởi vì có rất nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đã có việc làm, có thu nhập khá nhưng vẫn không thể hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay sinh viên trước đây do thu nhập của họ không cân bằng với giá trị các khoản nợ. Nghiên cứu của nhóm tác giả cho thấy, có rất nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đã vay thêm các khoản vay khác để mua xe, mua nhà, v.v... nên đã làm mất cân đối giữa thu nhập và các khoản nợ của họ.

- Tuổi tác của những người vay vốn đi học là yếu tố thứ ba ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của sinh viên, bởi vì theo kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả cho thấy ở Mỹ có rất nhiều sinh viên là những người đã ngoài 30, 40 tuổi. Những đối tượng này có nhiều khả năng có người phụ thuộc hoặc đang phải gánh chịu nhiều khoản nợ khác (vay mua nhà, mua xe) trước khi đi học.

- Hoàn cảnh gia đình là yếu tố thứ tư có ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của sinh viên, theo kết quả nghiên cứu của bài viết, mức thu nhập và giáo dục của bố mẹ có ảnh hưởng nhiều đến khả năng trả nợ của sinh viên. Những gia đình đình có thu nhập khá hơn kể từ khi sinh viên đi học hoặc những gia đình quan tâm đến giáo dục con cái thì khả năng trả nợ của sinh viên thường cao hơn những gia đình khác.

1.1.4. Những giá trị khoa học, thực tiễn luận án được kế thừa và khoảng trống nghiên cứu

1.1.4.1. Những giá trị khoa học và thực tiễn luận án được kế thừa

Qua phần tổng quan tình hình nghiên cứu theo chủ đề như NCS đã trình bày ở trên cho thấy các công trình nghiên cứu về chương trình cho vay HSSV đã được công bố ở trong và ngoài nước từ trước đến nay đều sử dụng phương pháp định tính kết hợp với phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng để giải quyết những vấn đề đặt ra.

Các bài viết, công trình nghiên cứu về cho vay HSSV ở Việt Nam, Hồng Kông -Trung Quốc, Thái Lan, Nga,... đã trình bày được một số mô hình cho vay HSSV, đã phản ánh được một số hạn chế trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV tại một số quốc gia trên thế giới. Đây là những tài liệu tham khảo có giá trị đối với NCS trong quá trình phân tích, so sánh nhằm tìm ra những tồn tại và hạn chế trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV ở Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu và viết luận án, NCS có tham khảo, kế thừa một số lý luận, thực tiễn cũng như phương pháp nghiên cứu của các công trình đã được công bố.

1.1.3.2. Những khoảng trống nghiên cứu và hướng nghiên cứu của luận án

Xuất phát từ thực tiễn tổng quan nghiên cứu, luận án tập trung vào một số khoảng trống nghiên cứu sau:

- Những tác động của chương trình cho vay HSSV tới mục tiêu xóa đói giảm nghèo bền vững, cung cấp nguồn nhân lực có đào tạo cho đất nước.
- Phân tích, xem xét mối quan hệ biện chứng giữa chính sách ưu đãi về lãi suất của chương trình cho vay HSSV với việc đảm bảo hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của chương trình, đảm bảo an toàn tài chính cho NHCSXH Việt Nam.
- Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.
- Thực trạng cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam: Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quá trình thực hiện cho vay HSSV.
- Định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam thời gian tới.

1.2. Câu hỏi nghiên cứu

Từ những tổng hợp và phân tích trên, hướng nghiên cứu của luận án sẽ tập trung vào nguồn vốn thực hiện chương trình, chính sách ưu đãi và hiệu quả xã hội, hiệu quả kinh tế của chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam. Để giải quyết được những vấn đề này, luận án tập trung trả lời các câu hỏi sau:

Thứ nhất, cơ sở lý luận và thực tiễn về cho vay HSSV là gì?

Thứ hai, hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH được đánh giá bằng những chỉ tiêu nào?

Thứ ba, những nhân tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH?

Thứ tư, thực trạng chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam đã được hiệu quả hay chưa?

Thứ năm, giải pháp nào giúp nâng cao hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam?

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở xác định đề tài “Cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Thực trạng và giải pháp” thuộc loại hình nghiên cứu phân tích và ứng dụng. Với loại hình nghiên cứu này, NCS sẽ sử dụng các thông tin sẵn có hoặc các thông tin điều tra được để tiến hành phân tích và đánh giá vấn đề cần nghiên cứu, từ đó tìm ra những giải pháp tối ưu cho việc nâng cao hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, NCS đã sử dụng phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, công cụ hỗ trợ nghiên cứu:

1.3.1. Phương pháp luận

NCS nhất quán sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm kim chỉ nam trong việc tìm hiểu, phân tích, giải thích, đánh giá, chứng minh các vấn đề từ cơ sở lý luận đến phân tích thực trạng, phân tích các nhân tố ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong đề tài nghiên cứu giúp cho nghiên cứu có tính kế thừa những kết quả nghiên cứu trước, đảm bảo tính liên tục, khách quan, logic và khoa học.

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân loại và hệ thống hóa: là phương pháp phân loại và sắp xếp các thông tin, tài liệu khoa học theo từng mặt, từng đơn vị, từng vấn đề có cùng các đặc điểm, bản chất. Hệ thống hóa là sắp xếp các thông tin, tài liệu thành một hệ thống thông tin nhằm tìm hiểu đầy đủ hơn về đối tượng nghiên cứu của đề tài.

Phương pháp thống kê mô tả: là phương pháp thu thập số liệu, tóm tắt, trình bày, tính toán và mô tả các đặc tính cơ bản của dữ liệu thu thập được để phản ánh một cách tổng quát đối tượng nghiên cứu của đề tài, các kỹ thuật được dùng trong phương pháp thống kê mô tả gồm:

- Thống kê tóm tắt (dưới dạng các giá trị thống kê đơn nhất).
- Biểu diễn dữ liệu thành các bảng số liệu tóm tắt
- Biểu diễn dữ liệu bằng đồ họa trong đó các đồ thị mô tả dữ liệu hoặc giúp so sánh dữ liệu.

Phương pháp phân tích, tổng kết kinh nghiệm: là phương pháp xem xét lại những thành quả thực tiễn trong quá khứ để rút ra kết luận bổ ích cho thực tiễn và khoa học trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Phương pháp tổng hợp, phân tích kinh tế: là phương pháp nghiên cứu các tài liệu, số liệu khác nhau bằng cách phân tích chúng thành từng bộ phận để tìm hiểu sâu sắc về đối tượng nghiên cứu. Tổng hợp là liên kết từng mặt, từng bộ phận thông tin đã được phân tích tạo ra một hệ thống thông tin, số liệu mới đầy đủ và sâu sắc về đối tượng nghiên cứu.

Phương pháp điều tra, khảo sát thực tiễn: tiến hành điều tra đối tượng HSSV vay vốn, phụ huynh HSSV vay vốn, CBNV của NHCSXH Việt Nam và những đối tượng có tham gia trực tiếp vào quy trình cho vay HSSV. Sử dụng phần mềm SPSS để xử lý kết quả điều tra.

Phương pháp chuyên gia: tổ chức một số hội thảo quy mô nhỏ để thảo luận thu thập ý kiến của các chuyên gia, các cán bộ quản lý, các nhà khoa học trong lĩnh vực này

1.3.3. Phương pháp thu thập thông tin

Trong quá trình nghiên cứu, NCS tiến hành thu thập và sử dụng cả thông tin sơ cấp và thông tin thứ cấp nhằm giải quyết một cách toàn diện các vấn đề đặt.

1.3.3.1. Phương pháp điều tra, thu thập thông tin sơ cấp

a) Điều tra, thu thập thông tin, dữ liệu từ phụ huynh học sinh, sinh viên vay vốn

Để tiến hành điều tra, thu thập thông tin sơ cấp từ phụ huynh HSSV vay vốn, NCS thực hiện 3 nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, thiết kế bảng hỏi điều tra

Bảng hỏi điều tra phụ huynh HSSV vay vốn nhằm thu thập những thông tin về mức độ hài lòng của phụ huynh HSSV vay vốn về thủ tục vay vốn, lãi suất cho vay, mức cho vay, đối tượng thụ hưởng, đồng thời tham khảo ý kiến của phụ huynh HSSV vay vốn về tác động của chương trình cho vay HSSV đến cơ hội thoát nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của chính gia đình họ (*Phụ lục 1A*).

Thứ hai, xây dựng quy trình điều tra

Do hạn chế về thời gian, kinh phí và nhân lực nên NCS sử dụng phương pháp điều tra chọn mẫu để thu thập thông tin, dữ liệu sơ cấp từ phụ huynh HSSV vay vốn.

Các bước thực hiện	Nội dung các bước
<u>Bước 1:</u> Xác định tổng thể đối tượng điều tra	Tổng thể đối tượng điều tra là toàn bộ các Hộ gia đình có HSSV đang được vay vốn từ chương trình cho vay HSSV trong phạm vi cả nước tính đến tháng 7.2014. Tuy nhiên, do tổng thể đối tượng điều tra lớn nên NCS tiến hành xác định khung chọn mẫu điều tra để thu hẹp phạm vi chọn mẫu.
<u>Bước 2:</u> Xác định khung chọn mẫu	NCS sử dụng sử dụng khái niệm “Vùng kinh tế” ở Việt Nam để xác lập khung chọn mẫu điều tra. Như vậy, khung chọn mẫu điều tra gồm 7 vùng kinh tế: Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi Phía Bắc,

	<p>Khu Bốn cũ, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, miền đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Trong mỗi vùng kinh tế, NCS sử dụng danh sách những Tỉnh, TP nằm trong vùng kinh tế để chọn mỗi vùng 1 Tỉnh, TP nhằm thu hẹp dần một khung chọn mẫu. Tiếp theo, NCS dựa vào danh sách các Huyện, Quận trong mỗi Tỉnh, TP trong khung chọn mẫu thu hẹp để chọn mỗi tỉnh 1 Huyện, Quận đưa vào khung chọn mẫu cuối cùng (<i>Phụ lục 1B</i>).</p>
<p><u>Bước 3:</u> Lựa chọn phương pháp chọn mẫu</p>	<p>NCS sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện (Convenience sampling) để lựa chọn mẫu điều tra, theo phương pháp này NCS dựa vào danh sách các địa phương nằm trong khung chọn mẫu phát phiếu điều tra, đến các PGD Ngân hàng Chính sách xã hội vào thời điểm giải ngân nguồn vốn cho vay HSSV để xác định những phụ huynh HSSV vay vốn đưa vào mẫu điều tra, số phiếu phát ra tại mỗi địa phương là 30.</p>
<p><u>Bước 4:</u> Tiến hành điều tra thông tin sơ cấp</p>	<p>Thời gian tiến hành điều tra thông tin, dữ liệu kéo dài từ đầu tháng 8 đến cuối tháng 10 năm 2014, NCS lựa chọn thời gian này để phát phiếu điều tra vì đây là thời gian các chi nhánh NHCSXH trên phạm vi toàn quốc thực hiện giải ngân cho vay HSSV năm học 2014 – 2015.</p> <p>NCS trực tiếp đi điều tra tại các Quận, Huyện trong khung chọn mẫu, kết quả phát và thu phiếu điều tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số phiếu phát ra: 420 phiếu - Số phiếu thu về: 392 phiếu (đạt 93,3% so với tổng số phiếu phát ra)

	<ul style="list-style-type: none"> - Số phiếu hợp lệ: 361 phiếu (đạt 92,1% so với tổng số phiếu thu về) - Số phiếu không hợp lệ (phiếu có số câu trả lời dưới 50%): 31 phiếu (chiếm 7,9%)
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

b) Điều tra, thu thập thông tin từ học sinh, sinh viên vay vốn

Để tiến hành điều tra, thu thập thông tin, dữ liệu sơ cấp từ HSSV vay vốn, NCS thực hiện 3 nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, thiết kế bảng hỏi điều tra

Bảng hỏi điều tra HSSV vay vốn nhằm thu thập những thông tin về mức độ hài lòng của HSSV vay vốn về thủ tục vay vốn, lãi suất cho vay, mức cho vay, đồng thời tham khảo ý kiến của HSSV về tác động của chương trình cho vay HSSV đến ý thức học tập và cơ hội nghề nghiệp của họ sau khi ra trường (*Phụ lục 2A*).

Thứ hai, xây dựng quy trình điều tra

Các bước thực hiện	Nội dung các bước
<u>Bước 1:</u> Xác định tổng thể đối tượng điều tra	Tổng thể đối tượng điều tra là toàn bộ HSSV đang được vay vốn từ chương trình cho vay HSSV trong phạm vi cả nước tính đến tháng 9.2014. Do tổng thể đối tượng điều tra rất lớn nên NCS tiến hành xác định khung chọn mẫu điều tra để thu hẹp phạm vi chọn mẫu.
<u>Bước 2:</u> Xác định khung chọn mẫu	NCS sử dụng sử dụng khái niệm “Miền địa lý” ở Việt Nam để xác lập khung chọn mẫu. Như vậy, khung chọn mẫu điều tra gồm 3 miền: miền Bắc – miền Trung – miền Nam. Trong mỗi miền địa lý, NCS sử dụng danh sách các trường đại học, CĐ đóng trên mỗi miền để chọn mỗi miền 1 trường đại học, 01 trường CĐ nhằm xác định khung chọn mẫu (<i>Phụ lục 2B</i>).
<u>Bước 3:</u> Lựa chọn phương pháp chọn mẫu	NCS sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện (Convenience sampling) để lựa chọn mẫu điều tra, theo phương pháp này NCS dựa vào danh sách các trường

	<p>nằm trong khung chọn mẫu phát phiếu điều tra, vào các lớp bất kỳ để xác định những HSSV có vay vốn từ chương trình cho vay HSSV của NHCSXH đưa vào mẫu điều tra, số phiếu phát ra tại mỗi trường là 30.</p>
<p><u>Bước 4:</u> Tiến hành điều tra thông tin, dữ liệu</p>	<p>Thời gian tiến hành điều tra thông tin, dữ liệu kéo dài từ đầu tháng 9 đến cuối tháng 10 năm 2014, NCS lựa chọn thời gian này để phát phiếu điều tra vì đây là thời gian HSSV vay vốn chương trình cho vay HSSV của NHCSXH đã bắt đầu năm học 2014 – 2015.</p> <p>NCS tiến hành phát phiếu điều tra cho những HSSV có vay vốn từ chương trình cho vay HSSV của NHCSXH vào giờ ra chơi và thu lại ngay.</p> <p>Kết quả phát và thu phiếu điều tra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số phiếu phát ra: 270 phiếu - Số phiếu thu về: 258 phiếu (đạt 95,5%) - Số phiếu hợp lệ: 248 phiếu (đạt 96,0%) - Số phiếu không hợp lệ (phiếu có số câu trả lời dưới 50%): 10 phiếu (chiếm 04%)

c) Phương pháp điều tra, thu thập thông tin đối với cán bộ nhân viên của NHCSXH Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội có tham gia trực tiếp vào quy trình cho vay học sinh, sinh viên.

Để tiến hành điều tra, thu thập thông tin, dữ liệu sơ cấp từ chủ thể và khách thể tham gia cung cấp tín dụng ưu đãi cho HSSV, NCS thực hiện 3 nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, thiết kế bảng hỏi điều tra

Bảng hỏi điều tra nhằm thu thập những thông tin về mức độ đồng ý liên quan đến những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại hạn chế của chương trình cho vay HSSV; đồng thời thăm dò ý kiến về các giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian tới (*Phụ lục 3A*).

Thứ hai, xây dựng quy trình điều tra

Các bước thực hiện	Nội dung các bước
<u>Bước 1:</u> Xác định tổng thể đối tượng điều tra	Tổng thể đối tượng điều tra là toàn bộ CBNV làm việc tại tại NHCSXH Việt Nam, Hội Phụ Nữ, Hội Nông Dân, Đoàn Thanh Niên và các cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Do tổng thể đối tượng điều tra rất lớn nên NCS tiến hành xác định khung chọn mẫu điều tra để thu hẹp phạm vi chọn mẫu.
<u>Bước 2:</u> Xác định khung chọn mẫu	NCS sử dụng danh sách các Tỉnh, Thành phố đã được xác định để tiến hành phát phiếu điều tra, thu thập thông tin, dữ liệu sơ cấp từ phụ huynh HSSV vay vốn để xác định các Hội Phụ Nữ, Hội Nông Dân, Đoàn Thanh Niên đưa vào khung chọn mẫu; dựa vào danh sách các trường đại học đã được xác định để tiến hành phát phiếu điều tra, thu thập thông tin từ HSSV được vay vốn chương trình cho vay HSSV để xác định các Trường đại học đưa vào khung chọn mẫu (<i>Phụ lục 3B</i>).
<u>Bước 3:</u> Lựa chọn phương pháp chọn mẫu	NCS sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện (Convenience sampling) để lựa chọn mẫu điều tra, theo phương pháp này NCS dựa vào danh sách các chi nhánh NHCSXH Việt Nam, Hội Phụ Nữ, Hội Nông Dân, Đoàn Thanh Niên tại các Tỉnh, Thành phố; Danh sách các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp nằm trong khung chọn mẫu phát phiếu điều tra để tiến hành phát phiếu điều tra.
<u>Bước 4:</u> Tiến hành điều tra thông tin, dữ liệu	Thời gian tiến hành điều tra thông tin, dữ liệu kéo dài từ đầu tháng 8 đến cuối tháng 10 năm 2014. Kết quả phát và thu phiếu điều tra

	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số phiếu phát ra: 220 phiếu - Số phiếu thu về: 207 phiếu (đạt 94,2%) - Số phiếu hợp lệ: 201 phiếu (đạt 97,1%) - Số phiếu không hợp lệ (phiếu có số câu trả lời dưới 50%): 06 phiếu (chiếm 2,9%)
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

1.3.3.2. Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp

Ngoài các thông tin sơ cấp, NCS tiến hành thu thập thông tin thứ cấp về nguồn vốn cho vay, doanh số cho vay, dự nợ cho vay HSSV; tình hình thu hồi nợ, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của chương trình cho vay HSSV, v.v...

Các thông tin thứ cấp được NCS thu thập từ báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện chương trình cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn theo quyết định số 157/2007/QĐ – TTg của NHCSXH; báo cáo tổng kết định kỳ hàng năm; báo cáo chuyên đề của các phòng ban chức năng NHCSXH hàng năm; từ các trang web của Chính phủ, NHNN, Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTB&XH...

1.3.4. Phương pháp tổng hợp và xử lý thông tin

** Xử lý thông tin sơ cấp*

Kết quả điều tra xã hội học được NCS thống kê và xử lý bằng phần mềm SPSS. Thông qua phần mềm SPSS để tính ra mức trung bình của các câu hỏi, kiểm tra tính phân phối chuẩn của các kết quả điều tra. Dựa vào kết quả định lượng, kết hợp với các nghiên cứu định tính là cơ sở để NCS đánh giá thực trạng cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam theo các tiêu chí đã nêu ở chương 2, chỉ ra nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong hoạt động cho vay HSSV, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian tới.

** Xử lý thông tin thứ cấp*

Các thông tin thứ cấp thu thập được, NCS tiến hành xử lý bằng các phương pháp:

- Phân tổ, thống kê, tổng hợp thành các nhóm: nguồn vốn; cho vay và thu hồi nợ; hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội chương trình cho vay HSSV.

- Phân tích, so sánh sự biến động của các nhóm thông tin qua các năm, tính toán tỉ trọng của các thành phần trong tổng số.

- Sử dụng biểu đồ, đồ thị để đánh giá, so sánh, tham chiếu nhằm làm rõ hơn thực trạng cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

* *Công cụ hỗ trợ*: NCS sử dụng hình ảnh, biểu đồ, đồ thị để biểu thị, phản ánh các thông tin, số liệu được hiệu quả hơn. Ngoài ra, NCS sử dụng phần mềm SPSS để tính ra mức trung bình của các câu hỏi, kiểm tra tính phân phối chuẩn của các kết quả điều tra xã hội học.



TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của luận án.

- Phần tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong và ngoài nước được trình bày theo các nhóm chủ đề: (1) tổng quan nghiên cứu về nguồn vốn cho vay học sinh, sinh viên; (ii) tổng quan nghiên cứu về chính sách cho vay học sinh, sinh viên; (iii) tổng quan nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên.

Từ những công trình nghiên cứu đã được tổng quan trong chương 1, NCS tiến hành tóm tắt những vấn đề đã được giải quyết, những hạn chế của những công trình này, chỉ ra những khoảng trống khoa học cần tiếp tục nghiên cứu làm cơ sở tìm ra hướng nghiên cứu của luận án.

Để giải quyết vấn đề, luận án tập trung trả lời câu hỏi: (i) Cơ sở lý luận và thực tiễn về cho vay HSSV là gì?, (ii) Hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH được đánh giá bằng những chỉ tiêu nào?, (iii) Những nhân tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH?, (iv) Thực trạng chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam đã được hiệu quả hay chưa?, (v) Giải pháp nào giúp nâng cao hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam?

Về phương pháp nghiên cứu, NCS xác định đề tài “*Cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Thực trạng và giải pháp*” thuộc loại hình nghiên cứu phân tích - ứng dụng nên đã lựa chọn phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm phương pháp luận trong suốt quá trình phân tích xem xét các vấn đề cần nghiên cứu. Để phân tích và xử lý thông tin, dữ liệu thu thập được, NCS sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phân loại và hệ thống hóa; thống kê mô tả; phân tích, tổng kết kinh nghiệm; tổng hợp phân tích kinh tế; điều tra khảo sát; phương pháp chuyên gia và các công cụ hỗ trợ nghiên cứu như biểu đồ, đồ thị, hình vẽ.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHO VAY HỌC SINH, SINH VIÊN

2.1. Học sinh, sinh viên và vấn đề chi phí cho quá trình học tập

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm học sinh, sinh viên

2.1.1.1. Khái niệm học sinh, sinh viên

Hiện nay đang có một số cách diễn đạt khác nhau về khái niệm học sinh, sinh viên như:

- Theo từ điển tiếng Việt của các tác giả: Hoàng Phê, Hoàng Thị Tuyền, ...; ‘học sinh’ là người học ở bậc phổ thông, trung học; còn ‘sinh viên’ là người học ở bậc cao đẳng, đại học [21]. Với cách diễn đạt này, nhóm tác giả tiếp cận khái niệm “học sinh” với nghĩa là tên gọi chung của những người học ở bậc phổ thông, trung học còn “sinh viên” là tên gọi chung của những người học ở bậc cao đẳng, đại học. Với cách tiếp cận này, nhóm tác giả chưa làm rõ được nội hàm của khái niệm “học sinh” và “sinh viên”.

- Còn theo tác giả Nguyễn Hồng Ánh, sinh viên là “một bộ phận của thanh niên đang theo học ở các trường đại học và cao đẳng. Họ là một nhóm xã hội đặc thù, đang trong giai đoạn phát triển và hoàn thiện nhân cách, tích cực học tập, rèn luyện chuẩn bị gia nhập đội ngũ trí thức, lao động kỹ thuật cao của đất nước. Trong bất cứ giai đoạn lịch sử nào, thanh niên sinh viên luôn là lực lượng năng động, sáng tạo và là nguồn nhân lực được đào tạo cao của xã hội. [4]

Sinh viên là lực lượng kế tiếp, bổ sung cho đội ngũ trí thức tương lai. Họ là lớp người có văn hóa cao và có nhiều điều kiện đón nhận những thông tin về tư tưởng, khoa học kỹ thuật, văn hóa và được tập trung ở những trung tâm kinh tế văn hóa xã hội của địa phương”. [4]

Với khái niệm này, tác giả Nguyễn Hồng Ánh cũng đồng quan điểm với nhóm tác giả Hoàng Phê, Hoàng Thị Tuyền,... khi cho rằng sinh viên là “một bộ phận của thanh niên đang theo học ở các trường đại học và cao đẳng”, nhưng cái khác trong

khái niệm về sinh viên của tác giả Nguyễn Hồng Ánh là đã làm rõ hơn nội hàm của khái niệm sinh viên là “*họ là một nhóm xã hội đặc thù, đang trong giai đoạn phát triển và hoàn thiện nhân cách, tích cực học tập, rèn luyện chuẩn bị gia nhập đội ngũ trí thức, lao động kỹ thuật cao của đất nước*”.

Từ những phân tích trên, NCS thống nhất sử dụng thuật ngữ “*học sinh, sinh viên*” trong quá trình trình bày các nội dung của luận án với ý nghĩa là tên gọi của những người đang học ở bậc đào tạo nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học, không bao gồm những người đang học ở bậc học phổ thông.

2.1.1.2. Đặc điểm của học sinh, sinh viên

- *Học sinh, sinh viên là những người có hoài bão, có ước mơ*: Nghề nghiệp tương lai trở thành niềm mong ước, sự kỳ vọng, lý tưởng, động cơ, mục đích cơ bản nhất, quan trọng nhất trong cuộc sống và mọi hoạt động của sinh viên. [4]

Đây là một đặc điểm rất quan trọng của HSSV. Đặc điểm này cho thấy mỗi HSSV đều có những ước mơ, hoài bão về nghề nghiệp trong tương lai. Họ lấy đó làm mục tiêu để phấn đấu, rèn luyện và nỗ lực hơn trong học tập. Tuy nhiên, trên thực tế có một số HSSV không thực hiện được ước mơ, hoài bão của mình vì gia đình và bản thân họ không có đủ nguồn lực tài chính để trang trải cho việc học tập, đặc biệt là học cao đẳng, đại học.

- *Học sinh, sinh viên là những người có cơ hội để thành công trong xã hội*: do tính chất của hoạt động nghề nghiệp trong tương lai, họ là những người có nhiều cơ hội thuận lợi hơn để chiếm những vị trí cao trong xã hội, nhất là trong nền kinh tế tri thức. [23]

Đặc điểm này cho thấy HSSV là một lực lượng lao động rất quan trọng của nền kinh tế trong tương lai. HSSV sẽ là lực lượng lao động có trí thức, có trình độ, có kỹ năng làm việc tốt hơn lực lượng lao động phổ thông, không qua đào tạo. Do đó, nếu Chính phủ các nước có các cơ chế, chính sách phù hợp, hỗ trợ HSSV để họ có điều kiện theo học các chương trình đào tạo nghề, cao đẳng, đại học thì lực lượng lao động có qua đào tạo này sẽ có những đóng góp tích cực hơn trong việc

nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế.

- *Học sinh, sinh viên là những người có khả năng thích ứng cao, tiếp thu nhanh các giá trị mới:* Phần lớn HSSV là những người trẻ tuổi, có sức khỏe tốt, thích học hỏi, khám phá, tìm hiểu những cái mới nên dễ dàng thích nghi với các môi trường, điều kiện mới, dễ dàng tiếp thu những giá trị mới trong cuộc sống. [22]

Đặc điểm này cho thấy HSSV sẽ là lực lượng lao động tiên phong của nền kinh tế, họ sẽ là lực lượng lao động có khả năng ứng dụng những thành tựu khoa học mới vào sản xuất để tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, tăng sức cạnh tranh cho nền kinh tế, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững ở các quốc gia.

2.1.2. Chi phí cho quá trình học tập của học sinh, sinh viên

Trong quá trình học tập, HSSV phải chi trả nhiều khoản chi phí, trong đó có 3 khoản chi cơ bản là học phí, sinh hoạt phí và tiền mua tài liệu học tập.

2.1.2.1. Học phí

Giáo dục và đào tạo là một trong những lĩnh vực nhận được sự ưu tiên đầu tư hàng đầu từ NSNN. Tuy nhiên, NSNN khó có khả năng đáp ứng đủ toàn bộ kinh phí phục vụ hoạt động giáo dục và đào tạo của một quốc gia. Để đáp ứng đủ nguồn lực tài chính cho giáo dục, cần có sự tham gia của các nguồn lực ngoài ngân sách. Một trong những nguồn lực ngoài ngân sách là học phí.

Học phí là số tiền HSSV phải chi trả cho cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp khi họ sử dụng các dịch vụ giáo dục, đào tạo. Thông thường, học phí được các cơ sở đào tạo tính theo tín chỉ, tháng, học kỳ hoặc năm.

Học phí có ý nghĩa quan trọng, thể hiện sự công bằng trong việc thụ hưởng các dịch vụ giáo dục, nâng cao ý thức của người học đối với cộng đồng và góp phần làm giảm gánh nặng chi cho NSNN. Hiện nay, hầu hết các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp trên thế giới đều thu học phí của HSSV, mức học phí HSSV phải đóng cao hay thấp phụ thuộc vào các yếu tố: cơ sở giáo dục đào tạo là công lập hay ngoài công lập; trình độ đào tạo; chương trình đào tạo; chất lượng đào tạo;....

Đối với các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập, do được Nhà nước bao cấp một phần kinh phí hoạt động (chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí thường xuyên) nên học phí của các cơ sở giáo dục công lập thường thấp hơn học phí của các cơ sở giáo dục ngoài công lập; học phí của cấp học có trình độ cao thường cao hơn học phí của cấp học có trình độ thấp; học phí chương trình đào tạo liên kết thường cao hơn học phí của các chương trình đào tạo trong nước; học phí của HSSV ngoại quốc thường cao hơn học phí của HSSV bản địa.

Học phí đã, đang và sẽ còn là khoản chi phí lớn cho quá trình học tập của HSSV. Tùy theo cơ sở giáo dục, đào tạo là công lập hay ngoài công lập, trình độ đào tạo, chương trình đào tạo,..., số tiền học phí sẽ chiếm ít nhất từ 30% đến hơn 50% tổng số tiền HSSV phải chi trả cho việc học tập của mình/tháng.

2.1.2.2. Sinh hoạt phí

Sinh hoạt phí là những khoản chi phí HSSV phải chi trả để duy trì cuộc sống hàng ngày trong suốt thời gian theo học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo như: tiền thuê nhà, điện, nước; tiền ăn, mua vật dụng cá nhân và các nhu cầu khác.

Số tiền sinh hoạt phí HSSV phải chi trả hàng tháng không phụ thuộc vào cơ sở đào tạo là công lập hay ngoài công lập, trình độ đào tạo, chương trình đào tạo mà chủ yếu phụ thuộc vào mức giá cả sinh hoạt của địa phương, nơi HSSV tạm trú để theo học.

Thời gian theo học của HSSV tại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thường dao động từ 2-5 năm, đặc biệt có những chương trình kéo dài đến 6-7 năm nên số sinh hoạt phí mà HSSV phải chi trả trong thời gian đi học là không nhỏ. Do đó, để tiết kiệm sinh hoạt phí, HSSV thường ưu tiên lựa chọn thuê ký túc xá của các cơ sở đào tạo để ở, tự nấu ăn, đi lại bằng phương tiện công cộng,... Tuy nhiên, trên thực tế không phải cơ sở nào cũng có ký túc xá cho sinh viên thuê, một số ký túc xá có quy định cấm nấu ăn trong phòng,... Cho nên, sinh hoạt phí đã, đang và sẽ còn là gánh nặng tài chính đối với mỗi HSSV, đặc biệt là những HSSV có hoàn cảnh khó khăn.

2.1.2.3. Chi phí mua tài liệu học tập

Chi phí mua tài liệu học tập là một khoản mục chi phí không thể thiếu trong quá trình học tập của HSSV. Theo thông lệ, HSSV theo học các chương trình giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, trong thời gian lên lớp nghe giảng, giảng viên chỉ nêu vấn đề, gợi ý phương pháp nghiên cứu, định hướng cách thức giải quyết vấn đề, giới thiệu các tài liệu cần tìm đọc từ đó người học phải tự tìm những tài liệu này để mượn, thuê hoặc mua nhằm phục vụ mục đích học tập để nâng cao trình độ, mở rộng sự hiểu biết của mình.

Các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp đều phải đầu tư xây dựng thư viện để làm nơi học tập và nghiên cứu cho giảng viên và HSSV. Tại đây, HSSV có thể tìm và mượn một số tài liệu phục vụ mục đích học tập, nghiên cứu của mình.

Trong trường hợp HSSV mượn được tài liệu của thư viện, đây là cách tốt nhất để HSSV tiết kiệm chi phí mua tài liệu học tập. Tuy nhiên, do khó khăn về tài chính, diện tích mặt bằng hạn hẹp,... một số cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chưa đầu tư xây dựng được thư viện, hoặc có đầu tư nhưng với diện tích nhỏ, số đầu sách, tài liệu ít, chưa đáp ứng được nhu cầu mượn tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu của HSSV. Trong những trường hợp này, HSSV phải tự mua tài liệu học tập, nghiên cứu với chi phí khá đắt đỏ. Chi phí mua tài liệu học tập sẽ tỷ lệ thuận với cấp đào tạo mà HSSV theo học, ở những quốc gia có luật về bản quyền tác giả và việc thực thi luật bản quyền tác giả nghiêm, ở đó chi phí mua tài liệu học tập sẽ cao hơn ở những quốc gia chưa có luật bản quyền tác giả hoặc việc thực thi luật bản quyền tác giả chưa nghiêm.

2.1.3. Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và cơ hội tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp

2.1.3.1. Khái niệm, đặc điểm học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

a) Khái niệm học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn là những người đang theo học tại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Nhưng vì một lý do nào đó, họ đang không có đủ nguồn tài chính để chi trả các chi phí cơ bản cho quá trình học tập như: học phí, sinh hoạt phí, tiền mua tài liệu,...

b) Đặc điểm học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn là một bộ phận của HSSV nói chung. Tuy nhiên, do xuất phát từ các hộ gia đình nghèo, bị hạn chế nguồn lực tài chính đã hình thành một số đặc điểm riêng của nhóm HSSV này, cụ thể:

- *Hạn chế về kỹ năng sống, kỹ năng làm việc so với những học sinh, sinh viên khác:* Do bị hạn chế về nguồn lực tài chính nên HSSV có hoàn cảnh khó khăn không có nhiều cơ hội tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm trang bị, bổ sung các kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm cần thiết cho bản thân và công việc sau này.

- *Thường có ít bạn bè hơn những học sinh, sinh viên khác:* Do gặp khó khăn về tài chính nên những HSSV có hoàn cảnh khó khăn thường sống thu mình, ít giao tiếp với các bạn cùng trang lứa, cùng lớp, cùng trường vì họ biết khi mở rộng các mối quan hệ, kết bạn với nhiều người sẽ làm phát sinh nhiều chi phí. Chính điều này làm cho những HSSV có hoàn cảnh khó khăn thường có ít bạn để cùng nhau trao đổi trong học tập và chia sẻ trong cuộc sống .

- *Lo sợ phải bỏ học giữa chừng:* Những HSSV có hoàn cảnh khó khăn luôn thấy lo lắng, bất an vì họ sợ đến một lúc nào đó họ sẽ không có đủ tiền để thanh toán học phí; sinh hoạt phí, ... và sẽ phải bỏ dở việc học hành, từ bỏ những ước mơ, hoài bão của về một tương lai tốt đẹp.

2.1.3.2. Cơ hội tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp của học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

Trong quá trình phát triển chung về kinh tế - chính trị - xã hội, giáo dục và đào tạo đã và đang từng bước trở thành một dịch vụ có thu phí. Do đó, khi sử dụng dịch vụ giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, người học phải trả các khoản phí như: học phí, sinh hoạt phí, chi phí mua tài liệu học tập,...Do đó, những HSSV có hoàn cảnh khó khăn sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp vì:

(i) Một bộ phận không nhỏ HSSV có hoàn cảnh khó khăn là những người sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, hải đảo. Ở những vùng này địa hình thường phức tạp, đường sá đi lại khó khăn, khoảng cách từ nhà đến trường xa làm

tăng chi phí thuê nhà trọ, đi lại,... Đây là một rào cản rất lớn khi họ muốn tiếp cận với dịch vụ giáo dục, đào tạo;

(ii) Những HSSV có hoàn cảnh khó khăn do gia đình gặp các biến cố lớn trong cuộc sống như: bão, lụt, động đất, sóng thần, ... làm mất mát, hỏng hóc tài sản, công cụ, dụng cụ làm việc; hoặc những lao động trụ cột trong gia đình không may gặp sự cố qua đời, bị tàn tật, bị giảm hoặc mất khả năng lao động,... thường phải bỏ học giữa chừng, để tiết kiệm chi phí cho gia đình, để đi làm thuê kiếm tiền phụ giúp gia đình duy trì cuộc sống,...;

(iii) Chính phủ của một số nước chưa xây dựng được cơ chế tài chính phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là cơ chế tài chính nhằm hỗ trợ những HSSV có hoàn cảnh khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Chính điều này đã và đang làm cho nhiều HSSV có hoàn cảnh khó khăn mất đi cơ hội được học tập, nâng cao trình độ để lập thân, lập nghiệp;

(iv) Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thế giới, sự mất giá của đồng tiền, nhìn chung học phí của các cơ sở giáo dục, đào tạo đều tăng lên theo thời gian. Theo PGS. TS Vũ Hải Quân “Tính từ năm học 2008 - 2009 đến nay, học phí và các khoản phí khác ở các trường đại học công lập của Mỹ tăng 27%. Trong đó, học phí trung bình của các trường đại học tư là 30.000 USD/năm, trường đại học công dành cho sinh viên trái tuyển là 22.000 USD/năm. Năm 2012, cứ 10 sinh viên tốt nghiệp đại học thì có đến 7 sinh viên phải gánh trên vai món nợ ước tính lên đến 30.000 USD. Trong khi 20 năm trước đó, chưa đến một nửa số sinh viên ra trường phải nợ và số tiền nợ cũng chỉ dưới 10.000 USD. Ở Anh, việc cho phép các trường đại học có thể thu học phí lên đến 9.000 GBP kể từ năm học 2012 so với 3.000 GBP ở các năm học trước đó đã đẩy tỷ lệ phải xóa nợ cho các khoản vay không thể trả của sinh viên lên cao. Theo nguồn dự báo mới đây, chi phí xóa nợ của chính phủ đã lên tới con số 45% trên tổng tiền nợ học phí, ước tính vào khoảng 10 tỉ GBP mỗi năm. Hiện tượng tăng học phí cũng đang diễn ra ở nhiều quốc gia khác, trong đó có Nhật Bản và Singapore”. [40]

Tại Việt Nam, trong nhiều thập kỉ qua, các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập được Chính phủ bao cấp phần lớn kinh phí hoạt động, nên hàng năm HSSV chỉ phải đóng một mức học phí rất thấp so với tổng chi phí mà cơ sở đào tạo phải bỏ ra để thực hiện đào tạo một HSSV/năm. Tuy nhiên, trong vòng 10 năm trở lại đây, vấn đề tự chủ trong giáo dục đại học Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực. Từ chỗ toàn hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam do nhà nước quản lý chặt chẽ về mọi mặt thông qua Bộ GD&ĐT, đến nay các trường đại học công lập đã được trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức, biên chế và tài chính đã tăng thêm cơ hội tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học cho HSSV. Mới đây, nhằm khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học công lập chủ động khai thác, sử dụng hợp lý nguồn kinh phí của NSNN, tăng cường thu hút các nguồn kinh phí ngoài ngân sách, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 – 2017. Theo đó, Nghị quyết nêu rõ, cơ sở giáo dục đại học công lập khi cam kết tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động, chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức, biên chế và tài chính. [11a] Với việc tự chủ về tổ chức, biên chế và tài chính, học phí của các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập ở Việt Nam đã, đang và sẽ tăng lên đáng kể trong thời gian tới. Đây là một rào cản lớn đối với những HSSV có hoàn cảnh khó khăn nếu họ muốn tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. (Phụ lục 4-5-6)

2.2. Cấp tín dụng và cho vay học sinh, sinh viên

2.2.1. Khái niệm về cấp tín dụng, cho vay và phân loại cho vay

a) Khái niệm về cấp tín dụng

Hiện nay các nhà khoa học, nhà nghiên cứu về lý thuyết tiền tệ, ngân hàng đều thống nhất sử dụng khái niệm cấp tín dụng là: *“Việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác”*. [34]

Như vậy, cấp tín dụng là một khái niệm có nội hàm rộng, hàm chứa nhiều nghiệp vụ sử dụng vốn của TCTD, trong đó cho vay chỉ là một hình thức cấp tín dụng mà thôi.

b) Khái niệm về cho vay

Cho vay trong hoạt động của các TCTD được hiểu là: “*Hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi*”. [34]

Qua khái niệm cho vay nêu trên ta thấy, cho vay trong hoạt động của các TCTD là cho vay bằng tiền, cho vay trong một thời gian nhất định, người vay phải nêu rõ mục đích sử dụng vốn vay, phải trình bày rõ phương án sử dụng vốn vay để các TCTD xem xét và quyết định. Nếu mục đích sử dụng vốn vay của người vay không hợp pháp, hợp lệ hoặc phương án không đảm bảo an toàn theo quy định quản trị rủi ro của TCTD thì các TCTD có quyền từ chối cho vay.

c) Phân loại cho vay

Thứ nhất, căn cứ vào thời hạn cho vay, cho vay của các TCTD được chia thành:

- *Cho vay ngắn hạn*, là loại hình cho vay có thời hạn dưới 1 năm;
- *Cho vay trung hạn*, là loại hình cho vay có thời hạn từ 1 đến 5 năm;
- *Tín dụng dài hạn*, là loại hình cho vay có thời hạn trên 5 năm. [12]

Theo cách phân loại này, cho vay HSSV được xếp vào loại hình cho vay trung và dài hạn.

Thứ hai, căn cứ vào mục đích vay vốn, cho vay của các TCTD được chia thành:

- *Cho vay sản xuất, kinh doanh*, là hình thức cấp tín dụng cho các doanh nghiệp, cá nhân để tiến hành sản xuất và kinh doanh.
- *Cho vay tiêu dùng*, là hình thức cấp tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm nhà cửa, xe cộ, thiết bị gia đình và các nhu cầu khác của cá nhân. [15]

Theo cách phân loại này, cho vay HSSV là hình thức cho vay tiêu dùng.

Thứ ba: Căn cứ vào sự ưu đãi về lãi suất và điều kiện vay vốn, cho vay của các TCTD được chia thành:

- *Cho vay theo cơ chế thị trường:* Là loại hình cho vay phổ biến nhất hiện nay; theo đó người cho vay và người đi vay thỏa thuận với nhau về lãi suất, điều kiện vay vốn, v.v...theo nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- *Cho vay chính sách:* Là loại hình cho vay đặc thù dành cho các đối tượng khách hàng không có đủ khả năng và điều kiện để tiếp cận với loại hình cho vay theo cơ chế thị trường; với cho vay ưu đãi người đi vay sẽ được hưởng một số ưu đãi về lãi suất, điều kiện vay vốn, thời hạn vay, v.v....

Theo cách phân loại này, cho vay HSSV được xếp vào loại hình cho vay chính sách.

2.2.2. Cho vay học sinh, sinh viên

2.2.2.1. Khái niệm cho vay học sinh, sinh viên

Cho vay HSSV là hình thức cho vay tiêu dùng, theo đó các TCTD cấp cho HSSV một khoản tiền nhất định trên nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi sau một thời gian nhất định, nhằm hỗ trợ HSSV có thêm nguồn tài chính để đóng học phí, chi trả các khoản sinh hoạt phí, tiền mua tài liệu trong quá trình học tập.

Như vậy, về nguyên tắc hoạt động, HSSV vay vốn cũng phải đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích và hoàn trả cả gốc và lãi đúng hạn.

2.2.2.2. Mục tiêu của chương trình cho vay học sinh, sinh viên

Chương trình cho vay HSSV ngày càng được quan tâm, thảo luận tại các chương trình nghị sự về chính sách của nhiều quốc gia. Chương trình cho vay HSSV đã có mặt tại nhiều quốc gia trên khắp thế giới, trong đó hầu hết các chương trình cho vay HSSV là dành cho giáo dục đại học.

Tại nhiều nước, các đề xuất về cho vay HSSV đã trở thành một đề tài nổi bật trong các cuộc thảo luận chính trị. Các chương trình cho vay HSSV đã nhận được sự quan tâm đặc biệt từ các nhà hoạch định chính sách, bởi sự đóng góp của chương trình vào việc giải quyết các vấn đề chính sách cấp bách mà các chính phủ đang

phải đổi mới như: XDGN, cung cấp nguồn nhân lực có qua đào tạo, mở rộng hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp,....

Các chương trình quốc gia về cho vay HSSV được thiết lập vì nhiều lý do khác nhau, tuy nhiên chúng ta có thể kể đến một số lý do cơ bản như sau:

Thứ nhất, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn: Ở hầu hết các quốc gia, tỷ lệ thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tham gia các chương trình giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp là không cao. Đây là nguyên nhân dẫn đến nhiều hệ lụy xã hội như: làm gia tăng tỉ lệ thất nghiệp, chênh lệch giàu nghèo, tệ nạn xã hội,...Do đó, tăng tỉ lệ thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tham gia các chương trình giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp trở thành một yếu tố chính trong chính sách giáo dục của mỗi quốc gia.

Để giải quyết vấn đề này, có một số quốc gia đã thông qua các khoản trợ cấp học tập dưới hình thức cấp học bổng để giúp HSSV trang trải học phí và các chi phí sinh hoạt khác. Tuy nhiên, một chương trình trợ cấp học tập cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn dưới hình thức cấp học bổng chỉ khả thi khi áp dụng ở quy mô nhỏ và sẽ không khả thi khi triển khai trên diện rộng vì ngân quỹ quốc gia không cho phép.

Do đó, một chương trình quốc gia về cho vay HSSV với các điều kiện ưu đãi sẽ giúp nhiều thanh niên có hoàn cảnh khó khăn có được nguồn tài chính để tiếp cận với dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

Thứ hai, mở rộng giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp: Cùng với sự phát triển của nền kinh tế giới, nhu cầu học đại học và học nghề nghiệp ngày càng tăng. Tuy nhiên, Chính phủ các nước không thể đáp ứng nhu cầu này của HSSV bằng cách tăng mức hỗ trợ tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập để họ mở rộng quy mô đào tạo vì ngân quỹ quốc là có hạn.

Các chương trình quốc gia về cho vay HSSV đã góp phần làm gia tăng đáng kể số lượng HSSV tham gia giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Điều này đã góp phần mở rộng quy mô giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp tại nhiều quốc gia trên thế giới.

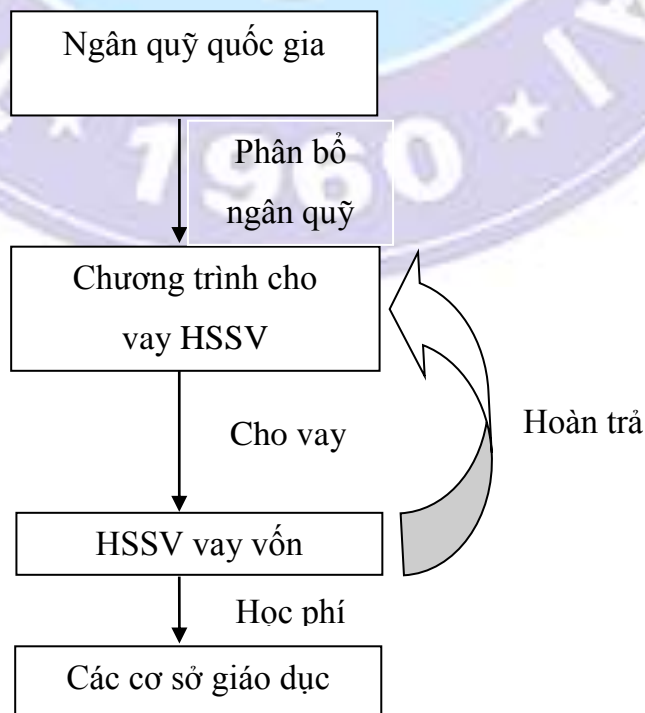
Thứ ba, giảm gánh nặng tài chính cho bố mẹ học sinh, sinh viên: Bố mẹ HSSV luôn phải lo tìm kiếm nguồn tài chính để chi trả các khoản: học phí, sinh hoạt phí, tiền mua tài liệu học tập, v.v... cho con cái. Áp lực về tài chính càng lớn hơn đối với những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Các chương trình quốc gia về cho vay HSSV sẽ góp phần giảm nhẹ áp lực tài chính đối với những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vì những chương trình này đã cung cấp nguồn tài chính ổn định với nhiều ưu đãi về lãi suất, điều kiện vay vốn, thời gian vay, đặc biệt chương trình chỉ thu nợ sau khi HSSV tốt nghiệp ra trường.

Thứ tư, thực hiện mục tiêu ngân sách (phát sinh thu nhập từ học phí): Các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập trên thế giới hoạt động dựa vào nguồn tài chính do Chính phủ cấp. Trong điều kiện ngân sách ngày càng eo hẹp, Chính phủ các nước đang từng bước cắt giảm chi tiêu trong đó có các khoản chi cho giáo dục, đào tạo. Việc này sẽ tạo áp lực về tài chính lên các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập, buộc các cơ sở giáo dục công lập phải bù đắp phần tài chính bị thiếu hụt bằng cách tăng học phí và tăng số lượng HSSV.

Các chương trình quốc gia về cho vay HSSV sẽ góp phần làm tăng nguồn thu cho các cơ sở giáo dục; phân phối lại ngân quỹ quốc gia cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo; tạo tính tự chủ và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập.

Hình 2.1: Phân bổ ngân quỹ quốc gia tạo nguồn tài chính cho các cơ sở giáo dục



2.2.3. Ngân hàng Chính sách xã hội – Chủ thể cho vay ưu đãi đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

2.2.3.1. Khái niệm Ngân hàng Chính sách Xã hội

Chính sách cho vay ưu đãi đối với các đối tượng chính sách được Chính phủ nhiều nước trên thế giới thực hiện thông qua các TCTD khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi nước. Có những nước, Chính phủ thông qua ngân hàng thương mại hoặc các quỹ, các tổ chức tài chính vi mô, nhưng cũng có những nước, Chính phủ thành lập những ngân hàng riêng để thực hiện mục đích này, như: Rabobank của Hà Lan, Grameen Bank của Băng-la-đét, Banco Popular do Brasil của Bra-xin, Bank Rakjat của In-đô-nê-xia, Savings Bank của Thái Lan, Nayoby Bank của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào,... Nhận thức về mô hình Ngân hàng tham gia thực hiện chính sách có nhiều quan điểm khác nhau:

- *Quan điểm thứ nhất*, để chuyển tải vốn tới các đối tượng thụ hưởng chính sách xã hội phải là một loại hình ngân hàng chính sách của Chính phủ, được thành lập chỉ để thực hiện các chương trình cho vay ưu đãi. Theo quan điểm này, Chính phủ các nước sẽ thành lập Ngân hàng chuyên biệt để thực hiện các hoạt động tín dụng chính sách.

- *Quan điểm thứ hai*, để chuyển tải vốn tới các đối tượng thụ hưởng chính sách xã hội, Chính phủ có thể thông qua hệ thống NHTM thuộc sở hữu Nhà nước để thực hiện các chương trình cho vay ưu đãi theo chỉ định của Chính phủ.

- *Quan điểm thứ ba cho rằng không cần thành lập Ngân hàng chuyên biệt cho người nghèo*, người nghèo và các đối tượng chính sách khác không nhất thiết phải được hưởng ưu đãi về lãi suất. Điều cần thiết đối với họ là được ưu đãi về điều kiện vay vốn. Do đó, có thể thành lập NHTM cổ phần để cho vay đối với người nghèo với lãi suất hoàn toàn theo cơ chế thị trường.

Cách tiếp cận về mô hình ngân hàng tham gia thực hiện chính sách xã hội như đã trình bày ở trên có khác nhau, sự vận dụng chúng có hiệu quả hay không sẽ tùy thuộc vào việc chúng có phù hợp với đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi nước hay không.

Trong xu thế phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường, ở mỗi quốc gia đều nảy sinh tình trạng có những ngành hàng, những khu vực kinh tế, những đối tượng khách hàng có sức cạnh tranh kém, không đủ các điều kiện tiếp cận với dịch vụ tài chính của các NHTM. Ví dụ, các ngành hàng mang tính lợi ích công cộng, vùng sâu, vùng xa nơi có địa hình khó khăn hiểm trở, bị chia cắt, điều kiện khí hậu tự nhiên khắc nghiệt..., chịu chi phí lớn, rủi ro cao, đòi hỏi vốn đầu tư lớn thời gian dài, lợi nhuận thấp hoặc không có lợi nhuận sẽ khó có điều kiện để tiếp cận với các dịch vụ tài chính của NHTM. Tuy nhiên, những ngành hàng, những khu vực kinh tế và những đối tượng khách hàng này không thể bị “bỏ rơi”, nó cần sự hỗ trợ của Chính phủ để tồn tại và phát triển bởi tính xã hội của nó: nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế cân bằng giữa các vùng, miền, giữa các thành phần, đảm bảo sự chênh lệch giàu nghèo không quá lớn và nhằm giải quyết các mục tiêu chính trị - xã hội. Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu nêu trên, Chính phủ các nước đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau, trong đó công cụ tín dụng chính sách được đánh giá là công cụ có hiệu quả nhất.

Tùy điều kiện và nhu cầu của mỗi quốc gia, Chính phủ sẽ thiết lập các kênh tín dụng hoặc thiết lập các Ngân hàng chuyên biệt để cho vay: các khu vực kinh tế ưu tiên; các ngành kinh tế có tính chất chiến lược; các công trình có tính khả thi về tài chính nhưng đòi hỏi vốn lớn, thời gian dài (công trình cơ sở hạ tầng, đường sá...); XDGN, phát triển kinh tế nông thôn và các khu vực xã hội.

Các ngân hàng được thiết lập để thực hiện các chương trình cho vay chính sách của Chính phủ được gọi là Ngân hàng Chính sách hoặc Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Từ những phân tích trên, tác giả thống nhất sử dụng khái niệm NHCSXH là *loại hình Ngân hàng chuyên biệt được Chính phủ các nước thiết lập, chuyên cho vay các đối tượng chính sách theo quy định của Chính phủ.*

Cũng như các TCTD khác, NHCSXH thực hiện các nghiệp vụ huy động vốn, cho vay, cung cấp các dịch vụ ngân hàng. Tuy nhiên, với đặc thù là một TCTD hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nên: (i) Nguồn vốn phục vụ cho hoạt động cấp

tín dụng của NHCSXH chủ yếu do Chính phủ cấp hoặc do Chính phủ đứng ra bảo lãnh để NHCSXH vay hoặc huy động trên thị trường; (ii) Hoạt động cho vay chủ yếu là cho vay theo các chương trình cho vay do Chính phủ chỉ định; (iii) Hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng thì chủ yếu là các dịch vụ không thu phí.

2.2.3.2. Vai trò của Ngân hàng Chính sách Xã hội

NHCSXH hoạt động không theo các tiêu chí kinh doanh thương mại, hoạt động cho vay không vì mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận cho Ngân hàng. NHCSXH được chỉ định cho vay nhằm hỗ trợ các chính sách kinh tế, chính trị và xã hội của Chính phủ. Do đó, vai trò của NHCSXH được thể hiện rõ nhất trong các lĩnh vực:

- NHCSXH có vai trò đảm bảo cho nền kinh tế phát triển cân đối, hài hòa, góp phần thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về XDGN và việc làm, đảm bảo an sinh xã hội.

- NHCSXH góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các đối tượng hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác so với các phương thức cấp phát vốn vì:

Thứ nhất, do việc chuyển tải vốn được thực hiện theo phương thức cho vay có hoàn trả nên nguồn vốn được người vay tính toán cụ thể, để đảm bảo mang lại hiệu quả vốn được sử dụng quay vòng nhiều lần, giúp nhiều người được hưởng lợi.

Thứ hai, phương thức tín dụng giúp người vay vốn khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại khi nhận vốn cấp phát của Nhà nước; họ biết tính toán lỗ lãi để tự nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của mình, năng lực sử dụng vốn, làm quen dần với hạch toán kinh tế, với sản xuất hàng hóa để hòa nhập thị trường, hòa nhập cộng đồng.[11b]

2.3. Chương trình cho vay học sinh, sinh viên và hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội

2.3.1. Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

2.3.1.1. Khái niệm cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn là việc các TCTD cấp tín dụng cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn, giúp HSSV trang trải một phần hoặc toàn bộ tiền học phí, sinh hoạt phí trong thời gian học tập tại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục

nghe nghiệp, HSSV vay vốn phải hoàn trả cả gốc và lãi cho ngân hàng sau một thời gian nhất định.

2.3.1.2. Sự cần thiết của chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

Chương trình cho vay HSSV không đơn thuần là chủ trương của Chính phủ các nước, là ý chí chủ quan của NHCSXH mà nó là xuất phát từ những đòi hỏi khách quan của nền kinh tế và của cả xã hội.

** Xuất phát từ sự phát triển không đồng đều giữa các vùng miền: Thành thị - Nông thôn – Miền núi*

Trên thực tế có một bộ phận không nhỏ dân cư đang sinh sống ở những vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, nơi có điều kiện thiên nhiên không ưu đãi, bị ảnh hưởng nặng nề bởi hậu quả của thiên tai, dịch họa, v.v... Cuộc sống trở nên khó khăn, gia đình không có đủ tài chính nuôi con em ăn học nên con em của những gia đình này khó có điều kiện để tiếp cận với các dịch vụ giáo dục, đào tạo; không có điều kiện để học tập nâng cao trình độ, mở rộng kiến thức dẫn đến không thể tự vươn lên trong quá trình phát triển chung của xã hội, bị thất nghiệp, thu nhập thấp và trở nên nghèo đói.

Mặt khác, trong quá trình phát triển xã hội, việc thay đổi quan hệ lao động đã làm nảy sinh hiện tượng chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa miền núi và đồng bằng. Những HSSV ở vùng đồng bằng, thành thị sẽ có điều kiện để tiếp cận với dịch vụ giáo dục, đào tạo tốt hơn những HSSV ở nông thôn, miền núi. Điều này dẫn đến tình trạng dư thừa lao động có qua đào tạo ở đồng bằng, thành thị nhưng lại thiếu nhân lực có qua đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo. Do đó, Chính phủ các nước cần có chính sách hỗ trợ giúp những HSSV ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo,... có cơ hội tiếp cận dịch vụ giáo dục, đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực có qua đào tạo cho các địa phương vùng sâu, vùng xa. Đây là nền tảng cho việc thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng miền.

Để XDGN bền vững, cần trang bị cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách “*cái cần câu*” chứ không phải cho họ “*xâu cá*”. Trên tinh thần đó, Chính phủ các nước cần có giải pháp giúp nâng cao trình độ, nhận thức về khoa học kỹ thuật, hiểu biết xã hội cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách.

Trong cuốn sách kiến thức của người nghèo, tác giả J.Michchael Finger viết lời đầu cuốn sách “Làm thế nào để chúng ta có thể giúp được người nghèo kiếm được nhiều tiền hơn từ vốn trí thức của họ, thay vì cứ phải mãi chân lấm tay bùn, nhễ nhãi mồ hôi”. Đối với người nghèo, tác giả đề xuất “Đẩy mạnh cải cách, khuyến khích khai thác tri thức và các kỹ năng sáng tạo của người nghèo ở các nước nghèo, đặc biệt là về việc cải thiện thu nhập cho họ từ những kỹ năng và vốn trí thức ấy”. [10]

Làm được điều này sẽ giúp các hộ nghèo, hộ gia đình chính sách biết cách áp dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác, chăn nuôi để nâng cao năng suất lao động; giúp hộ nghèo biết cách quản lý tài chính cá nhân, tài chính gia đình, biết cách nuôi dạy con cái nhằm từng bước thoát nghèo bền vững. [18]

Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn là một công cụ đặc lực giúp Chính phủ các nước trang bị “*cần câu*” và dạy các hộ gia đình chính sách cách “*câu cá*” để từ đó thoát nghèo bền vững. Như vậy, cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn vay vốn là một yêu cầu khách quan trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia. Nhưng áp dụng mô hình quản lý; cơ chế cho vay như thế nào cho hiệu quả đang là vấn đề có tính thời sự, cấp bách cần các nhà khoa học nghiên cứu và tìm ra lời giải.

** Nền kinh tế thị trường phát triển đòi hỏi một lực lượng lao động có trình độ, chuyên môn, kỹ năng làm việc tốt*

Bài học rút ra từ các nước cho thấy, những nước có nền kinh tế thị trường phát triển đều là những nước có nền giáo dục phát triển. Một nền kinh tế thị trường phát triển đòi hỏi một lực lượng lao động có trình độ, chuyên môn, kỹ năng làm việc tốt giúp các doanh nghiệp làm chủ được công nghệ sản xuất, kinh doanh, thích ứng nhanh với những thay đổi của thị trường, hội nhập nhanh với nền kinh tế thế giới.

Để có một lực lượng lao động có trình độ, tay nghề cao, kỹ năng làm việc tốt đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế thị trường trong thời kỳ hội nhập, Chính phủ các nước phải xem giáo dục là quốc sách hàng đầu, là giải pháp căn cơ để giải quyết một loạt các vấn đề xã hội như: XDGN bền vững; phát triển bền vững; giải quyết các bất công trong xã hội, v.v.... Tuy nhiên có một thực tế đáng lo ngại là vẫn còn nhiều HSSV không thể tiếp cận dịch vụ giáo dục, đào tạo do gặp khó khăn về tài chính. Do đó, nếu Chính phủ các nước không có các chính sách tài chính phù hợp để hỗ trợ HSSV có hoàn cảnh khó khăn, một bộ phận không nhỏ HSSV có hoàn cảnh khó khăn sẽ không được đào tạo hoặc phải bỏ học giữa chừng, đất nước sẽ mất đi một lượng lớn nhân sự có qua đào tạo. [14]

2.3.1.3. Vai trò của chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn

Thứ nhất, giúp học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vượt khó [14]

Thực tiễn ở các nước đang phát triển cho thấy phần lớn những thanh, thiếu niên đang ở tuổi đi học, nhưng không được đến trường hoặc phải bỏ học giữa chừng là con em những hộ gia đình nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, điều kiện tiên quyết để giúp những thanh, thiếu niên này tiếp cận được dịch vụ giáo dục là phải giúp họ có nguồn tài chính để chi trả các khoản như: học phí, ăn, ở, đi lại,....

Chương trình cho vay HSSV giúp HSSV có hoàn cảnh khó khăn có đủ khả năng tài chính để tiếp cận dịch vụ giáo dục, nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc. Tạo nền tảng cho HSSV tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, có thu nhập ổn định nuôi sống bản thân, phụ giúp gia đình và trả nợ vay ngân hàng.

Những HSSV vay vốn thường có ý thức tiết kiệm, chi tiêu có kế hoạch, đặc biệt họ có ý thức học tập và rèn luyện tốt với hy vọng sẽ tìm được việc làm ổn định, có thu nhập tốt để trả nợ gốc và lãi vay cho NHCSXH. Cho HSSV vay vốn là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện chiến lược XDGN bền vững, thực hiện công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường.

Chương trình cho vay HSSV góp phần xóa bỏ tâm lý mặc cảm, tự ti của HSSV có hoàn cảnh khó khăn, chương trình đã giúp các đối tượng vay vốn tự chủ

về tài chính để tự quyết định việc học tập của mình từ đó giúp họ tự tin hơn trong cuộc sống.

Thứ hai, tạo tiền đề thực hiện xóa đói giảm nghèo bền vững

Một trong những nguyên nhân dẫn đến cuộc sống đói, nghèo ở một số bộ phận dân cư trong xã hội là do họ thiếu kiến thức, không biết ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thiếu kiến thức thị trường, kinh doanh, xã hội,.... Chính vì thiếu kiến thức nên bộ phận dân cư này không biết cách áp dụng các khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh dẫn đến chi phí sản xuất, kinh doanh cao, năng suất lao động thấp cộng thêm các phong tục, tập quán sinh hoạt lạc hậu đã làm trầm trọng thêm sự đói, nghèo của họ.

Sự ra đời của chương trình tín dụng HSSV đã giúp những hộ nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có đủ điều kiện về tài chính cho con em họ tiếp cận với dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Được tiếp cận với dịch vụ giáo dục, đào tạo sẽ giúp con em họ nâng cao kiến thức sản xuất, kinh doanh, kinh tế, xã hội, từ đó áp dụng vào sản xuất, kinh doanh của gia đình nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của cá nhân và gia đình. Đây chính là tiền đề cơ bản giúp cá nhân và gia đình những HSSV có hoàn cảnh khó khăn thoát nghèo một cách bền vững. [5]

Thứ ba, góp phần cung cấp nguồn nhân lực có qua đào tạo cho đất nước

Con người luôn đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Do đó, chương trình cho vay HSSV đã góp phần giúp các gia đình thuộc diện hộ đói, nghèo; hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có thêm điều kiện về tài chính để lo cho con em họ theo học tại các cơ sở dạy nghề, các trường TC, CĐ và ĐH. [22]

Ngoài ra, chương trình tín dụng HSSV đã góp phần hạn chế tình trạng HSSV có hoàn cảnh khó khăn không được đến trường, bỏ học giữa chừng do gia đình không có tiền hoặc không đủ tiền để chi trả các khoản phí dịch vụ giáo dục, đào tạo.

Những HSSV có hoàn cảnh khó khăn, sau khi được tiếp cận với dịch vụ giáo dục, đào tạo sẽ trở thành nguồn nhân lực có qua đào tạo phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và đất nước.

Thứ tư, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội

Thực tế đã chứng minh rằng chính sự đói, nghèo, thiếu kiến thức là những nguyên nhân đẩy xã hội loài người vào sự hỗn loạn vì:

- Khi con người phải sống trong cảnh đói, nghèo thì rất dễ xảy ra tình trạng cướp bóc, trộm cắp, giết người,... vì trong hoàn cảnh đó bản năng sinh tồn của con người sẽ trỗi dậy, những suy nghĩ như: phải sống, phải tồn tại trong mỗi người sẽ có cơ hội để thắng những suy nghĩ sống tốt, sống đẹp. Đây chính là cội nguồn cho những bất ổn và hỗn loạn trong xã hội. [8]

- Khi con người phải sống trong cảnh mù chữ, thiếu kiến thức thì xã hội rất dễ rơi vào tình trạng kém phát triển, lạc hậu. Khi trình độ nhận thức bị hạn chế thì con người sẽ chậm đổi mới, cải cách phương pháp sản xuất kinh doanh; chậm hoặc thậm chí không biết áp dụng những tiến bộ của khoa học, công nghệ vào quá trình sản xuất, kinh doanh nên hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả không cao, năng suất lao động không cao dẫn đến thu nhập thấp, lâm vào cảnh nghèo, đói. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự mất ổn định của xã hội. [17]

Thứ năm, giúp Chính phủ phân phối lại nguồn tài chính cho các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công bằng hơn, góp phần mở rộng quy mô giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

Các chương trình quốc gia về cho vay HSSV sẽ góp phần làm tăng nguồn thu cho các cơ sở giáo dục; phân phối lại ngân quỹ quốc gia cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo; tạo tính tự chủ và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

2.3.2. Hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội

2.3.2.1. Quan niệm về hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội

Theo từ điển tiếng Việt của các tác giả: Hoàng Phê, Hoàng Thị Tuyền, ..., từ “*hiệu quả*” được hiểu là “*kết quả thực của việc làm mang lại*”. [21] Trong hoạt động kinh doanh, từ ‘*hiệu quả*’ được hiểu là hiệu số giữa tổng giá trị kinh tế thu về của một hoạt động kinh doanh nào đó so với tổng chi phí phải bỏ ra để thực hiện nó. Nếu kết quả là số dương (+) thì hoạt động kinh doanh đó có hiệu quả, còn nếu kết quả là số âm (-) thì hoạt động kinh doanh đó không có hiệu quả.

Tuy nhiên, NHCSXH hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận mà vì mục tiêu XDGN, đảm bảo an sinh xã hội và những mục tiêu khác do Chính phủ giao. Do đó, các nhà nghiên cứu kinh tế thường tiếp cận khái niệm hiệu quả cho vay của NHCSXH trên 2 góc độ, đó là: hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế.

Hiệu quả xã hội: Là những kết quả đạt được trên thực tế từ hoạt động cho vay của NHCSXH đối với cuộc sống, tinh thần của người vay vốn, đối với vấn đề an sinh xã hội của cộng đồng nơi đối tượng vay vốn sinh sống.

Hiệu quả kinh tế: Là việc tiết kiệm chi phí; hạn chế các tổn thất, mất vốn trong hoạt động cho vay của NHCSXH.

Từ cách tiếp cận khái niệm hiệu quả cho vay của NHCSXH như trên, khái niệm hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH được hiểu là kết quả thực của hoạt động cho vay mang lại cho NHCSXH (tiết kiệm chi phí hoạt động, hạn chế tổn thất trong cho vay,...), cho HSSV vay vốn (tăng khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, nâng cao ý thức học tập, tăng khả năng tìm việc sau khi tốt nghiệp,...) và cho xã hội (góp phần thực hiện mục tiêu XDGN bền vững, nâng cao trình độ dân trí,...) trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực của NHCSXH, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững cho chương trình cho vay HSSV.

2.3.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng

Chính sách xã hội

Hoạt động cho vay của NHCSXH được đánh giá là hiệu quả khi NHCSXH đảm bảo an toàn được nguồn vốn, tiết kiệm được chi phí trong hoạt động cho vay, thực hiện được các mục tiêu XDGN, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống (*cả*

vật chất và tinh thần) cho đối tượng vay vốn. Do đó, khi đánh giá hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH, NCS tiến hành đánh giá trên cả hai phương diện là hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

a) Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội chương trình cho vay học sinh, sinh viên

Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn của NHCSXH là một chương trình cho vay ưu đãi. Do đó, khi đánh giá hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH, NCS quan tâm nhiều hơn đến hiệu quả xã hội của chương trình.

Hiệu quả xã hội của chương trình cho vay HSSV của NHCSXH được đánh giá trên các khía cạnh: góp phần thực hiện mục tiêu XDGN bền vững, nâng cao ý thức học tập vì ngày mai lập nghiệp cho HSSV, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp cho những HSSV có hoàn cảnh khó khăn, cung cấp nguồn nhân lực có qua đào tạo, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường, nâng cao trình độ dân trí,...

NCS sử dụng các tiêu chí sau để đánh giá hiệu quả xã hội của chương trình:

Thứ nhất, nhóm chỉ tiêu định tính

- *Góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo bền vững*, chỉ tiêu này gắn liền với đặc điểm hoạt động không vì mục đích lợi nhuận mà vì mục tiêu xã hội của NHCSXH. NHCSXH cung cấp tín dụng chính sách cho HSSV, giúp họ có điều kiện tiếp cận với dịch vụ giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp nhằm trang bị cho họ cái “Cần câu” để họ có thể tự “Câu được cá”, từ đó nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm, có thu nhập, cải thiện đời sống, vươn lên thoát nghèo góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo trong xã hội.

- *Góp phần nâng cao ý thức học tập của học sinh, sinh viên*, quá trình tập trung các nguồn vốn và chu chuyển qua hình thức cho vay trên nguyên tắc có hoàn trả cả vốn gốc và lãi đã góp phần nâng cao chủ động hơn trong học tập, khơi dậy tính vượt khó, vươn lên thoát nghèo của HSSV vay vốn [37]. Thực tế đã chứng minh, phần lớn những HSSV được vay vốn đi học đều nhận thức được trách nhiệm hoàn trả vốn vay cả gốc và lãi cho ngân hàng sau khi tốt nghiệp, điều này đã thôi thúc họ phải nỗ lực nhiều hơn trong quá trình học tập vì một ngày mai lập nghiệp.

Thứ hai, các chỉ tiêu định lượng

Ngoài các chỉ tiêu định tính, NCS còn sử dụng một số chỉ tiêu định lượng trong việc đánh giá hiệu quả xã hội chương trình cho vay HSSV nhằm tăng độ tin cậy trong việc phân tích thực trạng hiệu quả xã hội hoạt động cho vay HSSV của NHCSXH.

** Chỉ tiêu phản ánh khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của học sinh, sinh viên*

$$\text{Tỷ lệ HSSV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn NHCSXH} = \frac{\text{Số HSSV được vay vốn từ NHCSXH}}{\text{Tổng số HSSV thuộc diện được vay vốn từ NHCSXH}} \times 100$$

Chỉ tiêu này cao hay thấp phản ánh khả năng đáp ứng về nguồn vốn của chương trình so với nhu cầu vay của HSSV, phản ánh hiệu quả công tác truyền thông về chương trình cho vay HSSV đối với các đối tượng thuộc diện được vay vốn cao hay thấp, phản ánh mức độ quan tâm của HSSV tới những lợi ích của chương trình, v.v... Trong quá trình đánh giá hiệu quả xã hội chương trình cho vay HSSV, chỉ tiêu này càng tiệm cận 1 (100%) thì càng tốt vì một trong những mục tiêu của chương trình là đưa nguồn vốn tín dụng ưu đãi đến được tay HSSV nhằm tăng khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp cho họ.

Trong trung và dài hạn chỉ tiêu này còn phản ánh những tác động tích cực của chương trình cho vay HSSV tới việc cung cấp nguồn nhân lực có qua đào tạo cho xã hội, nâng cao trình độ dân trí, XDGN bền vững.

** Nhóm chỉ tiêu phản ánh tác động của vốn vay lên đời sống vật chất và tinh thần của đối tượng vay vốn.*

- Tỷ lệ học sinh, sinh viên vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội tốt nghiệp đúng hạn

$$\text{Tỷ lệ HSSV vay vốn NHCSXH tốt nghiệp đúng hạn} = \frac{\text{Số HSSV vay vốn NHCSXH tốt nghiệp đúng hạn}}{\text{Tổng số HSSV vay vốn NHCSXH từ đầu khóa}} \times 100$$

NHCSXH luôn giám sát chặt chẽ quá trình học tập của người vay để giải ngân, thu nợ. Do vậy, chỉ tiêu này góp phần phản ánh rõ nét hơn tác động của vốn vay đến ý thức học tập của HSSV, đến việc đảm bảo nguồn tài chính để chi trả các khoản chi phí trong quá trình học tập của HSSV. Tỷ lệ này càng tiệm cận 1 hoặc bằng 1 (100%) thì càng tốt. Khi chỉ tiêu này bằng 1, có nghĩa là 100% HSSV vay vốn đã có đủ nguồn tài chính để chi trả cho các khoản chi phí liên quan đến quá trình học tập của mình như học phí, sinh hoạt phí, tài liệu học tập và ở một góc nhìn khác, khi chỉ tiêu này bằng 1 cũng đã phần nào phản ánh những tác động tích cực của chương trình đến việc nâng cao ý thức trong học tập và rèn luyện của HSSV vay vốn, vì chỉ có những HSSV có ý thức trong học tập và rèn luyện mới có khả năng hoàn thành chương trình học tập của mình đúng hạn theo quy định của các cơ sở đào tạo đại học và đào tạo nghề nghiệp.

- Tỷ lệ học sinh, sinh viên trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách Xã hội

Một trong những mục tiêu quan trọng nhất của chương trình cho vay HSSV là trang bị cho HSSV cái “cần câu” để họ tự “câu được cá”, do vậy HSSV sau khi được vay vốn, học tập và tốt nghiệp đúng hạn, tìm được việc làm sẽ có thu nhập để trả nợ NHCSXH.

$$\text{Tỷ lệ HSSV vay vốn trả nợ đúng hạn cho NHCSXH} = \frac{\text{Số HSSV vay vốn trả nợ đúng hạn}}{\text{Tổng số HSSV vay vốn đã đến hạn trả nợ}} \times 100$$

Chỉ tiêu này phản ánh tác động của chính sách cho vay HSSV lên khả năng tìm việc làm của HSSV vay vốn sau khi tốt nghiệp. Chỉ tiêu này càng tiệm cận 1 hoặc bằng 1 (100%) càng tốt. Khi chỉ tiêu này bằng 1 có nghĩa là 100% HSSV vay vốn sau khi tốt nghiệp đã có việc làm, có thu nhập để nuôi sống bản thân và trả được nợ cho NHCSXH. Ở một góc nhìn khác, khi chỉ tiêu này tiệm cận 1 hoặc bằng

1 (100%) cho thấy những lao động có qua đào tạo sẽ có nhiều cơ hội hơn trong quá trình tìm kiếm việc làm, thậm chí có những lao động sau khi được đào tạo đã có khả năng tự tạo ra việc làm cho chính mình và những người khác. Điều đặc biệt hơn là những lao động có qua đào tạo họ sẽ có khả năng để ứng dụng những tiên bộ của khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất từ đó nâng cao hiệu quả trong sản xuất của gia đình từ đó học có thu nhập tốt hơn để nuôi sống bản thân, phụ giúp gia đình và trả nợ cho NHCSXH.

b) Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế chương trình cho vay học sinh, sinh viên

Khi nói đến hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV của NHCSXH, chúng ta không thể dùng chỉ tiêu 'lợi nhuận' làm thước đo, vì NHCSXH hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Do đó, NCS xem xét hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV trên các góc độ: tiết kiệm chi phí hoạt động, hạn chế tổn thất trong cho vay, đảm bảo an toàn tài chính cho NHCSXH trong mối quan hệ biện chứng với các mục tiêu chính trị, xã hội của chương trình.

Hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV của NHCSXH được phản ánh qua các chỉ tiêu sau:

Thứ nhất, nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng tiết kiệm chi phí hoạt động của NHCSXH

* Số học sinh, sinh viên bình quân trên một cán bộ tín dụng

$$\frac{\text{Số HSSV bình quân trên một CBTD}}{\text{Số HSSV còn dư nợ}} = \frac{\text{Số HSSV còn dư nợ}}{\text{Tổng số CBTD trong toàn hệ thống}}$$

* Dư nợ cho vay HSSV bình quân trên một CBTD

$$\frac{\text{Dư nợ chương trình cho vay HSSV bình quân trên một CBTD}}{\text{Tổng dư nợ chương trình cho vay HSSV}} = \frac{\text{Tổng dư nợ chương trình cho vay HSSV}}{\text{Tổng số CBTD trong toàn hệ thống}}$$

Đặc thù của NHCSXH là CBTD được giao phụ trách thị trường theo phạm vi địa lý (*Xã, Phường*) chứ không phụ trách theo đối tượng khách hàng (khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp) như các NHTM thường làm. Điều này có nghĩa, một CBTD của NHCSXH phải phụ trách toàn bộ đối tượng vay vốn của tất cả các chương trình cho vay do NHCSXH triển khai như: chương trình XĐGN, cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn, cho vay giải quyết việc làm, cho vay vùng khó khăn, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, v.v... Do đó, khi dư nợ chương trình cho vay HSSV bình quân/CBTD, số HSSV vay vốn/CBTD năm sau cao hơn năm trước có nghĩa là năng suất lao động của CBTD đã tăng lên và ngược lại (*vì CBTD của NHCSXH vẫn phải đảm nhận những công việc khác như bình thường, thậm chí khối lượng những công việc khác cũng tăng lên theo thời gian*). Khi năng suất lao động tăng lên sẽ giúp NHCSXH tiết kiệm được một số chi phí như: tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm, mua sắm CCLĐ v.v... do không phải tăng thêm biên chế. Tuy nhiên, khi khối lượng công việc tăng lên nhiều, vượt quá khả năng đảm nhận của các CBTD thì NHCSXH vẫn phải tăng thêm nhân sự để đảm bảo chất lượng công việc. Đây là một chỉ tiêu phản ánh rất rõ nét hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV của NHCSXH.

** Tỷ lệ nợ quá hạn chương trình cho vay học sinh, sinh viên*

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ nợ quá hạn} \\ \text{chương trình} \\ \text{cho vay HSSV} \end{array} = \frac{\text{Dư nợ quá hạn chương trình cho vay HSSV}}{\text{Tổng dư nợ chương trình cho vay HSSV}} \times 100$$

Tỷ lệ này phản ánh mức độ rủi ro mất vốn của NHCSXH, tỷ lệ này càng tiệm cận không (0%) càng tốt. Khi tỷ lệ này bằng 0 (0%) có nghĩa là 100% HSSV vay vốn đều trả nợ đúng hạn theo định, điều này cũng đồng nghĩa với việc NHCSXH không phải chịu bất kỳ rủi ro nào trong cho vay HSSV. Tỷ lệ này càng tiệm cận không (0%) hoặc bằng không (0%) sẽ giúp NHCSXH tiết kiệm được các chi phí như: chi phí quản lý nợ quá hạn, chi phí xử lý nợ có rủi ro, ... Đây là cơ sở đảm bảo an toàn tài chính, phát triển bền vững của chương trình, đảm bảo hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV.

Như vậy, khi xem xét hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV dưới góc độ tiết kiệm chi phí, giảm thiểu các rủi ro mất vốn trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV tại NHCSXH thì tỷ lệ nợ quá hạn chương trình cho vay HSSV là thước đo không thể thiếu, thước đo này kết hợp với thước đo về khả năng tiết kiệm chi phí như đã trình bày ở phần trên sẽ giúp đánh giá hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV được chính xác hơn.

Thứ hai: nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng đảm bảo an toàn tài chính

Ngoài việc tiết kiệm chi phí trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV, NHCSXH cần hạn chế được các tổn thất trong hoạt động cho vay HSSV như: mất vốn gốc, không thu được tiền lãi,... nhằm tăng hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV.

- *Tỷ lệ thu hồi nợ đúng hạn*

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ thu hồi nợ} \\ \text{chương trình} \\ \text{cho vay HSSV} \\ \text{đúng hạn} \end{array} = \frac{\text{DS thu hồi nợ chương trình cho vay HSSV đúng} \\ \text{hạn trong kỳ}}{\text{Tổng nợ chương trình cho vay HSSV đến hạn} \\ \text{phải thu}} \times 100$$

Tỷ lệ thu hồi nợ cho vay HSSV đúng hạn cho biết có bao nhiêu % dư nợ cho vay HSSV được NHCSXH thu đúng hạn. Tỷ lệ này tiệm cận 1 hoặc bằng 1 (100%) thì càng tốt. Khi tỷ lệ này tiệm cận 1 hoặc bằng 1 (100%) sẽ giúp NHCSXH an toàn hơn về tài chính, hạn chế các tổn thất về vốn, có thêm nguồn vốn quay vòng cho vay HSSV, giúp tiết kiệm các chi phí trong huy động vốn.

Như vậy, tỷ lệ thu hồi nợ chương trình cho vay HSSV là một thước đo quan trọng trong việc đánh giá hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV.

- *Tỷ lệ nợ khoan được thu hồi*

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ nợ} \\ \text{khoan cho} \\ \text{vay HSSV} \\ \text{được thu hồi} \end{array} = \frac{\text{DS thu hồi nợ khoan cho vay HSSV trong kỳ}}{\text{Tổng nợ khoan cho vay HSSV}} \times 100$$

- Tỷ lệ nợ gia hạn được thu hồi

$$\text{Tỷ lệ nợ gia hạn chương trình cho vay HSSV được thu hồi} = \frac{\text{DS thu hồi nợ được gia hạn chương trình cho vay HSSV}}{\text{Tổng dư nợ được gia hạn chương trình cho vay HSSV}} \times 100$$

Tỷ lệ nợ khoanh và tỷ lệ nợ gia hạn chương trình cho vay HSSV được thu hồi phản ánh khả năng xử lý nợ có rủi ro trong cho vay HSSV của NHCSXH. Khi hai tỷ lệ này tiệm cận 1 hoặc bằng 1 (100%) thì càng tốt và ngược lại. Hai tỷ lệ này tiệm cận 1 hoặc bằng 1 (100%) sẽ giúp NHCSXH hạn chế được tổn thất, bảo toàn được vốn trong cho vay HSSV, giảm được chi phí xử lý nợ có rủi ro.

Tỷ lệ nợ khoanh và nợ gia hạn cho vay HSSV được thu hồi, được xem là một trong những thước đo hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV.

Khi kết hợp các chỉ tiêu phản ánh khả năng đảm bảo an toàn tài chính với các chỉ tiêu phản ánh khả năng tiết kiệm chi phí trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV sẽ giúp chúng ta có được một cái nhìn đầy đủ hơn, khách quan hơn, chính xác hơn trong việc đánh giá hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV của NHCSXH.

Thứ ba, chỉ tiêu phản ánh khả năng tự bù đắp chi phí hoạt động chương trình cho vay HSSV

$$\text{Mức chênh lệch giữa lãi suất cho vay HSSV và lãi suất huy động vốn bình quân năm} = \frac{\text{Lãi suất cho vay HSSV}}{\text{Lãi suất huy động vốn bình quân trong năm}} - 1$$

Chỉ tiêu này phản ánh mức chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay HSSV với mức lãi suất huy động vốn bình quân trong từng thời kỳ. Mức chênh lệch giữa lãi suất cho vay HSSV và lãi suất huy động vốn bình quân phải bằng không (0%) hoặc lớn hơn không (0%) thì nguồn thu từ chương trình cho vay HSSV của NHCSXH mới có khả năng bù đắp được chi phí trả lãi huy động.

Hiện nay, chưa có một văn bản pháp luật hay tài liệu học thuật nào quy định hoặc chứng minh được, mức chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất huy động vốn bình quân phải là bao nhiêu phần trăm (%) thì đảm bảo cho nguồn thu từ tiền lãi cho vay bù đắp được chi phí hoạt động, chi phí triển khai các chương trình tín dụng nói chung và chương trình cho vay HSSV nói riêng. Bởi vì, thu nhập từ lãi cho vay có đủ để bù đắp các chi phí huy động vốn, chi phí triển khai chương trình cho vay HSSV hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như khả năng thu hồi lãi vay, khả năng kiểm soát rủi ro, kiểm soát các chi phí hoạt động của NHCSXH, v.v... Tuy nhiên, mức lãi suất cho vay HSSV phải bằng hoặc cao hơn mức lãi suất huy động vốn bình quân trong năm của NHCSXH là một điều kiện cần phải có để thu nhập từ tiền lãi cho vay HSSV bù đắp được ít nhất là chi phí trả lãi huy động vốn. Do đó, chỉ tiêu này là một thước đo không thể thiếu trong quá trình đo lường hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV của NHCSXH.

NHCSXH là một TCTD đặc thù, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nên nhiều khoản chi của NHCSXH đang được Chính phủ các nước bao cấp. Mục tiêu thu lãi từ hoạt động cho vay HSSV của NHCSXH bước đầu chỉ là để bù đắp chi phí trả lãi huy động vốn và một phần chi phí hoạt động, nhằm giảm bớt gánh nặng cho NSNN. Do đó, khi mức chênh lệch giữa lãi suất cho vay HSSV với lãi suất huy động vốn bình quân trong năm tại NHCSXH lớn hơn 0% đã được xem là có hiệu quả và mức chênh lệch dương này tăng lên, hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV sẽ tăng lên.

2.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách xã hội

2.3.3.1. Các nhân tố thuộc Ngân hàng Chính sách Xã hội

- *Nguồn vốn cho chương trình:* Nguồn vốn là yếu tố đầu tiên cần phải đảm bảo để thực hiện chương trình cho vay HSSV được hiệu quả. Chỉ khi nào NHCSXH làm chủ được nguồn vốn, có đủ vốn để đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu vay vốn của HSSV, lúc đó: (i) Cơ hội tiếp cận được nguồn vốn của HSSV mới tăng lên; (ii) Việc giải ngân cho HSSV mới kịp thời; (iii) Đảm bảo cho HSSV có tiền để đóng

học phí, chi trả các khoản sinh hoạt phí, mua tài liệu học tập; (iii) Đảm bảo cho HSSV vay vốn không phải bỏ học giữa chừng vì không có tiền để đóng học phí; (iiii) Đảm bảo cho HSSV yên tâm học tập để ngày mai lập nghiệp, điều này sẽ làm tăng hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH. Ngược lại, nếu NHCSXH không chủ động được nguồn vốn, không huy động đủ nguồn vốn phục vụ chương trình cho vay HSSV, NHCSXH sẽ không thể giải ngân đủ và kịp thời tiền vay cho HSSV, những HSSV có hoàn cảnh khó khăn có nguy cơ bị dừng học vì không có đủ tiền để đóng học phí, NHCSXH có nguy cơ bị mất vốn nếu HSSV vay vốn nhưng phải bỏ học giữa chừng vì không có đủ tiền để theo học cho đến hết khóa, điều này sẽ làm giảm hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH.

Nghiên cứu nguồn vốn chương trình cho vay HSSV giúp NCS có thêm các cơ sở khoa học và thực tiễn để đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian tới.

- *Công tác quản lý chương trình cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội*: Khi nói đến công tác quản lý chương trình cho vay HSSV là nói đến việc xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy, quy trình, quy định về cho vay HSSV; là nói đến công tác giám sát, kiểm tra, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV. Những nhân tố này có ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ lệ HSSV được vay vốn; tỷ lệ nợ quá hạn; tỷ lệ thu hồi nợ đúng hạn, tỷ lệ nợ khoan, tỷ lệ nợ được gia hạn chương trình cho vay HSSV được thu hồi, v.v...

Khi công tác quản lý chương trình cho vay HSSV được NHCSXH thực hiện tốt sẽ làm giảm các tổn thất về tài chính, tiết kiệm được chi phí hoạt động trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV. Ngược lại, khi công tác quản lý chương trình cho vay HSSV không được thực hiện tốt sẽ làm tăng các chi phí hoạt động, tăng rủi ro trong quá trình triển khai chương trình từ đó làm giảm hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH.

Nghiên cứu công tác quản lý chương trình cho vay HSSV giúp NCS hiểu được những mặt được và chưa được trong công tác quản lý chương trình cho vay HSSV

từ đó lựa chọn được các giải pháp nâng cao hiệu quả chương trình cho vay HSSV phù hợp, khả thi và khoa học.

2.3.3.2. Nhân tố thuộc về đối tượng thụ hưởng

- *Khả năng tìm việc làm của HSSV vay vốn sau khi tốt nghiệp*: Tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp là mong muốn của tuyệt đại đa số HSSV, vì một trong những mục tiêu của HSSV đang theo học các chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp là để có thêm cơ hội tìm việc làm phù hợp, ổn định và có thu nhập cao. Đối với những HSSV vay vốn từ chương trình cho vay HSSV của NHCSXH thì mục tiêu này được đặt lên hàng đầu, những HSSV vay vốn luôn mong muốn tìm được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, có thu nhập nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình hoàn trả vốn vay cho NHCSXH. Khả năng tìm việc của HSSV vay vốn sau khi tốt nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: năng lực, trình độ, tay nghề, kỹ năng làm việc của HSSV. Do đó, những HSSV vay vốn muốn có nhiều cơ hội tìm được việc làm ngay sau khi ra trường thì bản thân họ phải nỗ lực hết mình để tích lũy kiến thức, nâng cao trình độ, rèn luyện tay nghề và nâng cao kỹ năng làm việc, nhằm đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của các nhà tuyển dụng. Khi khả năng tìm việc làm của HSSV tăng lên sẽ có tác động tích cực đến hiệu quả kinh tế của chương trình cho vay HSSV của NHCSXH. Vì có việc làm là điều kiện quan trọng nhất để HSSV vay vốn có nguồn tài chính trả nợ NHCSXH. Ngược lại, khi khả năng tìm việc của HSSV vay vốn giảm xuống sẽ tác động tiêu cực đến hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV, vì không có việc làm HSSV sẽ không có nguồn tài chính để trả nợ, tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh, nợ giãn sẽ tăng cao, làm tăng chi phí quản lý và xử lý rủi ro đối với NHCSXH.

Nghiên cứu khả năng tìm việc của HSSV vay vốn sau khi tốt nghiệp, giúp NCS có được các cơ sở lý luận và thực tiễn để đánh giá những mặt hạn chế và tồn tại trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam giai đoạn 2007-2014.

- *Thu nhập của HSSV vay vốn sau khi tốt nghiệp*: Nguồn tài chính để HSSV có thể sử dụng trả nợ NHCSXH chủ yếu là thu nhập hàng tháng của HSSV và các

khoản thu nhập khác của gia đình. Phần lớn HSSV vay vốn đi học đều thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn về tài chính. Khi làm thủ tục vay vốn, các bậc phụ huynh phải trực tiếp ký nhận tiền vay và cam kết trả nợ hoặc phải đứng ra bảo lãnh khả năng trả nợ cho con cái. Do đó, phụ huynh có con em được vay vốn đi học sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp trong việc trả nợ gốc và lãi cho NHCSXH. Do đó, nếu thu nhập của HSSV và gia đình tăng lên, khả năng thu hồi nợ gốc và lãi từ HSSV vay vốn sẽ tăng, làm giảm tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh, nợ giãn,.... Từ đó giúp tăng hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV. Ngược lại khi thu nhập của HSSV và gia đình thấp, khả năng hoàn trả nợ gốc và lãi đúng hạn cho NHCSXH sẽ giảm, làm tăng tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh, nợ giãn,... Từ đó làm giảm hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV của NHCSXH.

Nghiên cứu nội dung thu nhập của HSSV sau khi ra trường giúp NCS đánh giá chính xác hơn các nguồn tài chính có thể dùng để trả nợ của HSSV. Đây là một trong những cơ sở để NCS đưa ra các giải pháp khả thi giúp nâng cao hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian tới.

2.3.3.3. Nhân tố thuộc về môi trường

Các nhân tố thuộc về môi trường có ảnh hưởng đến hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH gồm có: Môi trường kinh tế; môi trường chính trị; môi trường văn hóa, giáo dục.

Khi môi trường kinh tế; chính trị; văn hóa, giáo dục của một quốc gia được giữ ổn định sẽ có những tác động tích cực đến toàn bộ hoạt động của xã hội, trong đó có hoạt động cho vay HSSV của NHCSXH vì:

- Tạo điều kiện giúp nền kinh tế phát triển ở tốc độ cao và ổn định, khi nền kinh tế phát triển sẽ tạo thêm cơ hội việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp, từ đó giúp HSSV có thu nhập, có nguồn tài chính để trả nợ gốc và lãi cho NHCSXH.

- Hạn chế lạm phát, ổn định lãi suất tín dụng tạo cơ sở cho hoạt động huy động vốn, kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay HSSV của NHCSXH được thuận lợi, giúp NHCSXH huy động đủ và kịp thời nguồn vốn phục vụ hoạt động cho vay của NHCSXH nói chung và cho vay HSSV nói riêng.

- Thúc đẩy người dân đầu tư nhiều hơn cho con em đi học để tích lũy kiến thức, nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng làm việc với hy vọng con em họ sau khi tốt nghiệp sẽ biết ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất giúp tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho cá nhân và gia đình. Điều này sẽ có tác động tích cực đến hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH vì: (i) Ý thức và sự quyết tâm trong học tập của HSSV vay vốn sẽ tăng lên; (ii) Sự kiểm tra và giám sát của gia đình đối với quá trình học tập của HSSV sẽ tốt hơn; (iii) Tỷ lệ HSSV vay vốn tốt nghiệp đúng hạn sẽ tăng lên,...

Nghiên cứu nhân tố thuộc môi trường kinh tế; chính trị; văn hóa, giáo dục giúp NCS có được những đánh giá chính xác hơn về nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong việc nâng cao hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong giai đoạn 2007-2014.

2.4. Kinh nghiệm cho vay học sinh, sinh viên của một số quốc gia và bài học đối với Việt Nam

2.4.1 Kinh nghiệm về cho vay học sinh, sinh viên của một số quốc gia

Đã có nhiều quốc gia trên thế giới triển khai chương trình cho vay HSSV, những quốc gia này đều xem cho vay HSSV như một chiến lược đặc biệt để đạt được các mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững và ổn định xã hội. Tùy theo điều kiện chính trị, kinh tế mà mỗi quốc gia có một chính sách cho vay HSSV khác nhau.

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, NCS tập trung tìm hiểu kinh nghiệm tổ chức, triển khai chương trình cho vay HSSV ở 5 quốc gia trong khu vực Châu Á, nơi mà điều kiện kinh tế, xã hội có nhiều nét tương đồng đối với Việt Nam.

2.4.1.1. Cho vay sinh viên ở Trung Quốc [9]

Chương trình cho vay sinh viên lần đầu tiên được giới thiệu ở Trung Quốc vào năm 1986. Hiện nay, có hai chương trình cho vay SV đang được triển khai song hành ở Trung Quốc, trong đó một chương trình được Chính phủ trợ cấp còn một chương trình hoạt động theo cơ chế thương mại.

Chương trình cho vay sinh viên được Chính phủ trợ cấp là chương trình cho vay chính. Đây là chương trình tín dụng ưu đãi dành cho các học sinh nghèo của các

trường đại học công lập chính quy. Nguồn vốn của chương trình do Chính phủ trung ương cấp là chủ yếu, ngoài ra chính quyền địa phương có thể cấp một phần nhỏ, chính quyền địa phương sẽ chịu trách nhiệm lập danh sách những hộ gia đình có con em là sinh viên đang theo học tại các trường đại học công lập ở trong nước nhưng phải thỏa mãn các điều kiện là: sinh viên và gia đình họ phải chắc chắn có khó khăn về kinh tế hoặc thu nhập hàng năm chưa đầy 8.000 CNY hoặc ở vào một số hoàn cảnh cụ thể như mồ côi, tàn tật hoặc cha mẹ thất nghiệp.

Có 04 NHTM nhà nước tham triển khai chương trình này, các NHTM này chịu trách nhiệm lựa chọn, cho vay và thu nợ đến hạn; họ cũng chịu tất cả những rủi ro trong trường hợp SV vay vốn không đủ khả năng trả nợ; lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất thị trường nhưng một nửa trong số đó do Chính phủ thanh toán.

Mỗi sinh viên được phép vay khoảng 6.000 CNY/năm, chủ yếu để đóng học phí và trang trải một phần chi phí nhà ở, phần bị thiếu sẽ do sinh viên và gia đình của sinh viên bổ sung thêm. Khoản cho vay không cần có đảm bảo và có thể hoàn nợ trong vòng 10 năm sau tốt nghiệp. Lãi suất cho vay được các ngân hàng công bố vào đầu mỗi năm tài chính, lãi suất cho vay phải bù đắp được chi phí huy động vốn, chi phí cho vay nhưng phải thấp hơn lãi suất cho vay thương mại bình quân trên thị trường. NHTW Trung Quốc sẽ là cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng và công bố mức lãi suất cho vay đối với chương trình cho vay SV trong từng thời kỳ.

Việc giao cho NHTM trực tiếp quản lý, triển khai chương trình cho vay sinh viên được Chính phủ trợ cấp, các NHTM này phải gánh hết các rủi ro trong trường hợp sinh viên không trả được nợ gốc và lãi, đã buộc các NHTM phụ trách chương trình tìm cách hạn chế rủi ro bằng cách phân loại những học sinh có nhu cầu vay vốn và chỉ cho vay đối với nhóm sinh viên có hệ số rủi ro thấp theo đánh giá của các NHTM. Chính điều này đã làm cho khả năng tiếp cận vốn vay của sinh viên nghèo trở nên khó khăn hơn, mặc dù họ thuộc diện được vay vốn theo quy định. Đây là một trong những nguyên nhân làm hạn chế hiệu quả chương trình cho vay HSSV ở Trung Quốc.

Mặt khác thời gian cho vay, thu nợ kéo dài đã làm hạn chế khả năng tạo vốn quay vòng cho chương trình, trong khi đó nguồn vốn do Chính quyền trung ương và chính quyền địa phương cấp hàng năm thường bị chậm so với kế hoạch sử dụng vốn của chương trình đã gây khó khăn cho việc triển khai chương trình trong một vài năm trở lại đây. Điều này cho thấy nguồn vốn là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả chương trình cho vay HSSV ở Trung Quốc trong thời gian qua.

Không giống với chương trình cho vay có trợ cấp của Chính phủ, chương trình cho vay sinh viên theo cơ chế thương mại do các NHTM khởi xướng và triển khai đã tiếp cận đến sinh viên đại học cả trường công lập và dân lập, chương trình cho vay theo cơ chế thương mại không xét đến tình trạng kinh tế của đối tượng vay vốn. Các khoản vay đều phải được bảo đảm bằng tài sản của bố mẹ, hoặc tài sản của người khác, vì vậy hạn chế được tình trạng mất vốn do sinh viên không có khả năng thanh toán. Tuy nhiên, chương trình cho vay sinh viên theo cơ chế thương mại bị hạn chế về phạm vi, chủ yếu tập trung cho vay sinh viên ở các gia đình thuộc tầng lớp trung và thượng lưu, có tài sản thế chấp. Điều này cho thấy khi triển khai chương trình cho vay HSSV như là một sản phẩm cho vay tiêu dùng của các NHTM thì hiệu quả kinh tế sẽ được đảm bảo nhưng hiệu quả xã hội sẽ bị hạn chế, đặc biệt sẽ làm hạn chế đáng kể khả năng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng của những HSSV có hoàn cảnh khó khăn.

2.4.1.2. Cho vay sinh viên tại Thái Lan [36]

- Chương trình cho vay SV ở Thái Lan đã bắt đầu hoạt động từ năm 1996, nhằm cho vay SV có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp ở cả hệ thống công lập và dân lập. Chương trình này được điều hành bởi Ủy ban chương trình cho vay sinh viên quốc gia nhưng việc xét duyệt cho vay và quản lý món vay lại do các tổ chức giáo dục riêng lẻ thực hiện (các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp). Các tổ chức này nhận nguồn ngân sách cho vay từ Chính phủ. Các tổ chức giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp có hệ thống tự quản, phụ trách việc xét duyệt cho vay và quản lý món vay. Ủy ban chương trình cho vay sinh viên quốc gia chỉ quy định mức cho vay tối đa/SV còn hệ

thống tự quản phụ trách việc xét duyệt cho vay và quản lý món vay căn cứ vào mức học phí và các chi phí sinh hoạt khác của SV để quyết định mức cho vay cụ thể.

Những tiêu chí làm cơ sở để sinh viên đăng ký vay tiền gồm:

- + Quốc tịch Thái Lan;
- + Khó khăn tài chính;
- + Không có những điều kiện bị giới hạn bởi Quỹ cho sinh viên vay.

Sau khi sinh viên tốt nghiệp hoặc ngừng vay họ được hưởng thời gian ân hạn 2 năm, sau đó trả nợ dần trong 15 năm, định kỳ 1 lần/ năm (phần trả nợ của mỗi kỳ tăng dần theo năm, ví dụ năm 1 trả 5% món vay, năm 2 trả 10% ...), lãi suất cho vay đối với SV luôn thấp hơn lãi suất cho vay bình quân của các NHTM trên thị trường đối với khách hàng cá nhân, ít nhất là 1%/năm. Nếu đến kỳ trả nợ, người vay chưa có khả năng thanh toán, có thể xin gia hạn kỳ đó thêm 6 tháng. Trong 15 năm, người vay được phép xin gia hạn 4 kỳ.

Mô hình quản lý phi tập trung của Thái Lan đã gây ra hệ lụy là thiếu sự công bằng trong quá trình xét duyệt cho vay giữa các tổ tự quản phụ trách xét duyệt cho vay và quản lý món vay tại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Đặc biệt công tác quản lý món vay của các tổ chức giáo dục riêng lẻ không được thực hiện tốt dẫn đến tỷ lệ thất thoát vốn lớn, tỷ lệ nợ quá hạn cao làm cho tính ổn định và phát triển bền vững của chương trình bị ảnh hưởng trầm trọng.

Như vậy, công tác quản lý món vay của các tổ chức quản lý chương trình cho vay HSSV là một nhân tố có ảnh hưởng đến hiệu quả chương trình cho vay HSSV ở Thái Lan trong thời gian qua. Việc quản lý món vay lỏng lẻo là một trong những nguyên nhân làm giảm hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV ở Thái Lan.

2.4.1.3. Cho vay sinh viên ở Malaysia [16]

Chi phí học tập đại học ở Malaysia là khá cao, hầu hết người dân khó trang trải được, nên quỹ cho vay giáo dục đại học ra đời phục vụ người dân. Quỹ cho vay giáo dục đại học ra đời nhằm cung cấp tài chính cho những sinh viên gặp khó khăn về tài chính. Tuy nhiên, do khó khăn về nguồn vốn phục vụ chương trình nên Quỹ cho vay giáo dục đại học ở Malaysi ở chỉ cho những sinh viên theo học ở bậc đại

học vay vốn, mức cho vay được quy định riêng cho trường công và trường tư. Quỹ cho vay giáo dục đại học ở Malaysia chỉ cho vay để đóng học phí còn các chi phí khác như ăn, ở, đi lại, mua sắm tài liệu học tập, v.v... thì gia đình và bản thân sinh viên phải tự lo liệu. Do đó, có một số sinh viên đại học dù được vay vốn từ chương trình vẫn phải bỏ học giữa chừng vì không có đủ tiền để thuê nhà ở, mua tài liệu học tập và trang trải các chi phí sinh hoạt khác. Điều này đã làm cho Quỹ cho vay sinh viên đại học ở Malaysia gặp nhiều khó khăn khi thu nợ từ những sinh viên bỏ học giữa chừng. Đây là một trong những nguyên nhân làm hạn chế hiệu quả chương trình cho vay sinh viên ở Malaysia

Mặt khác theo quy định chỉ có sinh viên học đại học có khóa khản về tài chính mới được vay vốn và sinh phải trả nợ trong vòng 24 tháng kể từ khi hoàn thành khóa học, định kỳ 1 tháng/lần, số tiền trả mỗi lần được cố định sẵn. Những quy định này của Quỹ cho vay giáo dục đại học ở Malaysia đã làm hạn chế rất nhiều khả năng tiếp cận vốn vay của những sinh viên có nhu cầu vay vốn. Với quy định về đối tượng được vay vốn như trên, Quỹ cho vay giáo dục đại học ở Malaysia đã loại sinh viên hệ cao đẳng, học sinh trung cấp và học sinh học nghề ra khỏi đối tượng được vay. Ngoài ra, quy định “sinh viên phải trả nợ trong vòng 24 tháng kể từ khi hoàn thành khóa học” đã gây ra nhiều khó khăn cho sinh viên vay vốn trong việc hoàn trả vốn vay đúng hạn cho Quỹ, vì trong vòng 2 năm tính từ khi tốt nghiệp là một thời gian quá ngắn để một sinh viên mới ra trường tìm được việc làm, có thu nhập để vừa nuôi sống bản thân vừa tích lũy được tài chính đủ để trả nợ vốn gốc và lãi cho Quỹ. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho một số sinh viên ở Malaysia dù thuộc đối tượng được vay vốn nhưng vẫn không dám vay vốn từ Quỹ cho vay giáo dục đại học để đi học mặc dù lãi suất cho vay của Quỹ này thấp hơn nhiều lãi suất cho vay của các chương trình cho vay sinh viên tại các NHTM. Điều này cho thấy nguồn vốn là một trong những nhân tố có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả chương trình cho vay sinh viên đại học ở Malaysia.

Quỹ cho vay giáo dục đại học do Bộ tài chính Malaysia trực tiếp quản lý, trong quá trình cho vay đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn sẽ có sự tham gia

của Bộ giáo dục và đào tạo cùng với sự xác nhận về hoàn cảnh kinh tế của chính quyền địa phương cấp xã, phường nơi đối tượng vay vốn cư trú dài hạn. Mô hình quản lý này giúp Chính phủ Malaysia không phải thành lập một TCTD chuyên biệt để triển khai chương trình cho vay sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nhằm tiết kiệm các chi phí hoạt động của chương trình. Tuy nhiên, việc phân định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn giữa các cơ quan quản lý Nhà nước (Bộ tài chính – Bộ Giáo dục và Đào tạo – Chính quyền địa phương cấp xã, phường) trong quá trình quản lý và triển khai chương trình cho vay sinh viên không rõ ràng đã làm chậm trễ quá trình xây dựng hệ thống các văn pháp quy, quy trình cho vay sinh viên; đã làm quá trình giám sát, kiểm tra, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai chương trình cho vay sinh ở Malaysia không được thực hiện tốt đã gây ra những tác động tiêu cực đến tỷ lệ HSSV được vay vốn, tỷ lệ nợ quá hạn, tỷ lệ thu hồi nợ đúng hạn, tỷ lệ nợ khoanh chương trình cho vay HSSV thu hồi được, tỷ lệ nợ được gia hạn chương trình cho vay HSSV được thu hồi, v.v...Điều này cho thấy công tác quản lý chương trình cho vay sinh viên ở Malaysia là một trong những nhân tố có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả cho vay của chương trình.

Một trong những điểm đáng lưu ý là Quỹ cho vay sinh viên đại học ở Malaysia là cơ chế lãi suất cho vay của Quỹ được xác định theo công thức: **Lãi suất cho vay = Lãi suất huy động vốn bình quân của Quỹ + Phí quản lý 0,3%/tháng**. Cơ chế lãi suất cho vay này đã giúp Quỹ cho vay sinh viên đại học có được nguồn tài chính để bù đắp chi phí trả lãi huy động vốn và phần nào chi phí quản lý, triển khai chương trình cho vay sinh viên ở Malaysia.

2.4.1.4. Cho vay sinh viên ở Hàn Quốc [36]

Tại Hàn Quốc có tới 06 chương trình cho vay sinh viên, cả 06 chương trình này đều được Chính phủ trợ cấp. Tuy nhiên, NCS chỉ tìm hiểu chương trình cho vay sinh viên của Bộ giáo dục và phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc, bởi đây là chương trình tín dụng ưu đãi dành cho sinh viên nghèo lớn nhất, chiếm khoảng 86% trong tổng số khoản vay của sinh viên.

Chương trình cho vay sinh viên của Bộ giáo dục và phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc được giao cho một số NHTM phụ trách việc triển khai cho vay và quản lý. Bộ giáo dục và phát triển nguồn nhân lực chỉ quyết định về số lượng vốn cấp cho chương trình hàng năm, quyết định trần lãi suất cho vay trong từng thời kỳ nhất định, nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách, các NHTM được quyền xây dựng các tiêu chí, điều kiện vay vốn, mức cho vay và lãi suất cho vay sao cho phù hợp.

Chương trình cho vay sinh viên của Bộ giáo dục và phát triển nguồn nhân lực là chương trình có quy mô lớn nhưng hoạt động không thực sự thành công vì:

- Bộ giáo dục và phát triển nguồn nhân lực không trực tiếp đưa ra các tiêu chí, điều kiện vay vốn đối với người vay mà ủy quyền cho các NHTM tự xây dựng và đưa ra các tiêu chí, điều kiện vay vốn đối với SV. Cho vay HSSV ở Hàn Quốc là một chương trình cho vay ưu đãi nên những NHTM được Bộ giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giao triển khai chương trình này chỉ nhận được một khoản phí quản lý chương trình do Bộ giáo dục và phát triển nguồn nhân lực chi trả dựa trên kết quả cho vay SV mà NHTM đó đạt được trong năm. Trên thực tế khoản phí quản lý này không thật sự hấp dẫn trong khi đó việc triển khai chương trình cho vay SV lại làm phát sinh nhiều việc do món vay nhỏ, giải ngân nhiều lần, rủi ro cao vì thời gian cho vay dài, không có tài sản thế chấp nên các NHTM đã chú ý xây dựng các tiêu chí và đề ra các điều kiện vay vốn rất chặt chẽ nhằm đảm bảo an toàn và hạn chế bớt số SV vay vốn. Đây là một nguyên nhân cơ bản làm hạn chế hiệu quả chương trình cho vay SV ở Hàn Quốc trong thời gian qua.

Mặt khác, để tăng độ an toàn khi cho SV vay vốn, các NHTM thường xác định mức cho vay đối với sinh viên bằng mức học phí họ phải đóng, còn các chi phí thuê nhà ở, mua tài liệu học tập, sinh hoạt phí hàng ngày thì gia đình và bản thân sinh viên phải tự tài trợ. Quy định này giúp NHTM trở nên an toàn hơn khi cho SV vay vốn nhưng lại không đáp ứng được nhu cầu vay vốn ngày càng tăng của sinh viên nên đã phần nào làm hạn chế ý nghĩa “*Hỗ trợ tài chính cho những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn giúp họ có đủ nguồn tài chính để theo học đại học*” của chương trình cho vay sinh viên. Các NHTM phụ trách chương trình hạn chế số tiền

cho vay/sinh viên là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng có một số sinh viên thuộc diện được vay vốn nhưng không giám vay vốn để đi học, vì họ biết số tiền vay được chỉ đủ để đóng học phí. Trong khi đó họ và gia đình đều không có khả năng tài chính để chi trả các khoản thuê nhà, mua tài liệu học tập và các khoản sinh hoạt phí khác.

2.4.1.5. Cho vay sinh viên ở Philippin [36]

Các chương trình cho vay sinh viên ở Philippin có lịch sử tồn tại tương đối nhiều năm. Chương trình “Học trước, trả sau” đã được triển khai từ năm 1976, chương trình này hướng đến các sinh viên nghèo theo học tại các trường đại học công lập. Theo đó, Chính phủ yêu cầu các NHTM nhà nước cung cấp nguồn vốn ban đầu cho chương trình và xây dựng cơ chế cho vay, kiểm tra hoạt động của chương trình và phải tự gánh chịu rủi ro của chương trình. Chính những quy định mang tính áp đặt của Chính phủ Philippin đã làm các NHTM nhà nước phản đối gay gắt vì bản thân các NHTM nhà nước đang phải lo kinh doanh trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt nay lại phải đảm nhận thêm công việc cho vay theo các chương trình chính sách đặc thù của Chính phủ (cho vay HSSV nghèo), trong khi đó các NHTM nhà nước không được Chính phủ Philippin hỗ trợ thêm về vốn, nhân lực, v.v... để triển khai chương trình cho vay chính sách đặc thù này. Do đó, dù chịu sức ép từ Chính phủ nhưng từ năm 1976 – 1986, các NHTM nhà nước chỉ giải ngân được khoảng 40% số quỹ cho vay được chỉ định và có đến hơn 60% là dư nợ quá hạn do cơ chế quản lý lỏng lẻo, do sinh viên xem tiền vay là khoản trợ cấp của Chính phủ nên thiếu hợp tác trong việc thanh toán nợ gốc và lãi khi đến hạn. Sau sự thất bại của các NHTM nhà nước trong giai đoạn này đã buộc Chính phủ Philippin chuyển giao chương trình cho vay này về phòng các dịch vụ sinh viên thuộc Ủy ban Giáo dục đại học điều hành vào năm 1989. Tuy nhiên, do không có khả năng quản lý và thiếu kinh nghiệm trong việc triển khai và quản lý các chương trình tín dụng cộng với ngân sách nhà nước ngày càng hạn hẹp đã làm hạn chế quy mô cho vay của chương trình, mặt khác các khoản vay không đủ lớn để đóng học phí đã gây ra hệ lụy là có rất nhiều sinh viên dù được vay vốn vẫn không đủ tiền để

theo học hết chương trình. Mặt khác việc không quan tâm thu hồi các khoản nợ vay và thái độ thiếu tích cực trong thanh toán của người vay là hai nguyên nhân quan trọng làm cho tỷ lệ hoàn trả vốn gốc và lãi đúng hạn của sinh viên có giai đoạn chỉ đạt 2% dư nợ. Điều này cho thấy nếu mô hình quản lý và triển khai chương trình cho vay HSSV không phù hợp, công tác quản lý và giám sát chương trình cho vay HSSV không được thực hiện tốt, việc truyền thông về chủ trương chính sách cho vay HSSV không được thực hiện bài bản và đúng cách là những nguyên nhân cơ bản làm hạn chế hiệu quả chương trình cho vay HSSV ở Philippin.

Hiện nay, Chính phủ Philippin đang cho đánh giá lại hiệu quả của chương trình cho vay sinh viên nghèo cũng như các chương trình tín dụng chính sách khác để lên kế hoạch tổ chức lại việc thực hiện các chương trình tín dụng chính sách trong thời gian tới.

2.4.2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Từ thực tế của một số quốc gia trong khu vực, với lợi thế của người đi sau, Việt Nam có thể rút ra được một số bài học cụ thể sau:

2.4.2.1. Mô hình quản lý và triển khai chương trình cho vay sinh viên

Để quản lý và triển khai các chương trình tín dụng chính sách nói chung và tín dụng sinh viên nói riêng, các quốc gia trong khu vực lựa chọn các mô hình quản lý khác nhau như: Trung Quốc, Hàn Quốc và Philippin giao cho các NHTM quốc doanh; Malaysia lập quỹ cho vay sinh viên, Thái Lan giao cho các cơ sở giáo dục tự quản.

Mỗi mô hình quản lý đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng, mô hình quản lý của Trung Quốc, Hàn Quốc và Philippin đều có ưu điểm là tận dụng được hệ thống cơ sở hạ tầng, con người của các NHTM nhà nước vào việc thực hiện các chương trình tín dụng chính sách nói chung và tín dụng cho sinh viên nói riêng; mô hình quản lý của Malaysia có ưu điểm là có một tổ chức đứng ra quản lý toàn bộ chương trình cho vay sinh viên, v.v....

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy có nhiều bất cập trong mô hình quản lý của các quốc gia nói trên như:

- Khó đảm bảo thực hiện được mục tiêu đưa nguồn vốn tín dụng ưu đãi đến tay sinh viên nghèo, do các NHTM thường ưu tiên triển khai các chương trình tín dụng thương mại trước rồi mới triển khai các chương trình tín dụng chính sách, quỹ cho vay sinh viên không có đủ nguồn lực về mạng lưới và con người, các cơ sở giáo dục thì không có khả năng và kinh nghiệm quản lý các chương trình tín dụng. Điều này đã làm hạn chế đáng kể khả năng tiếp cận vốn vay ưu đãi của sinh viên.

- Mô hình quản lý phi tập trung của các quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Philippin và Thái Lan đã gây ra hệ lụy thiếu công bằng trong quá trình xét duyệt cho vay do có nhiều tổ chức cùng được giao quản lý và triển khai cùng một chương trình, trong khi đó lại thiếu bộ tiêu chí xét duyệt cho vay đồng nhất. Đặc biệt công tác quản lý món vay không được thực hiện tốt dẫn đến tỷ lệ thất thoát vốn lớn, tỷ lệ nợ quá hạn cao gây ảnh hưởng tiêu cực đến tính bền vững của chương trình.

Việt Nam đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm từ việc nghiên cứu mô hình quản lý và triển khai chương trình cho vay sinh viên của các nước trong khu vực, những bài học đó là:

- Nên tập trung việc quản lý và triển khai chương trình về một mối để tạo sự thống nhất trong việc thực hiện các chính sách cho vay sinh viên, tạo sự công bằng trong việc tiếp cận vốn vay cho sinh viên.

- Cần thiết lập một tổ chức tín dụng chuyên biệt, có đủ nguồn lực và năng lực đảm bảo cho việc triển khai chương trình cho vay sinh viên đạt được các mục tiêu đề ra.

- Chưa có quốc gia nào thực hiện chính sách liên kết giữa chương trình cho vay SV với DN (người sử dụng lao động) nên chương trình cho vay SV của các nước đều đang gặp khó khăn trong khâu thu nợ do SV gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Do đó, Việt Nam cần nghiên cứu xây dựng chính sách liên kết giữa chương trình cho vay SV với các DN nhằm giúp SV vay vốn tìm được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.

2.4.2.2. Cơ chế lãi suất cho vay

Phần lớn các chương trình cho vay sinh viên ở các quốc gia trong khu vực đều

áp dụng cơ chế lãi suất cho vay ưu đãi với lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất cho vay của các chương trình cho vay thương mại trên thị trường, phần chênh lệch thấp hơn đó được Chính phủ các nước trợ cấp. Riêng ở Trung Quốc có hai chương trình cho vay sinh viên, trong đó có một chương trình được Chính phủ trợ cấp còn một chương trình cho vay theo cơ chế thương mại.

Dù được Chính phủ trợ cấp nhưng lãi suất cho vay vẫn phải đảm bảo nguyên tắc bù đắp được chi phí huy động vốn và phí quản lý nhằm đảm bảo tính bền vững cho chương trình.

Vậy cơ chế lãi suất cho vay ưu đãi nhưng phải đảm bảo bù đắp được chi phí huy động vốn, chi phí quản lý chương trình cho vay HSSV là một bài học quý cho Việt Nam tham khảo và học tập trong việc xây dựng cơ chế lãi suất cho vay đối với chương trình cho vay HSSV sao cho ngày càng phù hợp và hiệu quả hơn nhằm giúp NHCSXH Việt Nam vừa bảo toàn được nguồn vốn, vừa giúp HSSV tiếp cận được với nguồn vốn của chương trình đồng thời nâng cao được ý thức trả nợ của HSSV vay vốn.

2.4.2.3. Mức cho vay

Các chương trình cho vay sinh viên có trợ cấp của Chính phủ đều áp dụng mức cho vay hạn chế đối với HSSV, chủ yếu đáp ứng nhu cầu học phí của sinh viên, bởi vì nguồn vốn của chương trình cho vay HSSV đều có hạn, số lượng HSSV có nhu cầu vay vốn lớn, thời gian thu hồi vốn lâu.

Việc xác định mức cho vay/HSSV trong từng thời kỳ sao cho vừa đáp ứng nhu cầu vay vốn của HSSV, vừa đảm bảo an toàn về nguồn vốn cho NHCSXH đồng thời đảm bảo khả năng trả nợ đối với HSSV vay vốn đang là một vấn đề được Chính phủ Việt Nam quan tâm và chỉ đạo NHCSXH Việt Nam nghiên cứu, từ đó có những đề xuất, kiến nghị nhằm thay đổi mức cho vay sao cho phù hợp và hiệu quả. Vậy, mức cho vay chỉ để đáp ứng việc đóng học phí và một phần nhu cầu chi phí học tập khác của HSSV vay vốn, mà một số nước nói trên đang áp dụng là một bài học có giá trị đối với NHCSXH Việt Nam, trong việc xác định mức cho vay đối với một HSSV sao cho phù hợp và hiệu quả hơn.

2.4.2.4. Sự tham gia và hỗ trợ của Nhà nước

Chính phủ các nước như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia, v.v...đều cho rằng cho vay HSSV là một chương trình tín dụng không những chỉ mang tính kinh tế đơn thuần như những chương trình tín dụng khác mà nó còn mang ý nghĩa chính trị và xã hội sâu sắc. Cho vay HSSV không những góp phần giải quyết nhu cầu tài chính để HSSV trang trải các chi phí học tập mà còn góp phần giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, giúp xóa đói giảm nghèo bền vững, cung cấp nguồn nhân lực có đào tạo cho nền kinh tế. Do đó, để chương trình cho vay HSSV phát huy được cả hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội, Chính phủ các nước nói trên đều tham gia hỗ trợ về vốn, lãi suất cho vay nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động, sự an toàn về tài chính cho ngân hàng chủ quản của chương trình từ đó góp phần tạo nên sự thành công cho chương trình cho vay HSSV ở những quốc gia này.

Việt Nam cần nghiên cứu, xem xét các chính sách hỗ trợ của chính phủ các nước đối với chương trình cho vay sinh viên, từ đó có những đề xuất, kiến nghị sát thực và cụ thể liên quan đến chương trình cho vay HSSV nhằm từng bước nâng cao hơn nữa hiệu quả của chương trình cho vay HSSV ở Việt Nam.

2.4.2.5. Sự tham gia hoặc phối hợp tham gia của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo vào việc thực hiện chương trình cho vay học sinh, sinh viên

Khi thực hiện chương trình cho vay HSSV, các nước như Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia, v.v... đều có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT, v.v...nhằm hỗ trợ huy động vốn, xác định đối tượng được vay, giải ngân và đặc biệt là thu nợ cho vay sinh viên.

Đây cũng là một bài học có giá trị đối với Việt Nam trong việc triển khai chương trình cho vay HSSV. Vì thực tế ở các nước đã chứng minh, khi có sự phối hợp tham gia của các cơ quan quản lý như Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT, v.v... thì bao giờ nguồn vốn của chương trình cũng được đảm bảo; việc xác định đối tượng vay vốn trở nên chính xác hơn; việc giám sát theo dõi đối tượng vay vốn sau khi giải ngân được hiệu quả hơn; quá trình thu nợ từ HSSV vay vốn được dễ dàng hơn.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Trong chương 2 luận án đã trình bày những luận cứ khoa học cơ bản và thực tiễn về cho vay HSSV. Luận án đã hệ thống hóa một số lý luận cơ bản về cho vay HSSV và hiệu quả cho vay HSSV, các tiêu chí đánh giá hiệu quả cho vay HSSV.

Bên cạnh đó, luận án cũng đã luận giải để góp phần làm rõ sự cần thiết của tín dụng HSSV đối với việc mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn. Đồng thời nêu rõ các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH: (1) Nhóm nhân tố thuộc NHCSXH: Nguồn vốn cho chương trình, công tác quản lý chương trình cho vay HSSV của NHCSXH; (2) Nhóm nhân tố thuộc đối tượng thụ hưởng: Khả năng tìm việc làm của HSSV vay vốn sau khi ra trường, thu nhập của HSSV vay vốn sau khi tốt nghiệp; (3) Nhóm nhân tố thuộc về môi trường: Môi trường kinh tế, môi trường chính trị và môi trường xã hội.

Đặc biệt trong chương 2, luận án đã hệ thống hóa và phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia trong khu vực Châu Á gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Philipin và Malaysia trong việc triển khai chương trình cho vay HSSV như: Mô hình tổ chức quản lý và triển khai chương trình cho vay HSSV; nguồn vốn phục vụ chương trình, cơ chế lãi suất và mức cho vay, ...

Thông qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, luận án đã nêu ra 5 bài bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong việc quản lý, triển khai chương trình cho vay HSSV làm cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong chương 4.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CHO VAY HỌC SINH, SINH VIÊN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VIỆT NAM

3.1. Khái quát Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Phát triển kinh tế, ổn định xã hội là những nhân tố cần thiết không thể thiếu ở bất kỳ quốc gia nào. Ở Việt Nam, trong thời kỳ đổi mới, nền kinh tế chuyển từ cơ chế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển kinh tế, ổn định xã hội, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về sự phát triển giữa các vùng miền, các đối tượng trong xã hội, thực hiện mục tiêu XDGN là nhu cầu cấp thiết và có ý nghĩa quan trọng, trên bước đường hội nhập với nền kinh tế thế giới. Để giải quyết được những vấn đề này, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều giải pháp, trong đó giải pháp tín dụng được xem là một giải pháp căn bản và hiệu quả nhất.

Để tạo sự thống nhất, tập trung hỗ trợ của Nhà nước về tài chính cho các đối tượng chính sách, các vùng, khu vực kém phát triển, Chính phủ đã xác định các nguyên tắc, nội dung cơ bản của chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 và thành lập NHCSXH Việt Nam theo Quyết định số 31/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, để cung cấp tín dụng ưu đãi cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên cơ sở tổ chức lại Ngân hàng Phục vụ người nghèo. [11b]

Sau hơn 13 năm hoạt động, NHCSXH Việt Nam đã có mạng lưới giao dịch xuyên suốt từ Trung ương đến tận các Quận, Huyện trên tất cả các Tỉnh, Thành phố trong cả nước, với gần 10.000 CBNV trong toàn hệ thống. Tính đến 31/12/2014, tổng nguồn vốn hoạt động của NHCSXH đạt 136.750 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách đạt 129.456 tỷ đồng. So với năm 2002 thì cả nguồn vốn hoạt động và dư nợ cho vay đều đã tăng hơn 15 lần.

3.1.2. Mô hình tổ chức và mạng lưới hoạt động

NHCSXH Việt Nam có bộ máy quản lý và điều hành thống nhất trong phạm vi cả nước, là một pháp nhân, có vốn điều lệ, con dấu, tài sản và hệ thống giao dịch từ trung ương đến địa phương, cơ cấu tổ chức gồm:

- Hội sở chính đặt tại Thủ đô Hà Nội, gồm có: 13 Ban chuyên môn nghiệp vụ, Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ Thông tin.
- 63 Chi nhánh đặt tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- 626 Phòng giao dịch đặt tại các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
- 10.904 điểm giao dịch mở tại xã, phường;
- 196.931 Tổ Tiết kiệm và vay vốn tại các thôn, bản;
- 2.873 Cán bộ tín dụng trên toàn quốc. [39]

Hình 3.1. Sơ đồ tổ chức NHCSXH Việt Nam



Nguồn: Website Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt

Nhìn vào cơ cấu tổ chức NHCSXH Việt Nam ta thấy có một số điểm khác biệt so với cơ cấu tổ chức của các NHTM, cụ thể:

Hội đồng quản trị NHCSXH Việt Nam có 14 thành viên, trong đó có 12 thành viên kiêm nhiệm và 02 thành viên chuyên trách. Mười hai thành viên kiêm nhiệm gồm Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là Chủ tịch Hội đồng quản trị, 11 thành viên còn lại là Thứ trưởng hoặc cấp tương đương Thứ trưởng của Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT, Bộ LĐTB&XH, Bộ NN&PTNT, Ủy ban Dân tộc, Văn phòng Chính phủ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Hai thành viên chuyên trách gồm 01 ủy viên giữ chức Tổng Giám đốc, 01 ủy viên giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát. [29]

Hội đồng quản trị và Ban đại diện HĐQT cấp Tỉnh, cấp Huyện, là một thành phần đặc biệt trong cấu trúc tổ chức của NHCSXH Việt Nam. Cấu trúc tổ chức đặc biệt này bắt nguồn từ chủ trương thành lập Ngân hàng này của Chính phủ, đó là: thành lập một TCTD chuyên biệt, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, chuyên cung cấp tín dụng ưu đãi cho các đối tượng chính sách; giúp Chính phủ thực hiện chính sách XĐGN và các chính sách an sinh xã hội khác.

NHCSXH Việt Nam hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận mà vì mục tiêu XĐGN, đảm bảo an sinh xã hội do Chính phủ giao trong từng thời kỳ. Do đó, việc giúp NHCSXH Việt Nam hoạt động hiệu quả là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị Việt Nam. Để NHCSXH Việt Nam thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách, góp phần XĐGN; cung cấp nguồn nhân lực có qua đào tạo cho xã hội;... Chính phủ chủ trương thành lập Ban đại diện HĐQT các cấp để thay mặt HĐQT NHCSXH Việt Nam giám sát tốt hơn việc thực hiện Điều lệ hoạt động của ngân hàng; triển khai nhanh và hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đối với hoạt động tín dụng chính sách của ngân hàng này trên địa bàn.

Tổ tiết kiệm và vay vốn, là cấu trúc tổ chức riêng có của NHCSXH Việt Nam, mô hình Tổ TK&VV trong cấu trúc tổ chức của này bắt nguồn từ đặc điểm của khách hàng vay vốn và mục tiêu hoạt động của ngân hàng:

Thứ nhất, khách hàng vay vốn NHCSXH là người nghèo, là các đối tượng chính sách nên mặc dù họ rất cần vốn để phát triển SXKD nhưng phần lớn họ lại không chủ động trong việc tiếp cận với nguồn vốn vay từ ngân hàng để tìm hiểu và xin vay vốn.

Thứ hai, NHCSXH hoạt động không vì mục đích lợi nhuận mà vì mục tiêu XDGN; hỗ trợ tài chính cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn; đảm bảo an sinh xã hội và các mục tiêu chính trị, xã hội khác do Chính phủ giao. Chính vì vậy, NHCSXH không xem những người vay vốn là khách hàng mà xem họ là các đối tác cùng đồng hành với ngân hàng trong việc thực hiện các mục tiêu trên.

3.1.3. Một số hoạt động cơ bản của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam

3.1.3.1. Hoạt động huy động vốn

Nguồn vốn của NHCSXH Việt Nam khi thành lập và nhận bàn giao từ NHNg là 9.047 tỷ đồng. Đến 31/12/2014, tổng nguồn vốn đạt 136.750 tỷ đồng, tăng 15 lần so với thời điểm nhận bàn giao, cơ cấu nguồn vốn cụ thể qua các năm:

Bảng 3.1. Nguồn vốn NHCSXH Việt Nam tính đến ngày 31/12 hàng năm

Đơn vị: Tỷ đồng

Nguồn vốn	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1. Vốn Điều lệ	5.988	7.988	9.488	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
2. NSNN cấp cho các CTTD	5.743	8.133	9.636	10.916	11.416	11.416	13.760	15.071
3. Vốn NSDP chuyển sang	1.266	1.528	2.008	2.286	2.820	3.143	3.539	4.078
4. Vốn vay NHNN	4.821	7.796	16.796	23.796	26.796	24.796	23.796	29.264

5. Tiền gửi 2% của các TCTD	8.019	10.041	11.793	12.821	14.955	20.318	25.744	30.055
6. Vốn HĐ theo LS thị trường	6.311	7.552	11.189	14.084	21.341	31.781	34.084	35.097
7. Vốn nhận ủy thác nước ngoài	397	450	582	665	721	747	764	778
8. Vốn khác	3.507	11.223	11.710	15.833	17.440	15.939	16.483	12.407
Tổng nguồn vốn	36.052	54.691	73.202	90.400	105.490	120.483	129.214	136.750

(Nguồn: Báo cáo tín dụng hàng năm của NHCSXH Việt Nam)

Qua bảng số liệu 3.1 cho thấy:

Vốn có nguồn gốc từ NSNN (VDL, NSNN cấp cho các chương trình tín dụng, vốn NSDP chuyển sang), chiếm từ trên 21% đến hơn 36% và đang có xu hướng giảm dần theo thời gian. Nguyên nhân của sự sụt giảm về tỷ trọng vốn có nguồn gốc từ NSNN so với tổng vốn của NHCSXH Việt Nam là do ngân sách nhà nước ngày càng eo hẹp (cả ngân sách trung ương lẫn ngân sách địa phương) nên chính phủ khó thu xếp đủ nguồn tài chính để tăng vốn điều lệ và chuyển vốn cho NHCSXH Việt Nam theo đúng kế hoạch đề ra. Cụ thể tốc độ tăng của vốn điều lệ có xu hướng giảm nhanh qua các năm, từ 33,4% năm 2008 giảm xuống còn 18,7% vào 2009 và còn 5% vào năm 2010, đặc biệt từ năm 2011 cho đến năm 2014 vốn điều lệ của ngân hàng không tăng.

Vốn vay Ngân hàng Nhà nước, NHCSXH Việt Nam có thể vay vốn từ NHNN khi cần thiết. Với đặc thù hoạt động của mình, NHCSXH Việt Nam được vay với các điều kiện ưu đãi nhưng cũng có những hạn chế nhất định như: quy mô khoản vay, dư nợ vay NHNN còn phụ thuộc vào chính sách tiền tệ của NHNN trong từng thời kỳ, mặt khác còn phụ thuộc vào sự phê duyệt của Chính phủ về kế hoạch vay vốn của NHCSXH Việt Nam hàng năm, trong 3 năm gần đây nguồn vốn này chiếm từ 18% đến 21% trong tổng nguồn vốn hoạt động của NHCSXH Việt Nam.

Tiền gửi 2% của các TCTD nhà nước, đây là khoản tiền gửi có tính chất bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng Nhà nước, được quy định trong Nghị định số 78 của Chính phủ “Các tổ chức tín dụng Nhà nước có trách nhiệm duy trì số dư tiền gửi tại NHCSXH Việt Nam bằng 2% số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam tại thời điểm 31/12 của năm trước”. Trên thực tế, lãi suất huy động của nguồn vốn này không được vượt quá lãi suất huy động quy định tại Thông tư số 04/2003/TT-NHNN ngày 24/02/2003 của NHNN. Theo đó, hàng năm NHNN sẽ tính toán và xác định lãi suất huy động bình quân và chi phí huy động bình quân của các NHTM Nhà nước, từ đó có cơ sở xác định lãi suất NHCSXH Việt Nam phải trả đối với nguồn tiền gửi 2% của các NHTM, nguồn vốn này chiếm từ 16% đến 22% trong tổng vốn hoạt động hàng năm của ngân hàng.

Vốn huy động theo lãi suất thị trường, nguồn vốn này bao gồm vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân và vốn phát hành trái phiếu NHCSXH Việt Nam có bảo lãnh của Chính phủ. Trong đó chủ yếu là nguồn vốn do phát hành trái phiếu, nguồn vốn này chiếm khoảng 80% vốn huy động theo lãi suất thị trường. Điều này chứng tỏ năng lực huy động vốn theo cơ chế thương mại của hệ thống các phòng giao dịch NHCSXH là không đáng kể, mỗi năm hệ thống này chỉ huy động được vài ngàn tỷ đồng.

Vốn vay và nhận ủy thác từ nước ngoài, NHCSXH Việt Nam có nhận vốn ủy thác của một số tổ chức quốc tế như WB, ADB,... Tuy nhiên, nguồn vốn này là không lớn, mỗi năm chỉ dưới 1.000 tỷ đồng.

Vốn khác, là những nguồn vốn do các cá nhân, tổ chức cho, tặng, tiền gửi không lấy lãi của một số cơ quan, tổ chức,... nguồn vốn này đang có xu hướng giảm nhanh trong mấy năm trở lại đây.

3.1.3.2. Hoạt động cho vay

NHCSXH Việt Nam là loại hình ngân hàng chuyên biệt cho vay chính sách theo các chương tín dụng được Chính phủ giao nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế, chính trị, xã hội do Chính phủ đề ra trong từng thời kỳ. Trong hơn 13 năm qua,

NHCSXH Việt Nam chủ yếu tập trung cho vay đối với các chương trình tín dụng sau:

Bảng 3.2. Dư nợ cho vay các chương trình tính đến ngày 31/12 hàng năm

Đơn vị: Tỷ đồng

Chương trình	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1. Cho vay hộ nghèo	23.187	27.367	32.402	36.166	38.482	41.560	41.650	39.252
2. Cho vay hộ cận nghèo							7.110	17.140
3. Cho vay HSSV	2.807	9.741	18.231	26.052	33.446	35.802	34.262	29.794
4. Cho vay GQVL	3.159	3.532	4.025	4.597	5.204	5.663	5.959	6.284
5. Cho vay vùng khó khăn	2.393	6.250	9.249	10.310	11.015	12.871	13.167	13.961
6. Cho vay NS và VSMT	1.717	3.544	5.497	6.957	8.540	10.631	12.116	15.386
7. Cho vay DA có vốn nước ngoài	285	351	466	576	621	636	695	757
8. Cho vay các CT khác	1.392	1.727	2.790	4.803	6.424	6.758	6.740	6.882
Tổng dư nợ	34.940	52.511	72.660	89.462	103.731	113.921	121.699	129.456

(Nguồn: Báo cáo tín dụng hàng năm của NHCSXH Việt Nam)

a) Cho vay hộ nghèo, là chương trình tín dụng có quy mô lớn nhất của NHCSXH Việt Nam, chương trình cung cấp vốn tín dụng ưu đãi nhằm hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống, góp phần thực hiện mục tiêu Quốc gia về xóa đói giảm nghèo [6]. Ngoài ra, để XDGN bền vững, tránh nguy cơ tái nghèo, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 về tín dụng đối với hộ cận nghèo, Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg về tín dụng đối với hộ thoát nghèo nhằm giúp những hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi, tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh để thoát nghèo bền vững.

b) Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, với mục đích hỗ trợ tài chính cho những HSSV có hoàn cảnh khó khăn, giúp những HSSV này có cơ hội tiếp cận với dịch vụ giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Chương trình tín dụng HSSV đã thực sự trở thành một chương trình tín dụng lớn, được xã hội ủng hộ khi

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với HSSV. Với Quyết định này đối tượng vay vốn được mở rộng hơn, mức cho vay được nâng lên, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo hướng linh hoạt, phù hợp hơn với thực tế trong từng thời kỳ. [6]

c) Cho vay giải quyết việc làm, vấn đề tạo việc làm luôn là mục tiêu hàng đầu trong các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Giải quyết việc làm cho người lao động là chính sách xã hội cơ bản vì sự phát triển của con người. Để tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị, tỷ lệ bán thất nghiệp ở khu vực nông thôn; chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, NHCSXH Việt Nam triển khai chương trình cho vay đối với các dự án tạo việc làm mới hoặc các dự án tự tạo việc làm của đối tượng vay vốn. [6]

d) Cho vay vùng khó khăn, NHCSXH Việt Nam được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện tín dụng đối với hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn đã góp phần nâng cao hiệu quả chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, tăng trưởng kinh tế giúp thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền trong cả nước. [6]

e) Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, NHCSXH Việt Nam cho các hộ gia đình thuộc khu vực nông thôn vay vốn để thực hiện chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn nhằm nâng cao sức khỏe, cải thiện điều kiện sinh hoạt, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực nông thôn. [6]

f) Chương trình, dự án có vốn ủy thác nước ngoài, NHCSXH Việt Nam thực hiện cho vay các chương trình, dự án có vốn ủy thác nước ngoài như dự án thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ tài chính vi mô, tạo việc làm cho những người sống chung và chịu ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và người sau cai nghiện ma túy, chương trình phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn KFW, dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp bằng nguồn vốn củ World Bank, dự án mở rộng tiếp cận tài chính cho người khuyết tật: cho vay quy mô nhỏ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng, phục vụ hoặc do người khuyết tật làm chủ ...[6]

g) Các chương trình cho vay khác, chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài, người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động, cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008-2010, cho vay vốn theo QĐ 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 về việc tiếp tục thực hiện hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, cho vay người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, cho vay hộ nghèo xây dựng chòi phòng tránh lũ, lụt ...[6]

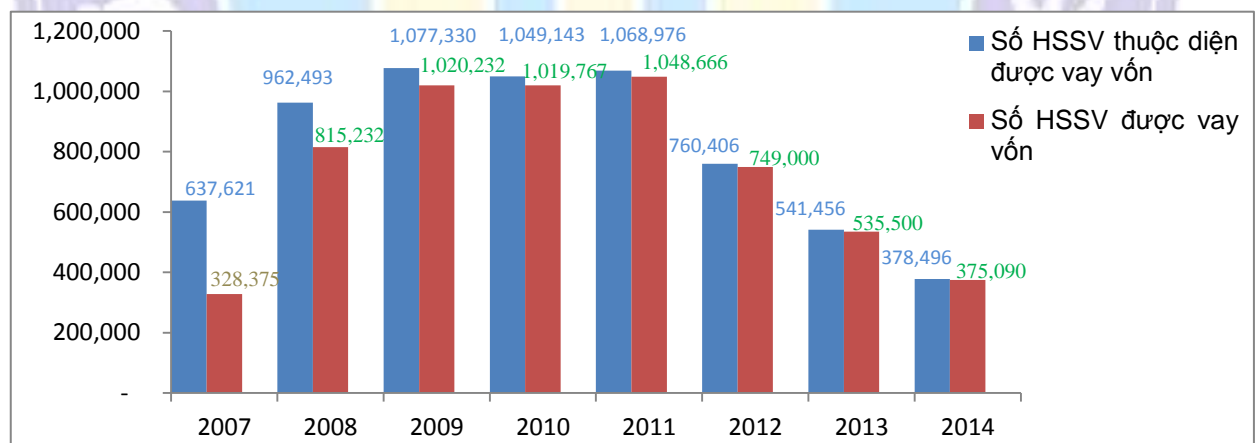
3.2. Thực trạng cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam giai đoạn 2007-2014

3.2.1. Thực trạng kết quả, hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên

3.2.1.1. Thực trạng kết quả cho vay học sinh, sinh viên

a) Số học sinh, sinh viên được vay vốn hàng năm

Đơn vị: HSSV



Biểu đồ 3.1: Số học sinh, sinh viên được vay vốn hàng năm

(Nguồn: Báo cáo tín dụng hàng năm của NHCSXH Việt Nam)

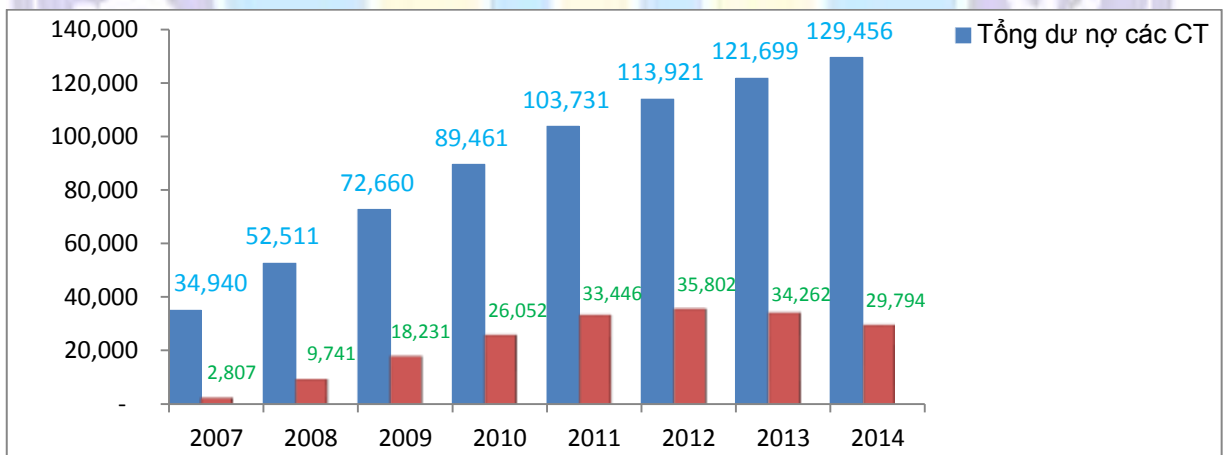
Số HSSV được vay vốn hàng năm đã tăng nhanh, từ mức hơn 328 ngàn HSSV vào năm 2007 đã tăng lên hơn 1 triệu HSSV vào năm 2011. Nguyên nhân làm cho số HSSV được vay vốn hàng năm tăng nhanh là do Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với HSSV thay thế Quyết định số

107/2006/QĐ-TTg. Đối tượng HSSV được vay vốn theo quyết định 157/2007/QĐ-TTg được mở rộng hơn, gồm: HSSV thuộc diện hộ nghèo, HGD có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo, HGD có hoàn cảnh khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai hỏa hoạn, dịch bệnh được vay vốn để theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề, không phân biệt loại hình đào tạo (công lập hay dân lập; chính qui hay tại chức) và thời gian đào tạo (trên một năm hay dưới một năm). Ngoài ra NHCSXH Việt Nam cũng đã thực hiện tốt việc tuyên truyền chính sách tín dụng đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương từ khâu thành lập Tổ TK&VV đến việc duy trì hoạt động của Tổ nhằm tổ chức cho vay HSSV tốt.

Từ năm 2012 đến nay, số HSSV được vay vốn hàng năm giảm là do những HSSV vay vốn từ những năm trước đã đến hạn trả nợ, trong khi đối tượng HSSV vay vốn không được mở rộng.

b) Dư nợ cho vay học sinh, sinh viên qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng



Biểu đồ 3.2: Dư nợ cho vay HSSV qua các năm

(Nguồn: Báo cáo tín dụng hàng năm của NHCSXH Việt Nam)

Quy mô dư nợ HSSV cũng tăng liên tục từ năm 2007 đến năm 2013, năm 2014 có giảm nhẹ, tỷ trọng dư nợ HSSV hàng năm chiếm từ 25% - 32,2% trong

tổng dư nợ, chương trình có dư nợ lớn thứ hai trong các chương trình tín dụng của NHCSXH.

Kể từ khi Chính phủ ban hành Quyết định 157/2007/QĐ-TTg thay thế cho Quyết định 107/2006/QĐ –TTg, đối tượng vay vốn được mở rộng, số HSSV được vay vốn tăng lên, kết hợp với việc tăng mức cho vay/HSSV để phù hợp hơn với thực tế trong từng thời kỳ (*tháng 10/2007 mức cho vay là 800.000đ/HSSV/tháng; tháng 8/2009 tăng lên 860.000đ/HSSV/tháng; tháng 11/2010 điều chỉnh thành 900.000đ/HSSV/tháng; tháng 8/2011 tiếp tục tăng lên mức 1.000.000/HSSV/tháng và từ 8/2013 mức cho vay đã là 1.100.000đ/HSSV/tháng*) đã làm dư nợ cho vay HSSV tăng lên đáng kể.

Năm 2014 dư nợ cho vay HSSV giảm nhẹ do các nguyên nhân: (i) HSSV vay vốn từ những năm 2008 - 2009 đã đến kỳ hạn trả nợ vay; (ii) Chính phủ có chính sách ưu đãi giảm lãi tiền vay đối với những hộ vay vốn trả nợ trước hạn đã khuyến khích nhiều hộ vay trả nợ trước hạn; (iii) nhu cầu vay vốn năm 2014 giảm so với năm 2013.

3.2.1.2. Thực trạng hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam

a) Hiệu quả xã hội cho vay học sinh, sinh viên

Tác giả đã tiến hành thu thập và phân tích các thông tin, dữ liệu thứ cấp từ phòng kế toán; từ báo cáo tổng kết hàng năm, báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện chương trình cho vay HSSV theo QĐ số 157/2007/QĐ-TTg của NHCSXH Việt Nam, kết hợp phân tích kết quả điều tra xã hội học đối với phụ huynh HSSV vay vốn, HSSV được vay vốn, CBNV NHCSXH Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội có tham gia trực tiếp vào quy trình cho vay HSSV để có cơ sở đánh giá toàn diện hiệu quả xã hội chương trình cho vay HSSV.

Thứ nhất, đánh giá qua các chỉ tiêu định tính

(1) Góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo bền vững

Để thực hiện thành công mục tiêu XDGN bền vững, NHCSXH Việt Nam chủ trương trang bị “Cần câu” giúp đối tượng chính sách “Tự câu cá”. Trên tinh thần đó,

NHCSXH Việt Nam đã tổ chức truyền thông về mục đích, ý nghĩa và vai trò của chương trình cho vay HSSV đối với XĐGN bền vững, chú trọng triển khai chương trình cho vay HSSV theo Quyết định số 157/2007/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm trang bị “Cần câu” cho các đối tượng chính sách. Sau hơn 7 năm triển khai chương trình cho vay HSSV, NHCSXH Việt Nam đã giúp phần lớn các hộ gia đình chính sách nhận thức đúng ý nghĩa và những tác động tích cực từ chương trình cho vay HSSV tới XĐGN bền vững. Từ đó, phần lớn các hộ gia đình thuộc đối tượng được vay vốn đã làm thủ tục vay vốn từ chương trình với niềm tin khi có kiến thức, trình độ họ sẽ có thêm nhiều cơ hội để thoát nghèo bền vững.

Kết quả thống kê điều tra xã hội học cho thấy, có 71,5% đối tượng được hỏi cho rằng chương trình cho vay HSSV giúp họ có thêm cơ hội thoát nghèo bền vững, đây là cơ sở làm tăng hiệu quả xã hội chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

(2) Nâng cao ý thức học tập của HSSV

Kết quả thống kê điều tra xã hội học cho thấy, có 85% số HSSV được hỏi cho rằng chương trình cho vay HSSV giúp nâng cao ý thức học tập của HSSV vay vốn và 77,5% tin tưởng chương trình đã giúp những HSSV có hoàn cảnh khó khăn tự tin hơn trong cuộc sống và học tập để ngày mai lập nghiệp. Kết quả thống kê điều tra xã hội học nêu trên là hoàn toàn có thể tin cậy vì nó có cơ sở lý luận và thực tiễn để chứng minh: (i) Chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam là một chương trình cho vay chính sách với các điều kiện ưu đãi về lãi suất, điều kiện vay vốn nhưng vẫn tôn trọng nguyên tắc hoàn trả vốn gốc và lãi đúng hạn. Điều này có nghĩa là nguồn vốn của chương trình cho vay HSSV là nguồn vốn tín dụng, người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích, phải hoàn trả cả gốc và lãi cho NHCSXH sau một thời gian nhất định, nguồn tài chính để trả nợ cho NHCSXH chủ yếu từ thu nhập hàng tháng của HSSV sau khi tốt nghiệp; (ii) Nền kinh tế Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập với nền kinh tế thế giới nên thị trường lao động ngày càng trở nên cạnh tranh hơn, đòi hỏi người lao động phải có trình độ, tay nghề và kỹ năng làm việc tốt mới có cơ hội tìm được việc làm ổn định, thu nhập cao. Còn những lao

động dù có bằng cấp, có qua đào tạo nhưng trình độ, tay nghề, kỹ năng làm việc kém sẽ khó có cơ hội tìm được việc làm phù hợp, ổn định, thu nhập cao.

Ý thức được quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi vay vốn từ chương trình cho vay HSSV của NHCSXH, cũng như nhận thức được sự cạnh tranh và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi ra trường đã trở thành một trong những động lực giúp những HSSV vay vốn quyết tâm hơn, ý thức hơn trong quá trình học tập vì họ biết chỉ có những người có trình độ, kiến thức, tay nghề và kỹ năng làm việc tốt mới có nhiều cơ hội tìm được việc làm phù hợp, ổn định và có thu nhập cao sau khi tốt nghiệp.

Thứ hai, đánh giá qua các chỉ tiêu định lượng

(1) Khả năng tiếp cận vốn vay của HSSV

Mục tiêu của chương trình cho vay HSSV là không để một HSSV nào thuộc diện được vay vốn lại không tiếp cận được vốn vay vì vướng các thủ tục hành chính hoặc không biết đến chương trình cho vay HSSV. Do đó, ngay từ năm 2007, NHCSXH Việt Nam đã cố gắng đơn giản hóa quy trình, cải cách thủ tục hành chính, tăng cường công tác truyền thông, phối hợp tốt với Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTB&XH để xử lý nhanh những vấn đề vướng mắc nhằm tạo điều kiện tối đa cho HSSV thuộc diện được vay vốn tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của chương trình. Nhờ vậy, tỉ lệ HSSV được vay vốn/tổng số HSSV thuộc diện được vay vốn ngày càng cao.

Bảng 3.3. Khả năng tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi của HSSV

Đơn vị: HSSV, %

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
(1) Số HSSV thuộc diện được vay vốn	637.621	962.493	1.077.330	1.049.143	1.068.976	760.406	541.456	378.496
(2) Số HSSV được vay vốn	328.375	815.232	1.020.232	1.019.767	1.048.666	749.000	535.500	375.090
Tỷ trọng = (2) : (1)	51,5	84,7	94,7	97,2	98,1	98,5	98,9	99,1

(Nguồn: Ban tín dụng HSSV và các đối tượng chính sách khác của NHCSXH Việt Nam; tính toán của tác giả)

Tỷ lệ HSSV thuộc diện vay vốn tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ưu đãi chương trình cho vay HSSV tăng nhanh, từ mức 51,5% năm 2007 tăng lên 84,7% năm 2009 và từ năm 2009 trở đi luôn duy trì ở mức trên 94% đến 99%. Như vậy, chương trình cho vay HSSV của NHCSXH đã thực hiện được mục tiêu hỗ trợ tài chính giúp HSSV có tiếp cận được dịch vụ giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, cung cấp nguồn nhân lực có qua đào tạo cho xã hội, nâng cao trình độ dân trí,... Để thực hiện được mục tiêu trên, NHCSXH đã mở rộng mạng lưới giao dịch tới mọi vùng, miền trong cả nước; đã triển khai 10.094 điểm giao dịch tại xã, thiết lập và củng cố 196.931 Tổ TK&VV tại khắp các thôn, ấp, bản, làng. Điều này cho thấy, nếu đánh giá trên tiêu chí khả năng tiếp cận vốn vay của HSSV thuộc diện được vay vốn thì hiệu quả xã hội của chương trình cho vay HSSV trong giai đoạn 2007 – 2014 là cao.

(2) Số HSSV vay vốn NHCSXH đi học đã tốt nghiệp

Bảng 3.4: Số học sinh, sinh viên vay vốn tốt nghiệp hàng năm

Đơn vị: HSSV

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
(1) Đại học	6.218	8.047	9.514	10.211	115.103	214.942	101.088	16.729
(2) Cao đẳng	1.743	2.305	3.007	94.871	164.395	71.482	95.729	212.434
(3) Trung cấp	703	1.957	78.492	115.221	41.644	73.071	119.688	42.007
(4) Học nghề dưới 1 năm	2.974	4.837	10.098	7.564	4.856	3.084	2.878	2.953
Tổng	11.638	17.146	101.111	227.867	325.998	362.579	319.383	274.123

(Nguồn: Theo báo cáo hàng năm của Ban tín dụng HSSV và các đối tượng chính sách khác - NHCSXH Việt Nam)

Số lượng HSSV vay vốn tốt nghiệp tăng liên tục từ năm 2007 – 2012 đã góp phần thực hiện thành công mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực có qua đào tạo cho xã hội, nâng cao trình độ dân trí của chương trình cho vay HSSV. Xét trong trung và dài hạn, nguồn nhân sự này sẽ có tác động tích cực tới công cuộc XDGN; phát triển kinh tế, xã hội; nâng cao trình độ dân trí ở Việt Nam. Tuy nhiên, từ năm 2013 trở đi, số lượng HSSV vay vốn tốt nghiệp có xu hướng giảm xuống. Nguyên nhân của xu

hướng này là do: (i) Đối tượng HSSV được vay vốn trong giai đoạn 2007 – 2011 gồm có HSSV có hoàn cảnh khó khăn đã nhập học trước khi NHCSXH triển khai chương trình cho vay HSSV theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa tốt nghiệp (+) với những HSSV có hoàn cảnh khó khăn nhập học mới hàng năm. Còn từ năm 2012 trở đi đối tượng HSSV được vay vốn chỉ là những HSSV có hoàn cảnh khó khăn nhập học mới hàng năm; (ii) Đối tượng HSSV được vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ không được mở rộng trong suốt thời gian qua. Khi số HSSV được vay vốn giảm sẽ dẫn đến số HSSV tốt nghiệp hàng năm giảm. Điều này sẽ có ảnh hưởng tới quá trình thực hiện mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực có đào tạo cho xã hội, nâng cao trình độ dân trí của chương trình cho vay HSSV trong thời gian tới.

b) Hiệu quả kinh tế cho vay học sinh, sinh viên

Thứ nhất, nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng tiết kiệm chi phí

Bảng 3.5: Một số chỉ tiêu phản ánh khả năng tiết kiệm chi phí hoạt động của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam

Đơn vị: tỷ đồng, HSSV, %

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1. Số HSSV/CBTD	241	476	613	717	719	755	838	821
2. Dư nợ HSSV/CBTD	1,126	3,902	7,304	10,437	13,400	14,344	13,735	13,048
3. Tỷ lệ nợ quá hạn HSSV	0,66	0,23	0,26	0,30	0,43	0,47	0,49	0,51

(Nguồn: Báo cáo tín dụng hàng năm của NHCSXH Việt Nam và tính toán của tác giả)

Số liệu ở bảng 3.5 cho thấy:

(1) Số HSSV vay vốn và dư nợ HSSV bình quân/CBTD tăng nhanh trong thời gian qua. Trong đó, số HSSV/CBTD đã tăng từ mức 241 HSSV/CBTD năm 2007 lên hơn 821 HSSV/CBTD vào năm 2014; dư nợ HSSV/CBTD cũng đã tăng từ mức 1,1 tỷ /CBTD năm 2007 lên hơn 13 tỷ/CBTD năm 2013, 2014. Nếu chỉ xét đơn thuần về năng suất lao động/CBTD, kết quả trên đã giúp NHCSXH Việt Nam tiết kiệm được nhiều chi phí nhân công, chi phí quản lý trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV. Tuy nhiên, khi xem xét kết quả trên trong mối quan hệ

với cơ cấu tổ chức, quy trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam sẽ thấy hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV nhìn trên góc độ tiết kiệm chi phí nhân công, chi phí quản lý là chưa cao. Do đặc thù về cơ cấu tổ chức, quy trình cho vay HSSV, hàng năm ngoài các khoản chi cho hệ thống quản trị, điều hành nội bộ, NHCSXH Việt Nam phải chi thêm tiền hoa hồng cho Tổ TK&VV, phí ủy thác cho các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác, thù lao cho Ban giảm nghèo cấp xã.

(2) Theo số liệu thống kê tỷ lệ nợ quá hạn HSSV từ năm 2007 đến 2014 luôn dưới 1%/năm. Tuy nhiên, trên góc độ khoa học chỉ số nợ quá hạn chương trình cho vay HSSV theo số liệu thống kê và tính toán của NHCSXH Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2007 – 2014 chưa phản ánh hết thực trạng chất lượng tín dụng chương trình cho vay HSSV vì tính đến 31/12/2014, những món vay đầu tiên của HSSV hệ CĐ và ĐH thực hiện theo quyết định 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ vẫn chưa hết thời hạn trả nợ theo quy định, cụ thể:

(i) Những món vay của SV hệ cao đẳng niên khóa 2007 – 2010

Thời hạn cho vay = 3 năm phát tiền vay + 1 năm ân hạn + 3 năm trả nợ = 7 năm

Trong trường hợp được gia hạn nợ (thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 50% thời gian phát tiền vay tức là 1,5 năm) lúc đó thời hạn cho vay đối với SV hệ cao đẳng tối đa là 8,5 năm.

Do đó, món vay của SV hệ cao đẳng phát sinh vào tháng 9 năm 2007 thì phải đến tháng 2 năm 2016 mới đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, sau thời hạn này nếu SV vay vốn không trả được nợ đúng hạn mới bị chuyển qua nợ quá hạn.

(ii) Những món vay của SV hệ đại học 04, niên khóa 2007 - 2011

Thời hạn cho vay = 4 năm phát tiền vay + 1 năm ân hạn + 4 năm trả nợ = 9 năm

Trong trường hợp được gia hạn nợ (tối đa bằng 50% thời gian phát tiền vay tức là 2 năm) lúc đó thời hạn cho vay đối với SV hệ đại học 4 năm tối đa là 11 năm.

Do đó, món vay của SV hệ đại học 4 năm phát sinh vào tháng 9 năm 2007 thì phải đến tháng 9 năm 2018 mới đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, sau thời hạn này nếu SV vay vốn không trả được nợ đúng hạn mới bị chuyển qua nợ quá hạn.

Do đó, khi xem xét dư nợ quá hạn trong mối quan hệ với dư nợ đến hạn phải trả của các món vay trong giai đoạn 2007 - 2014 thì chỉ có những món vay của HSSV hệ trung cấp, học nghề dưới 1 năm và những món vay phát sinh trước năm 2007 (với tổng dư nợ 290 tỷ đồng) mới có khả năng phát sinh dư nợ quá hạn. Với phương pháp tiếp cận, xem xét dư nợ quá hạn chương trình cho vay HSSV như trên NCS đã tính toán tỷ lệ nợ quá hạn chương trình cho vay HSSV giai đoạn 2007 – 2014 như sau:

Bảng 3.6. Nợ quá hạn cho vay học sinh, sinh viên giai đoạn 2007-2014

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1. Dư nợ học sinh trung cấp, nghề + Dư nợ HSSV trước 2007 chuyển qua (290 tỷ)	1.037,909	2.933,858	5.048,631	6.588,338	7.368,542	6.999,880	5.483,680	4.912,375
2. Nợ quá hạn HSSV	18,446	22,414	47,279	78,744	144,785	167,198	168,328	122,077
3. Tỷ lệ NQH HSSV	1,77	0,76	0,9	1,19	1,96	2,38	3,06	2,48

(Nguồn: Báo cáo tín dụng hàng năm, báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam và tính toán của tác giả)

Như vậy, với phương pháp tiếp cận và xem xét dư nợ quá hạn của HSSV trong mối quan hệ với các khoản dư nợ đến hạn phải trả của HSSV, tỷ lệ nợ quá hạn chương trình HSSV đang có xu hướng tăng nhanh theo thời gian. Tỷ lệ nợ quá hạn tăng làm tăng chi phí quản lý nợ, chi phí xử lý nợ bị rủi ro của NHCSXH Việt Nam. Điều này sẽ làm hạn chế hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV trong giai đoạn 2007 – 2014.

Thứ hai, khả năng tự bù đắp chi phí hoạt động của chương trình

Bảng 3.7: Mức chênh lệch giữa lãi suất huy động bình quân với lãi suất cho vay học HSSV

Đơn vị: %

TT	Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1	Lãi suất huy động bình quân/năm	7,8	8,02	9,57	10,85	11,16	11,36	10,88	9,87
2	Lãi suất cho vay HSSV/năm	6	6	6	6	7,8	7,8	7,8	7,8
3	Mức chênh lệch giữa LSHĐ và LSCV	-1,8	-2,02	-3,57	-4,85	-3,36	-3,56	-3,08	-2,07

(Nguồn: Ban kế toán và Quản lý tài chính NHCSXH Việt Nam; tính toán của tác giả)

Số liệu ở bảng 3.7 cho thấy, mức chênh lệch giữa lãi suất huy động vốn bình quân và lãi suất cho vay HSSV đã tăng nhanh từ mức -1,8% năm 2007 lên -4,85% năm 2010. Nguyên nhân là do trong giai đoạn này NHCSXH Việt Nam áp dụng lãi suất cho vay HSSV ở mức 0,5%/tháng, trong khi đó lãi suất huy động vốn trên thị trường trong giai đoạn này tăng mạnh. Mức chênh lệch âm (-) giữa mức lãi suất cho vay HSSV với mức lãi suất huy động vốn bình quân tăng cao trong giai đoạn 2007-2010 đã làm tăng chi phí triển khai chương trình cho vay HSSV do làm tăng chi phí cấp bù lãi từ NSNN cho NHCSXH Việt Nam. Điều này làm giảm hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

Để từng bước giảm chi phí triển khai chương trình, đặc biệt là giảm chi phí cấp bù lãi suất từ NSNN cho NHCSXH Việt Nam, từ 1/8/2011, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định tăng lãi suất cho vay đối với HSSV từ mức 0,5%/tháng lên mức 0,65%/tháng, kết hợp với xu hướng giảm dần của lãi suất huy động vốn trên thị trường đã góp phần thu hẹp mức chênh lệch giữa lãi suất huy động vốn bình quân với lãi suất cho vay, từ mức -4,85% vào năm 2010 xuống còn -2,07% vào năm 2014. Khi khoảng cách chênh lệch âm (-) giữa mức lãi suất huy động và lãi suất cho vay đối với HSSV được thu hẹp đã giúp NHCSXH Việt Nam tiết kiệm được chi phí triển khai chương trình cho vay HSSV, giảm được chi phí cấp bù lãi suất từ NSNN cho NHCSXH Việt Nam nên đã góp phần làm tăng hiệu quả kinh tế của chương trình cho vay HSSV trong giai đoạn 2011 – 2014 so với hiệu quả kinh tế của chương trình cho vay HSSV giai đoạn 2007 – 2010. Tuy nhiên, với mức chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay HSSV với mức lãi suất huy động vốn bình quân của NHCSXH Việt Nam là -2,07% thì chương trình cho vay HSSV vẫn đang tạo ra

hiều áp lực về tài chính lên NSNN, lên sự an toàn tài chính và tính bền vững trong hoạt động cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

Ngoài ra sự ưu đãi về lãi suất cho vay, việc áp dụng cơ chế lãi suất cho vay cố định trong suốt thời hạn vay đang tạo ra nhiều rủi ro cho cả NHCSXH Việt Nam và HSSV vay vốn. Thời hạn cho vay dài nên đến kỳ trả nợ, nếu lãi suất cho vay trên thị trường giảm thấp hơn lãi suất ưu đãi trong hợp đồng tín dụng HSSV sẽ bị thiệt, đồng thời làm mất tính ưu đãi của chương trình. Ngược lại, nếu lãi suất huy động vốn, lãi suất cho vay trên thị trường tăng cao sẽ có tác động tiêu cực đến an toàn về tài chính, tính bền vững của NHCSXH Việt Nam.

Thứ ba, nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả thu hồi các khoản nợ cho vay học sinh, sinh viên bị rủi ro

Bảng 3.8: Kết quả thu hồi nợ cho vay HSSV bị rủi ro trong giai đoạn 2007 - 2014

Đơn vị: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1. Nợ khoanh cho vay HSSV	2,103	3,812	5,673	7,456	8,384	9,027	9,987	12,321
2. Nợ khoanh cho vay HSSV thu hồi được	1,019	1,987	2,895	3,798	4,561	5,905	6,069	7,031
3. Tỷ lệ nợ khoanh cho vay HSSV thu hồi được	48,5	52,12	51,03	50,93	54,40	65,41	60,76	57,06
4. Nợ quá hạn cho vay HSSV	18,446	22,414	47,279	78,744	144,785	167,198	168,328	122,077
5. Nợ quá hạn cho vay HSSV thu hồi được	3,218	7,257	13,106	22,336	44,295	51,216	52,071	57,179
6. Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay HSSV thu hồi được	17,44	32,37	27,72	28,36	30,59	30,63	30,93	46,83

(Nguồn: Ban kế toán và Quản lý tài chính NHCSXH Việt Nam; tính toán của tác giả)

Qua số liệu ở bảng 3.8 cho thấy hàng năm vẫn còn từ 35% đến hơn 50% nợ khoanh cho vay HSSV và từ 70% đến 83% số nợ quá hạn cho vay HSSV phát sinh hàng năm chưa thu hồi được đã làm tăng chi phí xử lý nợ bị rủi ro, giảm hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian qua.

Bảng 3.9: Nợ cho vay học sinh, sinh viên được xóa nợ qua các năm

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1. Nợ khoan cho vay HSSV được xóa nợ	1,185	1,792	2,109	2,879	3,371	4,023	4,589	4,721
2. Nợ quá hạn cho vay HSSV được xóa nợ	2,422	4,352	5,991	7,486	9,041	11,333	11,827	13,019
3. Tổng số nợ cho vay HSSV được xóa nợ	3,607	6,144	8,1	10,365	12,412	15,356	16,416	17,74
4. Tổng dư nợ cho vay HSSV	2.807	9.741	18.231	26.052	33.446	35.802	34.262	29.794
5. Tỷ lệ nợ cho vay HSSV được xóa nợ/Tổng dư nợ cho vay HSSV	0,128	0,063	0,044	0,039	0,037	0,042	0,047	0,059

(Nguồn: Ban kế toán và Quản lý tài chính NHCSXH Việt Nam)

Từ bảng số liệu 3.9 cho thấy, tỷ lệ nợ cho vay HSSV được xóa nợ/tổng dư nợ cho vay HSSV hàng năm giảm trong giai đoạn 2007- 2011, nhưng đang có xu hướng tăng lên từ năm 2011-2014. Đặc biệt, số tuyệt đối về nợ cho vay HSSV được xóa nợ đã liên tục tăng từ mức 3,607 tỷ vào năm 2007 lên mức 17,74 tỷ vào năm 2014. Điều này đã làm giảm hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV.

Như vậy, qua phân tích, đánh giá hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong giai đoạn 2007-2014 ta thấy hiệu quả xã hội của chương trình là khá cao trong khi hiệu quả kinh tế của chương trình là chưa cao.

3.2.2. Thực trạng nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam

3.2.2.1. Các nhân tố thuộc Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam

a) Nguồn vốn phục vụ chương trình cho vay HSSV

Nhu cầu về nguồn vốn phục vụ chương trình cho vay HSSV ngày càng tăng do xu hướng tăng mức cho vay/HSSV/tháng để phù hợp hơn với mức tăng học phí của các trường đại học; tăng giá nhà trọ, giá sách, vở, tài liệu học tập của HSSV. Mỗi năm NHCSXH Việt Nam cần nguồn vốn từ 7.000 – 9.000 tỷ để giải ngân cho chương trình cho vay HSSV. Tuy nhiên, hiện nay NHCSXH chưa thật sự làm chủ được nguồn vốn phục vụ chương trình cho vay HSSV, nguồn vốn chưa có tính ổn

định, bền vững nên trong một số thời điểm (2009, 2010, 2012) NHCSXH Việt Nam đã gặp khó khăn trong việc cân đối vốn để phục vụ chương trình, NHCSXH Việt Nam đã phải vay Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đảm bảo kịp thời vốn cho chương trình cho vay HSSV [25]. Chính điều này đã làm tăng chi phí huy động vốn của NHCSXH Việt Nam, làm tăng chi phí triển khai chương trình nên đã làm giảm hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV của NHCSXH trong thời gian qua.

b) Công tác quản lý chương trình cho vay học sinh, sinh viên

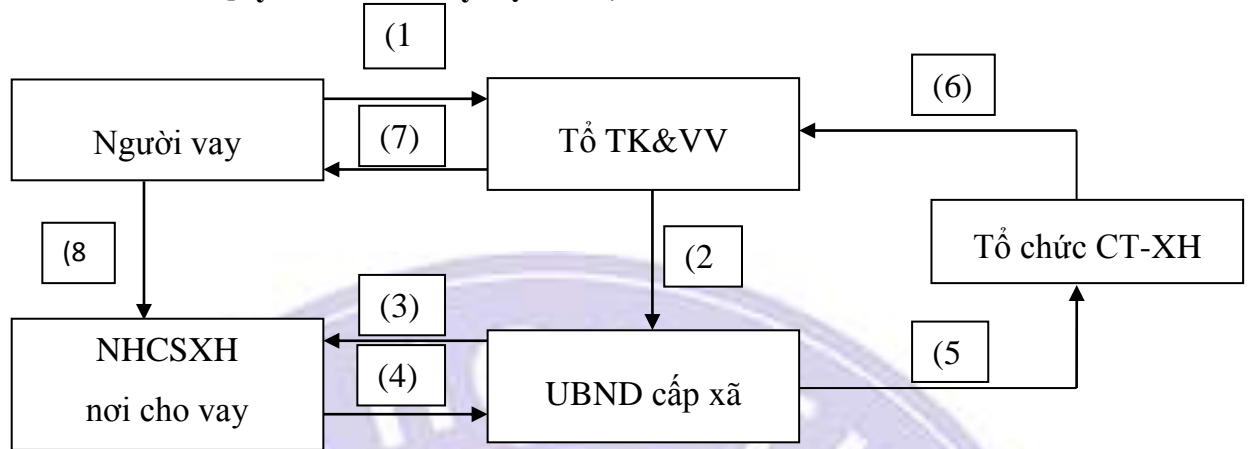
❖ *Hệ thống văn bản pháp quy liên quan đến chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam:* Cơ sở pháp lý quan trọng để NHCSXH Việt Nam triển khai và quản lý chương trình cho vay HSSV là Quyết định số: 157/2007/QĐ-TTg, ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ vào Quyết định này NHCSXH Việt Nam đã ban hành văn bản số: 2162A/NHCS-TD hướng dẫn thực hiện cho vay đối với HSSV; văn bản số: 2225/NHCS-TD, ngày 30/10/2007 về việc giải đáp một số vướng mắc về cho vay đối với HSSV; văn bản số: 2525/NHCS-TDSV, ngày 07/9/2009 về việc giải ngân cho vay qua thẻ đối với chương trình tín dụng HSSV. Ngoài ra còn một số văn bản khác như văn bản số: 1964/NHCS-TDSV, ngày 15/7/2009 về việc hướng dẫn giải ngân đối với bộ đội xuất ngũ đi học; văn bản số: Số:1883/NHCS-TD, ngày 10/7/2008 về việc ban hành Giấy cam kết trả nợ và thay Giấy xác nhận, v.v...

Với hệ thống văn bản quản lý khá đồng bộ và chặt chẽ đã giúp NHCSXH Việt Nam có được công cụ pháp lý để quản lý và giám sát hoạt động cho vay HSSV. Điều này giúp nâng cao hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian qua.

❖ *Các quy trình, quy định cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam*

➤ *Quy trình cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam*

(1) *Trường hợp cho vay học sinh, sinh viên thông qua hộ gia đình*

Hình 3.2: Quy trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn**Chú thích**

(1) Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kèm Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học gửi cho Tổ TK&VV.

- Đối với Bộ đội xuất ngũ, người vay gửi cho NHCSXH nơi cho vay bản sao Quyết định về việc quân nhân xuất ngũ có chứng thực của UBND cấp xã;

- Đối với người học nghề phải có giấy xác nhận hoặc giấy báo nhập học của cơ sở dạy nghề, cơ sở đào tạo được thành lập và hoạt động theo qui định của pháp luật;

- Đối với lao động đã được vay vốn học nghề một lần nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan phải có tên trong Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc được tiếp tục hỗ trợ học nghề để chuyển đổi việc làm theo chính sách của Đề án thì được NHCSXH tiếp tục xem xét cho vay nhưng tối đa không quá 03 lần;

(2) Tổ TK&VV nhận được hồ sơ xin vay của người vay, tiến hành họp Tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên Giấy đề nghị vay vốn, đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách vay vốn của Chính phủ. Sau đó, lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH kèm Giấy đề nghị vay vốn, Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học trình UBND cấp xã xác nhận.

(3) Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, Tổ TK&VV gửi toàn bộ hồ sơ đề nghị vay vốn cho NHCSXH để làm thủ tục phê duyệt cho vay.

(4) NHCSXH nhận được hồ sơ do Tổ TK&VV gửi đến, cán bộ ngân hàng được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn, trình Tổ trưởng tín dụng và Giám đốc phê duyệt cho vay. Sau khi phê duyệt, ngân hàng lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay gửi UBND cấp xã.

(5) UBND cấp xã thông báo cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (đơn vị nhận ủy thác cho vay).

(6) Tổ chức chính trị - xã hội thông báo cho Tổ TK&VV

(7) Tổ chức chính trị - xã hội thông báo cho người vay biết kết quả phê duyệt cho vay của NHCSXH.

(8) Người vay đến điểm giao dịch tại xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay để nhận tiền vay [24]

** Hồ sơ cho vay bao gồm*

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay kèm Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học;

- Danh sách hộ gia đình có HSSV đề nghị vay vốn với NHCSXH Việt Nam;

- Biên bản họp Tổ TK&VV;

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay. [19]

Quy trình cho vay này đã chỉ rõ nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của các bên khi tham gia vào quy trình cho vay HSSV thông qua hộ gia đình. Với việc sắp xếp thứ tự thực hiện các công việc khá rõ ràng, logic đã giúp NHCSXH cho vay đúng đối tượng, kiểm soát được chất lượng công việc giữa các khâu trong quá trình cho vay, rút ngắn được thời gian xử lý một món vay, nâng cao được năng suất và hiệu quả làm việc của CBNV giúp NHCSXH Việt Nam tiết kiệm được chi phí quản lý, chi phí nhân sự từ đó góp phần nâng cao hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian qua.

(2) *Trường hợp cho vay trực tiếp đối với học sinh, sinh viên*

** Quy trình cho vay*

Bước 1: Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của nhà trường đang theo học tại trường và là HSSV mồ côi có hoàn cảnh khó khăn gửi NHCSXH nơi nhà trường đóng trụ sở.

Bước 2: Nhận được hồ sơ xin vay, NHCSXH Việt Nam xem xét cho vay.

* Hồ sơ cho vay: Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay kèm Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học. [19]

Quy trình cho vay trực tiếp đối với những HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ đã giúp những HSSV thuộc đối tượng này dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn của chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam. Tuy nhiên, do quy trình cho vay đơn giản, thiếu sự phân chia rõ ràng quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm giữa các bên tham gia vào quá trình cho HSSV vay vốn, nên đã tạo ra nhiều kẽ hở trong quá trình thực hiện, đặc biệt là trong khâu quản lý và giám sát sau khi cho vay. Với quy trình này NHCSXH Việt Nam sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc theo dõi và quản lý món vay, đặc biệt là sau khi HSSV vay vốn tốt nghiệp ra trường. Thực tế triển khai trong thời gian qua đã cho thấy có trên 30% số HSSV vay vốn thuộc đối tượng này đã không liên lạc với NHCSXH Việt Nam sau khi ra trường và bản thân NHCSXH Việt Nam cũng không thể biết hiện nay họ đang ở đâu và làm việc cho cơ quan, tổ chức nào để thu nợ [20]

➤ Các quy định về cho vay học sinh, sinh viên của NHCSXH Việt Nam

• Đối tượng vay vốn: HSSV có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm:

- HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

- HSSV là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

+ Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật;

+ Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật;

+ HSSV mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú;

+ Bộ đội xuất ngũ theo học tại các cơ sở dạy nghề thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ sở dạy nghề khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo qui định tại Quyết định số 121/2009/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, học nghề trong các trường: cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề, trường đại học, trung cấp chuyên nghiệp của các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở đào tạo nghề khác theo qui định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. [26][19]

• Điều kiện vay vốn

- HSSV đang sinh sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay và thuộc đối tượng được vay vốn;

- Đối với HSSV năm thứ nhất phải có giấy báo trúng tuyển hoặc giấy xác nhận được vào học của nhà trường;

- Đối với HSSV từ năm thứ hai trở đi phải có xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu. [26][19]

• Phương thức cho vay: NHCSXH áp dụng phương thức cho vay thông qua đại diện hộ gia đình có HSSV đang theo học tại cơ sở đào tạo và cho vay trực tiếp đối với HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động. Để chuyển tải vốn tín dụng chính sách đúng đối tượng thụ hưởng, đồng thời nâng cao chất lượng tín dụng, hỗ trợ tối đa cho người vay vốn trong điều kiện phải tinh giản biên chế, tiết giảm chi phí quản lý, NHCSXH đã thực hiện phương thức quản lý tín dụng chính sách thông qua hình thức uỷ thác cho 4 tổ chức chính trị, xã hội thực hiện một số công việc trong quy trình nghiệp vụ tín dụng HSSV. [26][19]

• Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

- *Mức cho vay*, mức cho vay tối đa đối với một HSSV do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng trường hợp cụ thể. NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào mức thu học phí của từng trường, sinh hoạt phí và nhu cầu của người vay để quyết định mức cho vay cụ thể đối với từng HSSV, nhưng tối đa mỗi HSSV không quá mức cho vay đã quy định của Thủ tướng. Số tiền cho vay đối với mỗi hộ gia đình căn cứ vào số lượng HSSV trong gia đình, thời gian còn phải theo học tại trường và mức cho vay đối với mỗi HSSV. [26][19]

- Kể từ ngày 01/08/2014 sẽ áp dụng theo mức cho vay 1.100.000 đồng/HSSV/tháng đối với cả những HSSV đang trực tiếp thực hiện Hợp đồng vay vốn với NHCSXH nơi trường đóng trụ sở hoặc đã vay thông qua hộ gia đình theo các cơ chế cho vay trước đây và đang trong quá trình giải ngân dở dang.

- *Thời hạn cho vay*: Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày trả hết nợ gốc và lãi được thỏa thuận trong Sổ vay vốn.

+ Người vay phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên ngay sau khi HSSV có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày HSSV kết thúc khoá học. Như vậy thời gian tối đa không quá 12 tháng tính từ ngày HSSV kết thúc khóa học ra trường chưa có việc làm được hiểu là thời gian ân hạn. Khi đó thời hạn cho vay tối đa được xác định theo công thức sau: [26][19]

Thời hạn cho vay = Thời hạn phát tiền vay + 12 tháng ân hạn + Thời hạn trả nợ

Trong đó:

Thời hạn phát tiền vay, là khoảng thời gian tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày HSSV kết thúc khoá học, kể cả thời gian HSSV được nhà trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có). [26][19]

Thời hạn trả nợ, là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay trả món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc và lãi. Người vay và ngân hàng thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể nhưng không vượt quá thời hạn trả nợ tối đa được quy định cụ thể như sau:

Đối với các chương trình có thời gian đào tạo đến một năm, thời gian trả nợ tối đa bằng 2 lần thời hạn phát tiền vay, các chương trình đào tạo trên một năm, thời gian trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay.

- Trường hợp một hộ gia đình vay vốn cho nhiều HSSV cùng một lúc (cùng một lúc được hiểu là hộ gia đình làm thủ tục vay vốn cho nhiều HSSV tại một thời điểm nhất định để nhận tiền vay lần đầu tiên), nhưng thời hạn ra trường của từng HSSV khác nhau, thì thời hạn cho vay được xác định theo HSSV có thời gian còn phải theo học tại trường dài nhất.

- Đối với HSSV đã vay vốn sau khi tốt nghiệp đi nghĩa vụ quân sự, phục vụ có thời hạn trong công an nhân dân nếu còn dư nợ chương trình cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn tại NHCSXH thì số dư nợ đó được kéo dài thời gian trả nợ và được miễn lãi tiền vay tương ứng với thời gian phục vụ tại ngũ của HSSV đó, nhưng tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày HSSV nhập ngũ.

Thời gian phục vụ tại ngũ: được tính từ ngày nhập ngũ ghi trên lệnh gọi nhập ngũ đến ngày kết thúc thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự (là ngày tháng có hiệu lực của các Quyết định về việc quân nhân xuất ngũ). [26][19]

- *Lãi suất cho vay*: Các khoản cho vay từ 30/9/2007 trở về trước còn dư nợ đến ngày 30/9/2007 vẫn được áp dụng lãi suất cho vay như đã ghi trên Hợp đồng tín dụng cho đến khi thu hồi hết nợ;

- Các khoản giải ngân cho vay từ 01/10/2007 đến 31/7/2011 áp dụng lãi suất cho vay 0,5%/tháng; [26][19]

- Các khoản giải ngân cho vay từ 01/8/2011 đến 05/06/2014 áp dụng mức lãi suất cho vay 0,65%/tháng; [30]

- Các khoản giải ngân cho vay từ ngày 06/06/2014 đến ngày 04/06/2015 áp dụng mức lãi suất cho vay 0,6%/tháng; [31]

- Kể từ ngày 05/06/2015 trở đi áp dụng mức lãi suất 0,55%/tháng; [33]

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. [26][19]

• Tổ chức giải ngân

- NHCSXH được thực hiện giải ngân mỗi năm 02 lần vào đầu các kỳ học;

- Số tiền giải ngân từng lần căn cứ vào mức cho vay tháng và số tháng của từng học kỳ theo chương trình học của HSSV;

- Giấy xác nhận của nhà trường hoặc giấy báo nhập học được sử dụng làm căn cứ giải ngân cho 2 lần của năm học đó. Để giải ngân cho năm học tiếp theo phải có giấy xác nhận mới của nhà trường.

Đến kỳ giải ngân, người vay mang chứng minh nhân dân, sổ vay vốn đến điểm giao dịch quy định của NHCSXH để nhận tiền vay. Trường hợp, người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay được ủy quyền cho thành viên trong hộ lĩnh tiền nhưng phải có giấy ủy quyền có xác nhận của UBND cấp xã. Mỗi lần giải ngân, cán bộ Ngân hàng ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu người vay ký xác nhận tiền vay theo quy định.

NHCSXH có thể giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho người vay theo phương thức người vay đề nghị NHCSXH nơi cho vay chuyển tiền cho HSSV nhận tiền mặt tại trụ sở NHCSXH nơi gần trường học của HSSV hoặc chuyển khoản cho HSSV đóng học phí cho nhà trường theo đề nghị của người vay. [26][19]

• Thu nợ gốc và lãi tiền vay: Việc thu nợ gốc được thực hiện theo phân kỳ trả nợ đã thoả thuận trong sổ vay vốn. Trường hợp người vay có khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

- Lãi tiền vay được tính kể từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. NHCSXH thoả thuận với người vay trả lãi theo định kỳ tháng hoặc quý trong thời hạn trả nợ. Trường hợp, người vay có nhu cầu trả lãi theo định kỳ hàng tháng, quý trong thời hạn phát tiền vay thì NHCSXH thực hiện thu theo yêu cầu của người vay.

- Đối với các khoản nợ quá hạn, thu nợ gốc đến đâu thì thu lãi đến đó; trường hợp người vay thực sự khó khăn có thể ưu tiên thu gốc trước, thu lãi sau.

- Chính sách giảm lãi đối với người vay trả nợ trước hạn, số tiền lãi được giảm tính trên số tiền gốc trả nợ trước hạn và thời gian trả nợ trước hạn của người vay. Mức lãi suất được giảm bằng 50% lãi suất cho vay.

Số tiền lãi được giảm cho mỗi lần trả nợ trước hạn được tính theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi được giảm} = \frac{\text{Số tiền gốc trả trước hạn} \times \text{Số ngày trả nợ trước hạn} \times \text{Lãi suất cho vay tháng}}{30 \text{ ngày}} \times 50 \%$$

Số ngày trả nợ trước hạn được tính từ ngày trả nợ đến ngày trả nợ cuối cùng ghi trên sổ vay vốn. [26][19]

• Xác định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi tiền vay

- Khi giải ngân số tiền cho vay của kỳ học cuối cùng, NHCSXH Việt Nam nơi cho vay cùng người vay thoả thuận việc định kỳ hạn trả nợ của toàn bộ số tiền cho vay. Người vay phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên khi HSSV có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày HSSV kết thúc khoá học. Số tiền cho vay được phân kỳ trả nợ tối đa 6 tháng 1 lần, phù hợp với khả năng trả nợ của người vay do ngân hàng và người vay thoả thuận ghi vào Sổ vay vốn.

- Trường hợp HGD vay vốn cho nhiều HSSV cùng một lúc, nhưng thời hạn ra trường của từng HSSV khác nhau, thì việc định kỳ hạn trả nợ, được thực hiện khi giải ngân số tiền cho vay kỳ học cuối của HSSV ra trường sau cùng. [26] [19]

• Xử lý nợ bị rủi ro

* Nợ bị rủi ro và các nguyên nhân

- Nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan, là những khoản nợ bị rủi ro do người vay cố tình chây ỳ không trả; do tổ trưởng Tổ TK&VV, cán bộ xã hoặc CBTD của NHCSXH cố tình chiếm dụng vốn bằng cách thu tiền của người vay nhưng không nộp vào quỹ của ngân hàng.

- Nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, là những khoản nợ bị rủi ro do các nguyên nhân:

+ Thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, dịch bệnh xảy ra làm thiệt hại trực tiếp đến vốn, tài sản của khách hàng hoặc của dự án;

+ Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng (không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm...);

+ Khách hàng là cá nhân vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình: bị mất năng lực hành vi dân sự; người vay vốn ốm đau thường xuyên, mắc bệnh tâm thần, có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt không nơi nương tựa; chết; mất tích hoặc bị tuyên bố là chết, mất tích không còn tài sản để trả nợ hoặc không có người thừa kế hoặc người thừa kế thực sự không có khả năng trả nợ thay cho khách hàng;

+ Khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật mà không còn pháp nhân, không còn vốn, tài sản để trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội. [27] [28]

** Phương pháp xử lý nợ bị rủi ro*

- Các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp các tổ chức cá nhân gây ra tổn thất cố tình không chịu bồi thường theo quy định ngân hàng có quyền khởi kiện ra tòa để xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật.

- Việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện tại thời điểm thực tế phát sinh rủi ro hoặc theo từng đợt, trên cơ sở đề nghị của khách hàng, của NHCSXH và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền như sau:

Gia hạn nợ: gia hạn nợ là việc NHCSXH cho phép khách hàng được kéo dài thời hạn trả nợ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Trong thời gian gia hạn nợ, khách hàng vẫn phải trả lãi tiền vay.

- Điều kiện gia hạn nợ:

+ Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan;

+ Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản dưới 40% so với tổng số vốn thực hiện

dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh của khách hàng;

- Thời gian gia hạn nợ: thời gian gia hạn nợ tối đa là 12 tháng đối với loại cho vay ngắn hạn; tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay đối với các khoản vay trung và dài hạn, được tính từ ngày khách hàng vay đến hạn trả nợ. [27][28]

Khoanh nợ: khoanh nợ là việc NHCSXH chưa thu nợ của khách hàng và không tính lãi tiền vay phát sinh trong thời gian được khoanh nợ.

- Điều kiện khoanh nợ:

+ Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan;
+ Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản từ 40% đến 100% so với tổng số vốn thực hiện của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh của khách hàng.

- Thời gian khoanh nợ:

+ Trường hợp khách hàng bị thiệt hại về vốn và tài sản từ 40% đến dưới 80% so với tổng số vốn thực hiện của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh của khách hàng: Thời gian khoanh nợ tối đa là 3 năm, tính từ ngày khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan;

+ Trường hợp khách hàng bị thiệt hại về vốn và tài sản từ 80% đến 100% so với tổng số vốn thực hiện của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh của khách hàng: Thời gian khoanh nợ tối đa là 5 năm, tính từ ngày khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan;

+ Trường hợp hết thời gian khoanh nợ, khách hàng vay vẫn gặp khó khăn, chưa có khả năng trả nợ sẽ được xem xét tiếp tục cho khoanh nợ với thời gian tối đa không vượt quá thời gian đã được khoanh nợ lần trước theo quyết định của cấp có thẩm quyền. [27][28]

Xóa nợ (gốc, lãi): là việc NHCSXH không thu một phần hoặc toàn bộ nợ gốc, lãi của khách hàng đang còn dư nợ tại ngân hàng.

- Điều kiện xóa nợ:

+ Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan như: thiên tai và các tác động do biến đổi khí hậu gây ra (bão, lũ, hạn hán, động đất, sạt lở đất, rét đậm, rét hại, cháy rừng, hỏa hoạn, dịch họa); các dịch bệnh liên quan đến gia súc,

gia cầm, thủy hải sản, động vật nuôi khác và cây trồng; Nhà nước điều chỉnh chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến SXKD của khách hàng; do biến động chính trị, kinh tế xã hội ở khu vực, quốc tế và nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng trực tiếp đến người đi lao động ở nước ngoài. Sau khi hết thời gian khoan nợ (kể cả trường hợp được khoan nợ bổ sung) mà vẫn không có khả năng trả nợ, NHCSXH đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

+ Khách hàng vay vốn, HSSV hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ nghèo: bị mất năng lực hành vi dân sự, người lao động bị tai nạn nghề nghiệp trong quá trình lao động ở nước ngoài; ốm đau thường xuyên, mắc bệnh tâm thần, có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt không nơi nương tựa; chết, mất tích hoặc bị tuyên bố là chết, mất tích mà không còn tài sản để trả nợ, không có người thừa kế hoặc người thừa kế thực sự không có khả năng trả nợ thay cho khách hàng.

+ Khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật mà không còn pháp nhân, không còn tài sản, vốn để trả nợ cho NHCSXH.

+ Số tiền xoá nợ (gốc, lãi) cho khách hàng bằng số tiền khách hàng còn phải trả cho Ngân hàng, sau khi Ngân hàng đã áp dụng các biện pháp tận thu. [27][28]

Với các quy định rõ ràng và chặt chẽ, NHCSXH Việt Nam đã tạo ra một công cụ quản lý chương trình cho vay HSSV khá hiệu quả. Các quy định này kết hợp với quy trình cho vay HSSV và hệ thống các văn bản quản lý chương trình cho vay HSSV đã tạo ra một hệ thống các công cụ giúp NHCSXH Việt Nam cho vay đúng đối tượng, kiểm soát được các hoạt động của các bộ phận, hạn chế được các rủi ro tác nghiệp, rủi ro đạo đức nên đã hạn chế được nhiều tổn thất về tài chính trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV. Điều này đã góp phần nâng cao hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian qua.

Tuy nhiên, trong số các quy định về cho vay HSSV vẫn còn một số quy định chưa thật sự chặt chẽ và hợp lý như quy định về chuyển nợ quá hạn và giảm lãi tiền vay khi HSSV trả nợ trước hạn (*Theo văn bản số 2162A/NHCS-TD, ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Tổng giám đốc NHCSXH Việt Nam*), v.v... Chính những quy định

chưa thật sự chặt chẽ và hợp lý này đã tạo ra những kẽ hở trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV, gây ra một số rủi ro, tổn thất về tài chính cho NHCSXH Việt Nam, làm giảm hiệu quả kinh tế của chương trình.

3.2.2.2. Các nhân tố thuộc đối tượng thụ hưởng

a) Khả năng tìm kiếm việc làm của HSSV vay vốn sau khi tốt nghiệp

Bảng 3.10: Số HSSV vay vốn đã có và chưa có việc làm sau khi tốt nghiệp từ 12 tháng trở lên

Đơn vị: HSSV

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
(1) Số HSSV tốt nghiệp	11.638	17.146	101.111	227.867	325.998	362.579	319.383	274.123
(2) Số HSSV đã có việc làm	11.173	16.375	97.168	221.031	317.849	353.515	310.123	264.387
(3) Số HSSV chưa có việc làm	465	771	3.943	6.836	8.149	9.064	9.262	9.736

(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của Ban tín dụng HSSV và các đối chính sách khác - NHCSXH Việt Nam và tính toán của tác giả)

Qua số liệu thống kê của NHCSXH về số HSSV vay vốn đã tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp từ 12 tháng trở lên trong giai đoạn 2007-2014 cho thấy số HSSV chưa tìm được việc làm đang có xu hướng ngày tăng lên theo thời gian, đây thực sự là một điều đáng lo ngại vì mỗi khi số HSSV không tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp tăng lên không những có tác động xấu đến tâm lý của HSSV, đến cuộc sống của HGD có con em thất nghiệp mà còn có khả năng làm tăng tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh, giãn nợ, v.v..., từ đó làm giảm hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

b) Thu nhập của HSSV vay vốn sau khi tốt nghiệp

Theo kết quả điều tra trên phạm vi toàn quốc của NHCSXH Việt Nam (2012) đối với đối tượng là HSSV vay vốn đã tốt nghiệp, đi làm từ 1-3 năm: có 20% có thu nhập bình quân hàng tháng dưới 4 triệu đồng, 62% có thu nhập bình quân hàng tháng từ 4-6 triệu đồng và 18% có thu nhập bình quân tháng trên 6 triệu đồng [20].

Với những HSSV có mức thu nhập bình quân hàng tháng dưới 4 triệu đồng sẽ khó có khả năng vừa nuôi sống bản thân vừa tiết kiệm tiền để hỗ trợ gia đình hoàn trả nợ vay NHCSXH. Điều này có tác động tiêu cực đến tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh, nợ giãn của chương trình cho vay HSSV từ đó làm giảm hiệu quả kinh tế của chương trình.

3.2.2.3. Nhân tố thuộc về môi trường

a) *Môi trường kinh tế*: Môi trường kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2007 – 2014 có nhiều diễn biến phức tạp, theo đó có một số nhân tố có tác động tích cực nhưng cũng có những nhân tố có tác động tiêu cực lên hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian qua.

Thứ nhất, các nhân tố tác động tích cực: (i) Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong thời gian qua là khá cao so với tốc độ tăng trưởng GDP của các nước khác trong khu vực và trên thế giới, cụ thể: 2007 - 8,46%; 2008 - 6,31%; 2009 - 5,32%; 2010 - 6,78%, 2011 - 5,89%; 2012 - 5,25%; 2013 - 5,42% và 2014 - 5,9% [41]; (ii) Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới từ ngày 11 tháng 1 năm 2007 đã mở ra cơ hội lớn cho hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam đến được với thị trường rộng lớn của 155 nước thành viên trong tổ chức WTO; (iii) Nền kinh tế Việt Nam đã thu hút được một lượng lớn vốn đầu tư nước ngoài, vốn thực hiện cụ thể qua các năm: 2007 – 8 tỷ USD; 2008 – 11,5 tỷ USD; 2009 – 10 tỷ USD; 2010 – 11 tỷ USD, 2011 – 11 tỷ USD; 2012 – 10,46 tỷ USD; 2013 – 11,5 tỷ USD và 2014 – 12 tỷ USD [42].

Những nhân tố trên đã có tác động tích cực đến sự phát triển của DN Việt Nam, tạo ra cơ hội việc làm cho người lao động nói chung và những HSSV vay vốn nói riêng, từ đó tác động tích cực lên hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian qua.

Thứ hai, nhân tố tác động tiêu cực: Mức độ lạm phát của nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2007-2014 diễn biến phức tạp, cụ thể: 2007 – 12,6%; 2008 – 19,89%; 2009 – 6,52%; 2010 – 11,75%, 2011 – 18,13%; 2012 – 6,81%; 2013 – 6,04% và 2014 – 4,09% [43]. Với mức lạm phát cao trong những năm 2007, 2008,

2010, 2011 đã kéo theo lãi suất huy động vốn của các TCTD trong các năm này tăng theo. Điều này đã làm chi phí huy động vốn bình quân của NHCSXH Việt Nam (2007, 2008, 2010, 2011) tăng cao trong khi mức lãi suất cho vay HSSV vẫn phải thực hiện theo chính sách lãi suất cho vay ưu đãi do Chính phủ quy định là 0,5%. Điều này đã làm tăng chi phí cấp bù lãi suất từ NSNN cho NHCSXH Việt Nam, làm ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả kinh tế của chương trình.

b) Môi trường chính trị: Trong giai đoạn 2007-2014, môi trường chính trị của Việt Nam luôn ổn định. Điều này đảm bảo cho các chủ trương, chính sách về an sinh xã hội, đặc biệt là chủ trương, chính sách XDGN; nâng cao trình độ dân trí; thu hẹp khoảng cách giàu nghèo; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn, giữa miền núi và đồng bằng;... của Chính phủ Việt Nam trong thời gian qua là nhất quán và được thực hiện xuyên suốt từ trung ương đến địa phương. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho NHCSXH Việt Nam trong việc huy động các nguồn vốn có nguồn gốc từ NSNN nhằm phục vụ đủ và kịp thời nhu cầu cho vay của các chương trình tín dụng chính sách (trong đó có chương trình cho vay HSSV) theo chỉ định của Chính phủ, nhờ đó phần lớn HSSV thuộc đối tượng được vay vốn đã tiếp cận được nguồn vốn của chương trình, đã được vay vốn để đi học góp phần nâng cao hiệu quả xã hội của chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian qua.

c) Môi trường văn hóa, giáo dục: Môi trường văn hóa, giáo dục của Việt Nam trong giai đoạn 2007-2014 được đánh giá là ổn định và có nhiều thuận lợi cho hoạt động cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam. Với truyền thống “Tôn sư trọng đạo”, truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam; với triết lý “Đi một ngày đàng học một sàng khôn” nên phần lớn người dân Việt Nam đều ý thức được những giá trị to lớn của sự học, đều nhận thức đúng và kịp thời những tác động tích cực của việc đầu tư cho con em ăn học đến tương lai, sự nghiệp của con cái. Trong một môi trường văn hóa, giáo dục thuận lợi như vậy, chương trình cho vay HSSV theo Quyết định số 127/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của HSSV có hoàn cảnh khó khăn và toàn xã hội. Nhờ vậy, NHCSXH Việt

Nam đã nhanh chóng giải ngân được cho hàng triệu lượt HSSV vay vốn. Điều này đã góp phần nâng cao hiệu quả xã hội của chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian qua.

3.3. Đánh giá thực trạng cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam giai đoạn 2007 – 2014.

3.3.1. Những thành tựu đạt được và nguyên nhân

3.3.1.1. Những thành tựu đạt được

Chương trình cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn của NHCSXH Việt Nam trong giai đoạn 2007-2014 đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ:

Trong những năm qua, với sự nỗ lực rất lớn của toàn hệ thống NHCSXH Việt Nam, sự phối hợp chặt chẽ giữa NHCSXH Việt Nam với Bộ LĐTB&XH, Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, các tổ chức nhận ủy thác, sự quan tâm chỉ đạo của Ban đại diện HĐQT các cấp, sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền địa phương. Dưới sự chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể và thường xuyên của Thường trực Chính phủ, công tác tín dụng đối với HSSV đã bước đầu thu được những kết quả rất khả quan, được HSSV và dư luận xã hội đồng tình, đánh giá cao.

Thứ nhất, NHCSXH Việt Nam đã tiết kiệm được chi phí quản lý, chi phí triển khai chương trình giúp nâng cao hiệu quả kinh tế của chương trình cho vay HSSV trong giai đoạn 2007 - 2014. Số liệu thống kê tại bảng 3.5 cho thấy số HSSV/CBTD và dư nợ cho vay HSSV/CBTD đã tăng liên tục qua các năm, điều này cho thấy NHCSXH Việt Nam đã không ngừng nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng làm việc cho đội ngũ CBNV từ đó nâng cao năng lực, năng suất làm việc của họ để phục vụ các đối tượng thụ hưởng chương trình cho vay HSSV ngày càng tốt hơn.

Thứ hai, chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam đã góp phần không nhỏ vào việc cung cấp nguồn nhân lực có qua đào tạo cho nền kinh tế, nâng cao trình độ dân trí,..... Với 1.639.845 HSSV vay vốn đã tốt nghiệp trong giai đoạn 2007 – 2014 (Bảng 3.4) đã minh chứng rõ hơn cho nhận định này của NCS. Đây

được đánh giá là một thành công lớn của chương trình cho vay HSSV do NHCSXH Việt Nam triển khai trong giai đoạn 2007 – 2014.

Thứ ba, chương trình cho vay HSSV đã góp phần nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi đối với HSSV có hoàn cảnh khó khăn; giúp các em có thêm cơ hội học nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học; làm tăng hiệu quả xã hội chương trình cho vay HSSV. Tỷ lệ HSSV thuộc diện được vay vốn đã vay được vốn từ chương trình tăng 47,6% trong 7 năm qua, từ mức 51,5% năm 2007 lên mức 99,1% năm 2014 (Bảng 3.3) đã góp phần minh chứng cho nhận định trên của NCS.

Thứ tư, chương trình cho vay HSSV đã góp phần làm giảm đáng kể các tệ nạn xã hội như: rượu chè, cờ bạc, lô đề...trong tầng lớp thanh niên tại các địa phương, đặc biệt là các địa phương vùng sâu, vùng xa. Thông qua chương trình cho vay HSSV, phần lớn các hộ gia đình có con em được vay vốn đi học và những HSSV được vay vốn đều đã nhận thức đúng và đầy đủ những tác động tích cực của chương trình cho vay HSSV tới việc giảm các tệ nạn xã hội tại địa phương.

Kết quả điều tra xã hội học đã góp phần minh chứng rõ hơn nhận định này của NCS. Với 66,3% số phụ huynh HSSV được hỏi cho rằng chương trình cho vay HSSV đã góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội tại địa phương. (*Phụ lục 1C*)

3.3.1.2. Nguyên nhân của những thành tựu

Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của chương trình tín dụng chính sách mà Chính phủ giao, NHCSXH Việt Nam đã quán triệt và tích cực chỉ đạo toàn hệ thống bám sát sự chỉ đạo của Thường trực Chính phủ, phối hợp tốt với các ngành, các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình cho vay HSSV từ khâu cho vay đến việc thu hồi vốn vay khi đến hạn. Kết quả tích cực có được trong công tác cho vay HSSV trong thời gian qua xuất phát từ các nguyên nhân:

a) Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, mạng lưới giao dịch của NHCSXH Việt Nam không ngừng được mở rộng. Qua hơn 13 năm hoạt động, NHCSXH Việt Nam đã không ngừng mở rộng mạng lưới, vươn tới mọi vùng miền của cả nước, phục vụ HSSV có hoàn cảnh

khó khăn không chỉ ở thành thị, nông thôn mà cả miền núi, vùng sâu, vùng xa. nỗ lực đó thể hiện ở việc NHCSXH Việt Nam đã triển khai được 10.904 điểm giao dịch tại xã, thiết lập và củng cố được 196.931 Tổ TK&VV tại khắp các thôn, ấp, bản, làng. Điều này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc tiếp cận đối tượng vay vốn là HSSV, Tổ TK&VV được thành lập thông qua hoạt động ủy thác của các tổ chức chính trị - xã hội. Nhiều Tổ TK&VV đã hoạt động tốt, các thành viên chấp hành trả nợ, lãi đúng thời hạn, tương trợ nhau khi khó khăn, cụ thể có hơn 157 ngàn Tổ TK&VV được xếp loại tốt và khá, chiếm 77,3% tổng số Tổ TK&VV đang hoạt động. Với việc tổ chức giao dịch định kỳ tại các điểm giao dịch tại xã để trực tiếp giải ngân, thu nợ, thu lãi đã tiết kiệm rất nhiều thời gian, chi phí đi lại và giúp các đối tượng chính sách nhận thấy được vai trò của tín dụng chính sách, khích lệ hộ vay có ý thức hơn trong việc sử dụng vốn vay hiệu quả và hoàn trả vốn đúng hạn cho ngân hàng.

Thứ hai, NHCSXH Việt Nam đã thực hiện tốt công tác tổ chức và quản lý các món vay của HSSV:

- Việc xã hội hóa chương trình tín dụng đối với HSSV đã tạo được sự minh bạch trong thực hiện chính sách, giảm thiểu được rủi ro, phát huy được vai trò trách nhiệm của cả xã hội, của gia đình, dòng tộc và của HSSV người trực tiếp sử dụng vốn vay. Vì vậy, hộ vay vốn có ý thức trách nhiệm hơn trong việc tiết kiệm, tận dụng mọi nguồn thu nhập từ gia đình để trả nợ khi đến hạn.

- Việc chuyển đổi từ mô hình cho HSSV vay trực tiếp sang mô hình cho HSSV vay thông qua hộ gia đình, đồng thời thực hiện ủy thác cho vay thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ TK&VV là đúng đắn, chính điều này đã chuyển tải vốn tín dụng ưu đãi nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm thời gian, chi phí cho cả người vay và ngân hàng. Đồng thời tranh thủ được sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của chính quyền địa phương, sự tham gia của Tổ TK&VV, của các tổ chức chính trị - xã hội cùng triển khai thực hiện chương trình từ bình xét, xác nhận đối tượng, hướng dẫn thủ tục để cho vay đến việc sử dụng vốn vay và trả nợ tiền vay khi đến hạn. So với trước đây, HSSV vay xong rất khó khăn trong khâu quản lý, đôn đốc thu hồi, khi

chuyển sang phương thức cho vay thông qua hộ gia đình thì bố mẹ HSSV trực tiếp vay có địa chỉ cụ thể, vay vốn nhiều chương trình, chịu sự giám sát của xã hội, thôn xóm, cộng đồng, đây là căn cứ tiền đề quan trọng để NHCSXH Việt Nam áp dụng các giải pháp thu hồi nợ.

- NHCSXH Việt Nam đã coi trọng công tác kiểm tra, giám sát từ Trung ương đến địa phương, qua đó những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, bất cập đã được tháo gỡ, giải quyết kịp thời nên hoạt động cho vay đã nhanh chóng đi vào nề nếp, ổn định, nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ đã được truyền tải đến đúng đối tượng thụ hưởng.

- NHCSXH Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương, các cấp, các ngành, các tổ chức Hội, Đoàn thể nhận ủy thác và đặc biệt là Tổ TK&VV đã thường xuyên động viên hộ vay vốn phải ý thức trách nhiệm trong việc tiết kiệm, tận dụng mọi nguồn thu nhập từ gia đình để trả nợ khi đến hạn, tuyên truyền tốt chính sách giảm lãi đến người vay khi trả nợ trước hạn vì vậy đã động viên khuyến khích được người vay trả nợ trước hạn để được giảm lãi, thu hồi nợ khi đến hạn nhằm nêu cao ý thức của những hộ gia đình, HSSV có hoàn cảnh khó khăn đã được Chính phủ tạo điều kiện được vay vốn đi học, phải có trách nhiệm sử dụng đồng vốn đúng mục đích, phấn đấu học tập tốt, ra trường có việc làm, tạo nguồn thu nhập để trả nợ Ngân hàng. Các tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ chương trình đều có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện để mọi đối tượng đã được vay vốn có điều kiện trả nợ, tạo Quỹ quay vòng cho những thế hệ HSSV tiếp theo.

- NHCSXH nơi cho vay đã thực hiện tốt công tác định kỳ hạn trả nợ chương trình tín dụng đối với HSSV, tiến hành thỏa thuận với người vay việc phân kỳ, định kỳ hạn trả nợ và thông báo đôn đốc người vay trả nợ theo qui định nên hộ vay rất có ý thức và trách nhiệm trong việc trả nợ theo phân kỳ, kết quả là thu hồi được 30% trong số nợ đến hạn theo phân kỳ, trả nợ trước hạn chiếm 51% trong số nợ đến hạn. Điều này đã giảm đáng kể áp lực trả nợ của hộ vay dồn vào kỳ cuối, từ đó giúp cho hộ vay có điều kiện trả nợ tốt hơn, đồng thời tạo nguồn vốn bổ sung cho vay các chương trình tín dụng khác.

Thứ ba, NHCSXH Việt Nam cơ bản đã tổ chức tốt công tác tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ đến cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ sở đào tạo trên nhiều phương tiện và theo các hình thức khác nhau. Kết hợp tuyên truyền theo phương thức truyền thống với phương thức hiện đại tạo điều kiện cho hộ gia đình vay vốn, HSSV, nhân dân, chính quyền các cấp, các ngành hiểu chính sách tín dụng để cùng thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Do đó, một tỷ lệ lớn học sinh, sinh viên vay vốn đã nhận thức đúng và đầy đủ về chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy có 66,9% số HSSV được hỏi cho rằng họ đã hiểu đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình và 70,1% số HSSV được hỏi cho rằng họ đã hiểu đầy đủ các quy định, điều kiện vay vốn của chương trình cho vay HSSV.

Thứ tư, chính sách giảm lãi tiền vay đối với người vay trả nợ trước hạn, đã tạo ý thức tự nguyện, động lực kích thích trả nợ của người vay. Chính sách này đã có tác động tích cực lên ý thức trả nợ của hộ vay vốn, khi hộ vay có tiền là nghĩ ngay đến việc trả nợ, nhiều hộ vay đã chủ động và tự nguyện trả nợ trước hạn để được hưởng chính sách giảm lãi suất tiền vay. Việc trả nợ trước hạn cũng đã góp phần giảm gánh nặng cho hộ vay khi đến hạn trả nợ cuối cùng đồng thời ngân hàng có nguồn vốn bổ sung cho vay quay vòng.

Thứ năm, các thủ tục hành chính trong quy trình cho vay HSSV đã được đơn giản hóa: thủ tục cho vay đã được cải tiến nhiều, tạo thuận lợi hơn cho người vay, giúp người vay dễ dàng hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn chương trình tín dụng HSSV. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy có 71,8% số HSSV được hỏi cho rằng thủ tục xin giấy xác nhận HSSV tại các cơ sở đào tạo là thuận lợi, nhanh chóng và 66,2% số phụ huynh HSSV được hỏi cho rằng thủ tục hành chính khi vay vốn từ chương trình cho vay HSSV là đơn giản, tiện lợi.

b) Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, chương trình cho vay HSSV đã nhận được sự chỉ đạo sát sao từ các cơ quan quản lý Nhà nước, sự phối hợp và hỗ trợ tích cực từ các tổ chức chính trị - xã hội:

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 157/2007/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 9 năm 2007 tạo điều kiện pháp lý vững chắc cho việc mở rộng chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong giai đoạn 2007-2014.

- Chương trình đã nhận được sự chỉ đạo kiên quyết, thường xuyên của thường trực Chính phủ. Sự phối hợp và tích cực triển khai của Bộ Tài chính, Bộ KH & ĐT, NHNN Việt Nam, Bộ GD & ĐT, Bộ LĐTB&XH, chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng trong suốt quá trình tổ chức thực hiện.

- Chương trình đã được triển khai sâu rộng đến các địa phương trên toàn quốc, với sự vào cuộc và tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, trực tiếp là 4 tổ chức Hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Phương thức cho vay ủy thác từng phần giữa NHCSXH Việt Nam với các tổ chức Hội, đoàn thể đã tập hợp được sức mạnh của cả hệ thống chính trị ở cơ sở, góp phần thực hiện xã hội hoá công tác cho vay và đôn đốc người vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Các Tổ chức Hội, Đoàn thể nhận ủy thác đã chỉ đạo thành lập Tổ TK&VV, bình xét công khai hộ đủ điều kiện vay vốn, phối hợp tốt với NHCSXH, do đó chương trình tín dụng HSSV đã nhanh chóng được tuyên truyền rộng khắp đến với mọi người dân, các Tổ TK&VV không ngừng được củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động. Việc thực hiện cho vay thông qua hộ gia đình trên cơ sở thiết lập các Tổ TK&VV ở thôn, ấp, bản, buôn có sự quản lý, giám sát sâu rộng của chính quyền cơ sở, các tổ chức chính trị - xã hội do vậy đảm bảo công khai, minh bạch, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Thứ hai, môi trường kinh tế - chính trị - xã hội của Việt Nam trong giai đoạn 2007-2014 luôn ổn định:

- Chương trình cho vay HSSV là một chương trình tín dụng ưu đãi phù hợp với ý Đảng lòng dân nên được các tầng lớp dân cư và cả hệ thống chính trị ủng hộ, tạo ra một thuận lợi rất lớn cho NHCSXH Việt Nam khi triển khai thực hiện chương trình này trên thực tế.

- Chương trình cho vay HSSV theo Quyết định 157/2007/QĐ-TTg, được NHCSXH Việt Nam triển khai từ năm 2007 đến nay về cơ bản trùng với giai đoạn nền kinh tế Việt Nam có sự phát triển tốt, tốc độ tăng trưởng hàng năm dao động từ 4-7%/năm đã tạo điều kiện cho ngân hàng huy động đủ nguồn vốn phục vụ chương trình. Mặt khác HSSV vay vốn để tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, đã góp phần giúp NHCSXH thu nợ đến hạn đạt kết quả cao trong thời gian qua.

3.3.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân

3.3.2.1. Những hạn chế

Mặc dù chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt từ Chính phủ, thường trực Chính phủ, các Bộ, ngành, các tổ chức chính trị-xã hội trong quá trình triển khai và chương trình cũng đã đạt được một số thành tựu quan trọng, đáng ghi nhận. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được chương trình cho vay HSSV của NHCSXH vẫn còn một tồn tại, hạn chế như sau:

Thứ nhất, mặc dù NHCSXH Việt Nam đã có nhiều cố gắng trong việc quản lý, kiểm soát các khoản cho vay HSSV để luôn duy trì tỷ lệ nợ quá hạn cho vay HSSV trong giai đoạn 2007-2014 ở mức dưới 3,1% nhằm đảm bảo hiệu quả kinh tế của chương trình. Tuy nhiên, hiệu quả kinh tế của chương trình cho vay HSSV đang có xu hướng giảm xuống theo thời gian. Theo số liệu thống kê và tính toán của NCS tại bảng 3.6 cho thấy, tỷ lệ nợ quá hạn cho vay HSSV đang có xu hướng tăng lên theo thời gian, điều này đã và đang làm giảm hiệu quả kinh tế chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong thời gian qua.

Thứ hai, hiệu quả xử lý nợ bị rủi ro chưa cao trong khi đó chi phí xử lý nợ cho vay HSSV bị rủi ro đang ngày càng tăng lên, điều này đã làm giảm hiệu quả kinh tế của chương trình cho vay HSSV. Số liệu thống kê tại bảng 3.6 và 3.8 cho thấy vẫn còn gần 35% nợ khoanh, 62% nợ quá hạn chưa thu hồi được. Ngoài ra số tuyệt đối về nợ khoanh và nợ quá hạn cho vay HSSV được xóa nợ ngày càng tăng từ mức chỉ có hơn 3,6 tỷ vào năm 2007 đã tăng lên gần 18 tỷ năm 2014.

Thứ ba, quy mô cho vay HSSV đang có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây (2011-2014). Số liệu thống kê tại bảng 3.3 cho thấy số HSSV được vay vốn đã giảm từ mức hơn 1.048 ngàn HSSV vào năm 2011 xuống còn hơn 375 ngàn HSSV vào năm 2014 và có 68,7% số CBNV đang làm việc cho các cơ quan, tổ chức có tham gia trực tiếp vào quy trình cho vay HSSV trả lời “Đồng ý” hoặc “Hoàn toàn đồng ý” với nhận định “Quy mô cho vay HSSV sẽ tiếp tục giảm nếu Chính phủ không mở rộng đối tượng HSSV được thuộc diện được vay vốn từ chương trình”. Điều này sẽ làm hạn chế việc cung cấp nguồn nhân lực có qua đào tạo cho nền kinh tế.

Thứ tư, vẫn còn một tỷ lệ nhất định phụ huynh HSSV vay vốn chưa thật sự tin tưởng vào những tác động tích cực của chương trình cho vay HSSV đến việc XDGN bền vững. Kết quả điều tra xã hội học đối với đối tượng phụ huynh HSSV vay vốn cho thấy, có đến 28,5% số người được hỏi cho rằng chương trình cho vay HSSV không có tác động hoặc có tác động nhưng không đáng kể đến việc giúp gia đình họ thoát nghèo bền vững, 27,4% cho rằng chương trình chưa thật sự tạo được niềm tin và động lực cho họ trong việc phát triển kinh tế gia đình, 25,5% cho rằng chương trình không giúp gì được nhiều cho con em họ có một tương lai tốt hơn. (Phụ lục 1C)

Kết quả điều tra xã hội học đối với đối tượng là CBNV đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức trực tiếp tham gia quy trình cho vay HSSV cho thấy, có 77,6% cho rằng còn một tỷ lệ không nhỏ phụ huynh HSSV vay vốn chưa nhận thức đúng và đầy đủ những tác động tích cực của chương trình cho vay HSSV đối với vấn đề XDGN bền vững. (Phụ lục 3C)

3.3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

a) Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, chương trình cho vay HSSV là một chương trình tín dụng trọng tâm của NHCSXH Việt Nam, dư nợ tính đến cuối năm 2014 đạt gần 30.000 tỷ đồng. Trong khi đó NHCSXH Việt Nam chưa thật sự chủ động được nguồn vốn cho vay vì:

- Nguồn vốn do ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho chương trình cho vay học sinh, sinh viên, đây là một nguồn vốn quan trọng, tuy nhiên, trong giai đoạn

2011 - 2014, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, mức thâm hụt NSNN ngày càng tăng (năm 2014 là 4,8% GDP và năm 2015 dự tính là 5,3% GDP) đã ảnh hưởng tiêu cực đến việc cấp vốn tín dụng ưu đãi cho chương trình cho vay HSSV, có những thời điểm không đáp ứng được đầy đủ, kịp thời nhu cầu vay vốn của HSSV.

- *Nguồn vốn từ 2% tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước, các tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối*, nguồn vốn này chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng nguồn vốn huy động được hàng năm của NHCSXH Việt Nam. Tuy nhiên, các TCTD nhà nước và các TCTD do nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối đang trong quá trình tái cấu trúc theo Quyết định 254/QĐ - TTg, ngày 01/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Điều này bắt buộc các TCTD phải ưu tiên nguồn lực tài chính để củng cố và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường tài chính đầy biến động và rủi ro như trong thời gian qua. Do đó, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời việc duy trì số dư 2% tại NHCSXH Việt Nam theo đúng quy định đã ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân cho vay HSSV của NHCSXH. [32]

- *Nguồn vốn từ phát hành trái phiếu Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam được Chính phủ bảo lãnh*, phát hành trái phiếu là một kênh huy động vốn trung và dài hạn chủ yếu của ngân hàng, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu là nguồn vốn quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn huy động của NHCSXH Việt Nam. Tuy nhiên, NHCSXH Việt Nam chủ yếu mới phát hành thành công loại trái phiếu kỳ hạn 3 năm, còn những trái phiếu kỳ hạn 5 năm, 10 năm, 15 năm gần như không phát hành được, nhiều phiên tổ chức đấu giá loại trái phiếu kỳ hạn từ 5-15 năm không có nhà đầu tư tham gia [38]. Trong khi đó, NHCSXH Việt Nam lại rất cần nguồn vốn có kỳ hạn dài từ 5-15 năm, vì thời hạn cho vay HSSV có thể kéo dài đến 10,11,12 năm. Việc sử dụng nguồn vốn ngắn hạn và trung hạn để cho vay dài hạn đang trở thành một rủi ro tiềm ẩn trong tương lai đối với ngân hàng.

Thứ hai, công tác kiểm tra sử dụng vốn vay, đối chiếu nợ và phân kỳ trả nợ cho vay học sinh, sinh viên chưa chặt chẽ và phù hợp: (i) Trong số dư nợ cho vay

HSSV từ quỹ tín dụng đào tạo do NHCT Việt Nam sang NHCSXH Việt Nam, nhiều bộ hồ sơ vay vốn không đầy đủ tính pháp lý, đa phần địa chỉ ghi trên hồ sơ vay vốn không rõ ràng. Có từ gần 70% hồ sơ vay vốn do NHCT Việt Nam chuyển qua không có bản cam kết trả nợ của HSSV trước khi ra trường, NHCSXH Việt Nam không tính được chính xác kỳ hạn trả nợ, mốc tính lãi cho vay do đó việc xử lý nợ đến hạn rất khó khăn, nhiều trường hợp không xác định được nguyên nhân nợ quá hạn; (ii) Cho vay HSSV thực chất là một khoản cho vay tiêu dùng cá nhân, không có TSĐB, đối tượng nhận tiền vay và đối tượng sử dụng tiền vay là khác nhau (trừ trường hợp HSSV vay vốn là đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ). Vì vậy, việc kiểm tra, kiểm soát quá trình sử dụng tiền vay của HSSV vay vốn sau khi giải ngân là khá phức tạp. Hiện tại, NHCSXH kiểm soát mức đích sử dụng tiền vay của HSSV thông qua hồ sơ vay vốn, giấy xác nhận HSSV của cơ sở đào tạo. Do đó, đã có những trường hợp sau khi nhận tiền vay, người nhận tiền vay đã sử dụng tiền vay để uống rượu, để trả nợ cho người khác, ... hoặc HSSV vay vốn đã sử dụng tiền vay để mua sắm quần áo, điện thoại,... dẫn đến tình trạng HSSV vay vốn bị nợ học phí, bị đình chỉ học, đuổi học,... làm cho việc thu hồi nợ sau này trở nên khó khăn; (iii) Công tác đối chiếu nợ với HSSV đã ra trường gặp nhiều khó khăn, mặc dù NHCSXH đã gửi thư đối chiếu, nhưng nhiều gia đình, HSSV không trả lời. Một số trường hợp bưu điện gửi trả lại thư vì địa chỉ ghi trên hồ sơ trước đây không rõ ràng hoặc gia đình đã chuyển địa chỉ mà ngân hàng không cập nhật được. Do vậy việc phân loại, xác định nợ khó đòi theo các nguyên nhân được quy định tại Thông tư 97/1998/TT-BTC ngày 11/7/1998 và Thông tư 79/1999/TT-BTC sửa đổi Thông tư 97/1998/TT-BTC ngày 23/06/1999 của Bộ Tài Chính gặp nhiều khó khăn; (iv) Việc phân kỳ hạn thu nợ HSSV vừa phải thực hiện ghi chép, đăng ký trên chương trình kế toán giao dịch, vừa phải ghi chép vào phần kế hoạch trả nợ trên sổ vay vốn của Ngân hàng nhưng sổ vay vốn lại giao cho hộ vay giữ. Việc ghi chép phân kỳ trên sổ vay vốn không có chữ ký thống nhất của hộ vay, cán bộ kế toán, cán bộ tín dụng hoặc Giám đốc dẫn đến cơ sở pháp lý rất lỏng lẻo (khi có tranh chấp, ra toà Ngân hàng chịu thiệt, khi có sai sót do định kỳ hạn thu nợ sai không quy trách nhiệm cụ

thể được cho ai). Thực tế, khi hộ vay không thực hiện trả nợ theo phân kỳ đã cam kết thì số tiền đó được chuyển sang kỳ hạn tiếp theo, không phải làm thủ tục gì, không phải chuyển nợ quá hạn đã vô tình tạo ra tâm lý chây ì không chịu trả nợ đúng hạn của một số HGD và HSSV vay vốn; (v) Khi phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay thực hiện xác định thời hạn cho vay bằng tổng thời hạn phát tiền vay, thời gian ân hạn và thời gian trả nợ. Trong đó thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày HSSV kết thúc khóa học. Tuy nhiên, giấy xác nhận hoặc giấy báo nhập học của nhà trường vì những lý do khác nhau không thể gửi tới ngân hàng để lập hồ sơ vay vốn vào đầu năm học (nhiều trường hợp sau 2 đến 3 tháng nhập học NHCSXH mới nhận được giấy xác nhận hoặc giấy báo nhập học của cơ sở đào tạo), nếu xác định thời hạn cho vay đúng với quy định sẽ gây khó khăn cho hộ vay vốn vì không được nhận đủ số tiền vay của cả học kỳ trong khi nhu cầu học tập và chi phí cho việc học tập của kỳ học đó là có thật.

Thứ ba, công tác tổ chức cho vay và quản lý nợ đối với học sinh, sinh viên chưa thật sự hợp lý

* *Công tác tổ chức cho vay:* Với đặc thù hoạt động của mình, hiện nay NHCSXH đang ký hợp đồng ủy thác với 4 tổ chức hội, đoàn thể như: Hội phụ nữ; Hội nông dân; Hội cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên, đồng thời cho vay thông qua các tổ tiết kiệm và vay vốn. Việc ký kết hợp đồng ủy thác với các hội, đoàn thể đồng thời cho vay thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn là một mô hình cho vay hay và phù hợp với đặc thù hoạt động của NHCSXH. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai cho vay theo mô hình này vẫn còn tồn tại một số bất cập cần tiếp tục nghiên cứu để giải quyết như: (i) Việc thành lập và tổ chức các Tổ TK&VV theo địa giới hành chính như hiện nay là chưa phù hợp vì có nhiều Tổ TK&VV có ít thành viên nên phần trăm hoa hồng quản lý cho tổ trưởng Tổ TK&VV không được nhiều, không khích lệ tổ trưởng Tổ TK&VV tích cực tham gia thực hiện những công việc do NHCSXH ủy quyền; (ii) Cho vay dựa trên cơ sở bình xét của Tổ TK&VV thuộc các tổ chức chính trị, xã hội và sự phê duyệt của Ủy ban nhân dân

cấp xã, NHCSXH thực hiện giải ngân theo hồ sơ đã được phê duyệt. Trong thực tế, việc xác nhận của một số chính quyền địa phương quá chặt chẽ dẫn đến những người có hoàn cảnh khó khăn, có nhu cầu vay vốn nhưng chưa được vay; có nơi lại dễ dãi dẫn đến nhu cầu vay vốn tăng cao, cá biệt có trường hợp do nể nang, thiên vị cho anh em, họ hàng, người quen nên đã xác nhận vay vốn cho cả những đối tượng không thuộc diện được vay vốn từ chương trình cho vay HSSV. Hơn nữa, việc chưa phải trả nợ gốc, không phải trả lãi trong thời gian sinh viên học tại trường là một chế độ ưu đãi rất hấp dẫn nên càng thu hút mọi đối tượng vay; (iii) Một số Tổ TK&VV không nắm được số nợ đến hạn phân kỳ của thành viên trong tổ, chưa tích cực đôn đốc thu hồi nợ như đã cam kết với ngân hàng. Một số hội, đoàn thể, Tổ TK&VV chưa thực sự quan tâm đến công tác kiểm tra, đôn đốc hộ vay trả nợ, chưa có giải pháp cụ thể để động viên, xử lý các khoản nợ đến hạn, quá hạn, chưa thực hiện hết nhiệm vụ và quyền hạn đã nêu trong hợp đồng ủy nhiệm đối với Tổ TK&VV, hợp đồng ủy thác đối với tổ chức hội nhận ủy thác về công tác thu hồi nợ đến hạn, chưa báo cáo kịp thời với chính quyền địa phương về những hộ chây ỳ không trả nợ, những hộ chuyển đi khỏi địa phương để kịp thời xử lý.

** Công tác quản lý nợ vay:* Theo cơ chế cho vay hiện hành, HSSV vay vốn không cần TSĐB, khi ra trường HSSV mới phải trả nợ. Tuy nhiên, nhiều HSSV sau khi ra trường đã không cung cấp hoặc cung cấp sai địa chỉ nơi làm việc, nhiều trường hợp bố mẹ cũng không biết con mình đang ở đâu; gia đình HSSV vay vốn chuyển địa điểm cư trú nhưng không thông báo cho chính quyền địa phương, v.v... Những trường hợp này đang gây nhiều khó khăn trong quá trình thu nợ đến hạn.

Thứ tư, thủ tục hành chính vẫn còn một số bất cập

Trong hơn 13 năm qua NHCSXH đã có nhiều cố gắng cải cách các thủ tục hành chính trong việc cho vay đối với HSSV. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số bất cập về thủ tục hành chính trong hoạt động cho vay HSSV: (i) Theo quy định, HSSV năm thứ nhất sẽ dùng Giấy báo nhập học thay cho Giấy xác nhận của nhà trường. Trên Giấy báo nhập học không ghi thời gian của cả khóa học nên việc xác định thời hạn cho vay của Ngân hàng khi duyệt cho vay thiếu

chính xác. Mặt khác, theo quy định Giấy xác nhận của trường hay Giấy báo nhập học được sử dụng làm căn cứ giải ngân hai lần cho năm học đó nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV giảm bớt thủ tục trong quá trình vay vốn. Tuy nhiên, trong trường hợp vào học kỳ II của năm học, HSSV bỏ học, trốn học NHCSXH không thể kiểm tra khi phát tiền vay ở kỳ tiếp theo nên dễ xảy ra tình trạng không thu hồi được nợ vay; (ii) Hộ gia đình muốn được vay vốn cho con đi học, phải có xác nhận của cơ sở đào tạo chứng minh là HSSV đang theo học tại trường, không vi phạm kỷ luật hành chính hoặc nếu là năm học đầu tiên thì giấy báo nhập học, căn cứ vào đó Ủy ban nhân dân xã xác nhận hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương, có hoàn cảnh khó khăn và có nhu cầu vay vốn để gửi NHCSXH. Nhưng tại một số trường lại yêu cầu Ủy ban Nhân dân xã phải xác nhận trước về hoàn cảnh gia đình là có khó khăn, nhà trường mới xác nhận, thành thử người vay phải đi lại nhiều lần; (iii) Việc xác định hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương cũng khá phức tạp, nhất là ở các thành phố lớn như Hà Nội và TP Hồ Chí Minh; hộ gia đình có hộ khẩu ở quê nhưng đã chuyển gia đình lên sinh sống ở thành phố nhưng lại không đăng ký hộ khẩu thường trú, chỉ đăng ký tạm trú ở nơi đang sinh sống. Vì vậy, về quê xác nhận thì họ không sinh sống ở đó nữa, tổ chức chính trị, xã hội không thể đưa họ vào Tổ TK&VV ở đó được; mặt khác, nơi họ sinh sống ở thành phố, Ủy ban nhân dân phường cũng không có căn cứ để xác nhận. Đối với số nợ quá hạn nhận bàn giao từ NHCT, NHCSXH Việt Nam đã gửi thông báo yêu cầu trả nợ đến HSSV và gia đình HSSV nhưng rất nhiều trường hợp không có hồi âm; có một số trường hợp địa chỉ của HSSV trên giấy đề nghị vay vốn không rõ số nhà hoặc đã thay đổi chỗ ở mới nên chưa xử lý được.

Thứ năm, công tác đào tạo phát triển nhân lực của NHCSXH Việt Nam vẫn còn hạn chế

Tính đến ngày 31/12/2014, trên toàn hệ thống NHCSXH Việt Nam có 2.873 cán bộ tín dụng, trong đó có đến 85% là cán bộ trẻ nên kinh nghiệm công tác chưa nhiều, đặc biệt là kinh nghiệm trong việc triển khai các chương trình cho vay HSSV.

Nhằm nâng cao trình độ, kinh nghiệm cho CBNV nói chung và nhân viên tín dụng nói riêng, NHCSXH Việt Nam đã thành lập Trung tâm Đào tạo nhằm thúc đẩy hoạt động đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực. Tính đến năm 2014, trung tâm đào tạo đã đi vào hoạt động được 7 năm, đã tổ chức được nhiều khóa đào tạo cho CBNV của ngân hàng.

Thông qua các khóa học do Trung tâm đào tạo tổ chức, trình độ lý luận, tư duy nghề nghiệp, kỹ năng mềm và kỹ năng làm việc của CBNV NHCSXH Việt Nam đã từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của ngân hàng vẫn còn một số hạn chế: (i) Việc đào tạo CBNV mới chỉ tập trung vào việc hướng dẫn, phổ biến chính sách, quy trình tín dụng và các kỹ năng mềm; (ii) Trung tâm đào tạo NHCSXH đang sử dụng những cán bộ chủ chốt của NH làm giáo viên nên không tránh khỏi việc học đi học lại những vấn đề mà CBNV đã biết, ngại chia sẻ những điều bất cập trong thực tế hoạt động của NH vì sợ va chạm; (iii) NHCSXH chưa có cơ chế, chính sách hấp dẫn để thu hút nhân sự giỏi, có năng lực về làm việc cho NH, đặc biệt là các vị trí quản lý tại các chi nhánh cấp tỉnh, cấp huyện.

b) Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, chính sách tín dụng HSSV do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 9 năm 2007 còn một số nội dung chưa phù hợp với thực tế

* *Cơ chế lãi suất cho vay HSSV*: NHCSXH Việt Nam đang áp dụng mức lãi suất đồng hạng cho tất cả các kỳ hạn (*ngắn hạn, trung hạn và dài hạn*) đối với HSSV vay vốn. Chính sách này không đảm bảo công bằng trong việc thụ hưởng chính sách ưu đãi giữa HSSV theo học nghề dưới 1 năm với HSSV học hệ trung cấp, cao đẳng, đại học. Những khoản vay của HSSV hệ trung cấp, cao đẳng, đại học là những khoản vay có thời hạn cho vay dài. Trong trường hợp này, NHCSXH Việt Nam áp dụng cơ chế lãi suất cho vay cố định, được xác định ngay từ thời điểm nhận tiền vay lần đầu tiên là hoàn toàn không phù hợp vì đến lúc trả lãi (sau 5-9 năm tính

Quy định này là hết sức bất cập vì nó đã tạo ra một tâm lý chây ì, cố tình không trả nợ vay đúng hạn theo các phân kỳ trả nợ đã thống nhất với NHCSXH Việt Nam. Người vay sẽ chờ cho gần đến hạn trả nợ cuối cùng mới trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng để hưởng chính sách giảm lãi do trả nợ trước hạn. Chính điều này đang gây ra tổn thất lớn cho NHCSXH vì:

(1) NHCSXH sẽ bị giảm thu tiền lãi vay từ những HSSV trả nợ trước hạn chót của thời gian cho vay theo quy định.

(2) NHCSXH sẽ không thu được nợ theo các phân kỳ trả nợ nên khả năng tạo nguồn vốn cho vay quay vòng của chương trình cho vay HSSV sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, làm tăng áp lực lên NSNN do phải cấp mới nguồn vốn cho vay HSSV hàng năm.

** Quy định về thời gian gia hạn nợ đối với HSSV vay vốn là chưa phù hợp với đặc thù cho vay trung và dài hạn: Theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, thời gian gia hạn nợ đối với HSSV vay vốn tối đa bằng 1/2 thời gian trả nợ. Theo quy định này thì một HSSV vay vốn học hệ đại học chỉ được hưởng thời gian gia hạn nợ tối đa là 2 năm. Thời gian gia hạn nợ đối với các khoản vay trung và dài hạn như vậy là quá ngắn đã tạo ra rất nhiều khó khăn cho những HSSV chưa trả được nợ đúng hạn do các nguyên nhân khách quan.*

Quy định về thời gian gia hạn nợ đối với HSSV theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg đang có sự khác biệt so với quy định về thời gian gia hạn nợ đối với khoản vay trung và dài hạn của các TCTD được quy định lại mục b điểm 1 điều 22 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc NHNN Việt Nam. Theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN thì “Thời hạn gia hạn nợ đối với cho vay ngắn hạn tối đa bằng 12 tháng, đối với cho vay trung hạn và dài hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng”. Như vậy, nếu áp dụng theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, thời gian gia hạn đối với khoản vay của HSSV hệ đại học sẽ là 4,5 năm thay vì 2 năm như quy định trong Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg.

Tuy nhiên, theo luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì những quy định của văn bản ban hành sau sẽ phủ định những quy định của văn bản ban hành trước, văn bản của quản lý cấp trên sẽ phủ định văn bản của quản lý cấp dưới. Do đó, hiện nay NHCSXH Việt Nam đang phải thực hiện việc gia hạn nợ đối với những khoản vay HSSV theo quy định của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg.

** Quy định về mức cho vay/HSSV là chưa phù hợp với thực tế:* Theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, mức cho vay trên một HSSV được áp dụng đồng đều cho tất cả HSSV vay vốn, không phân biệt hệ đào tạo, cấp đào tạo, trường đào tạo trên phạm vi cả nước là 1.100.000 đồng/HSSV/tháng. Mức cho vay này là quá thấp so với tổng nhu cầu tài chính cho việc học tập của HSSV, mức cho vay 1.100.000 đồng/HSSV/tháng trong nhiều trường hợp là chưa đủ để HSSV đóng học phí. Vì vậy, nhiều HSSV vẫn phải trông chờ vào nguồn tài chính do bố, mẹ chu cấp thêm hàng tháng. Trong khi đó, các HGD có HSSV vay vốn đều là những HGD thuộc đối tượng chính sách nên gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc chu cấp thêm tiền cho con ăn học, phần lớn họ phải vay nóng của người khác hoặc sử dụng nguồn vốn vay từ những chương trình tín dụng chính sách khác để có đủ tiền cho con ăn học.

Thứ hai, nền kinh tế Việt Nam phát triển chậm lại trong giai đoạn 2012 – 2014

Trong thời gian vừa qua, nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính thế giới nên tốc độ tăng trưởng bị chậm lại, từ mức 7-8% trong giai đoạn 2007-2011 đã giảm xuống còn 4-6% trong giai đoạn 2012 – 2014. Điều này đã tác động tiêu cực đến khả năng tìm việc của HSSV sau khi tốt nghiệp. Nhiều HSSV sau khi tốt nghiệp đã không tìm được việc làm nên không có thu nhập, gia đình những HSSV này cũng gặp khó khăn, không có khả năng trả nợ đã gây ra rất nhiều khó khăn cho ngân hàng trong việc thu nợ đến hạn.

Thứ ba, sự phối hợp giữa NHCSXH Việt Nam với các Bộ GD&ĐT, các cơ sở đào tạo, các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương các cấp trong việc tổ chức cho vay, quản lý món vay, thu nợ, thu lãi cho vay HSSV chưa thật sự tốt.

** Với Bộ Giáo dục và Đào tạo*

Theo thể lệ tín dụng, sau khi tốt nghiệp HSSV vay vốn phải đến NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục cam kết trả nợ, chỉ khi có xác nhận của Ngân hàng về việc này, nhà trường mới làm thủ tục phát bằng tốt nghiệp. Trên thực tế, do chưa có quy định cụ thể nào từ phía Bộ GD&ĐT nên các trường không bắt buộc phải thực hiện thủ tục hành chính này, dẫn đến nhiều trường hợp HSSV đã ra trường nhưng không đến Ngân hàng làm thủ tục cam kết trả nợ. Chính điều này đã gây ra nhiều khó khăn cho NHCSXH nơi cho vay trong việc quản lý và thu hồi nợ đối với những HSSV đã tốt nghiệp ra trường.

** Với các cơ sở đào tạo*

Chưa có cơ chế trao đổi thông tin giữa nhà trường và NHCSXH có HSSV vay vốn. Đặc biệt là những HSSV được vay vốn trong quá trình học tập vi phạm pháp luật, ngừng học, thôi học, chuyển trường... gây khó khăn cho NHCSXH trong quá trình triển khai chương trình. Thực chất nhà trường không có trách nhiệm trong việc quản lý tài chính của HSSV, việc xem xét dự kiến thu chi của HSSV là hợp lý hay không sẽ do NHCSXH quyết định nên có trường đã từ chối việc xác nhận, trong khi đó đây là thủ tục bắt buộc để HSSV được vay vốn, đã được quy định trong thể lệ tín dụng .

Ban giám hiệu các trường chưa quan tâm đúng mức và ý thức được tầm quan trọng của chương trình cho vay HSSV, cán bộ làm đầu mối giao dịch với Ngân hàng (đa phần là cán bộ phòng đào tạo hoặc phòng quản lý sinh viên) phải kiêm nhiệm nhiều việc nên triển khai chậm tới các lớp.

** Với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội*

Sự phối kết hợp giữa NHCSXH với cấp uỷ, chính quyền địa phương, các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác thực hiện một số việc trong quy trình cho vay HSSV ở một số nơi chưa tốt. Đặc biệt là công tác kiểm tra, giám sát sử dụng vốn chưa được thường xuyên, liên tục. Ở một số nơi công tác thông tin, tuyên truyền chưa đi vào chiều sâu, chủ yếu mới chỉ tuyên truyền về chính sách tín dụng ưu đãi, đối tượng thụ hưởng, chưa quan tâm nhiều đến việc quản lý, sử dụng vốn vay có

đúng mục đích không, hiệu quả sử dụng vốn ra sao và đặc biệt là trách nhiệm trả nợ tiền vay khi đến hạn, nên hộ vay còn chưa chấp hành tốt việc trả nợ, đặc biệt là việc chấp hành trả nợ theo phân kỳ trả nợ, tỷ lệ trả nợ theo phân kỳ mới đạt 50%/tổng nợ đến hạn, tỷ lệ thu nợ kỳ cuối đạt 5,8% tổng nợ đến hạn phải trả, gia hạn nợ thường chiếm từ 33% đến 41% tổng số nợ phải trả [20]. Một số chính quyền địa phương chưa có giải pháp cụ thể để giải quyết và xử lý đối với những trường hợp có điều kiện trả nợ nhưng cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn vay. Chưa quan tâm đến vấn đề thu hồi nợ, chưa chỉ đạo các ban ngành tại địa phương phối hợp với NHCSXH nơi cho vay trong công tác thu hồi nợ, coi việc thu hồi nợ là việc của Ngân hàng, xem nhẹ việc thu hồi nợ đến hạn để bảo toàn nguồn vốn và cho vay quay vòng. Trong công tác tổ chức kiểm tra liên ngành hầu hết các địa phương chưa xây dựng được chủ đề khảo sát. Nội dung kiểm tra còn sơ sài, không có đề xuất, kiến nghị theo công văn số 568/NHCS-TDSV.

Thứ tư, vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ HSSV nhận thức chưa đầy đủ về chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy vẫn còn 8,9% số HSSV được hỏi cho rằng họ chưa hiểu đầy đủ các quy định về đối tượng, điều kiện được vay vốn và 12,1% cho rằng họ chưa hiểu đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình khi vay vốn từ chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam. Do đó, có một số HSSV ý thức trả nợ kém, thậm chí có HSSV lại hiểu rằng đây là số tiền Nhà nước hỗ trợ cho HSSV học tập nên không phải hoàn trả.

Thứ năm, sự không rõ ràng về mô hình, đối tượng đào tạo đại học và đào tạo nghề nghiệp ở Việt Nam

Hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam rất đa dạng và phong phú. Có những trường do Bộ GD&ĐT quản lý (Đại học quốc gia, Đại học Kinh tế Quốc dân,...), trường do các bộ chủ quản quản lý (Điện lực, ...), trường tự thực (Đại học Thăng Long, Đại học KD&CN Hà Nội,...) với nhiều loại hình, hình thức đào tạo khác nhau từ chính quy, tại chức, đào tạo từ xa và đào tạo trực tuyến. Đặc biệt, có các khóa đào tạo dưới hình thức liên doanh, liên kết với các trường

khác. Với các loại hình đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến, đào tạo theo mô hình liên danh, liên kết sẽ rất khó xác định chính xác đối tượng HSSV được phục vụ cũng như trách nhiệm của nhà trường trong việc quản lý HSSV.



TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Trong chương này, luận án đã nghiên cứu và đánh giá một cách toàn diện hoạt động cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong giai đoạn 2007-2014; từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá mặt được và chưa được trong hoạt động cho vay HSSV.

Thứ nhất, luận án nghiên cứu khái quát chung về lịch sử hình thành và phát triển của NHCSXH Việt Nam; phân tích đặc thù mô hình tổ chức của NHCSXH Việt Nam.

Thứ hai, luận án khảo sát, phân tích thực trạng kết quả cho vay HSSV trong giai đoạn 2007-2014, gồm kết quả huy động vốn và kết quả cho vay HSSV.

Thứ ba, luận án nghiên cứu một cách chi tiết hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế và chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

Thứ tư, dựa trên các tiêu chí đánh giá hiệu quả cho vay HSSV đã đề cập ở chương 2, kết hợp với kết quả điều tra xã hội học được xử lý bằng phần mềm SPSS, NCS đã khảo sát, phân tích thực trạng cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trên cả 2 mặt: những mặt đạt được; những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai chương trình. Đồng thời, luận án cũng chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV.

Tóm lại, khảo sát và phân tích thực trạng chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam cho thấy chương trình vẫn còn nhiều bất cập, tồn tại cần giải quyết. Những vấn đề này sẽ được NCS giải quyết trong chương 4 của luận án.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHO VAY HỌC SINH, SINH VIÊN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VIỆT NAM

4.1. Định hướng, mục tiêu chương trình cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam giai đoạn 2015 -2020

4.1.1. Định hướng hoạt động

Để chương trình cho vay HSSV phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả, NHCSXH Việt Nam cần đề ra một số định hướng hoạt động cho chương trình trong giai đoạn 2015 – 2020:

- Tiếp tục nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm từ thực tế triển khai chương trình để từng bước kiến nghị Chính phủ sửa đổi Quyết định số 157/2005/QĐ-TTg nhằm hoàn thiện hơn chính sách cho vay HSSV.

- Đảm bảo an toàn tài chính cho chương trình, đảm bảo việc triển khai chương trình ổn định và liên tục.

- Đảm bảo thực hiện lồng ghép có hiệu quả chương trình cho vay HSSV với các chương trình tín dụng chính sách khác. [20]

- Chủ động hơn trong công tác huy động vốn, hạn chế dần sự phụ thuộc vào nguồn vốn do NSNN cấp, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để thực hiện huy động vốn theo cơ chế thị trường, tập trung thu hồi và xử lý nợ đến hạn theo phân kỳ trả nợ để đáp ứng đủ và kịp thời nguồn vốn cho chương trình giai đoạn 2015-2020.

- Từng bước nâng dần mức lãi suất cho vay HSSV, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để áp dụng cơ chế lãi suất thương mại cho chương trình cho vay HSSV.

- Nâng cao hơn nữa hiệu quả xã hội chương trình cho vay HSSV, tăng cung nguồn nhân lực có qua đào tạo cho xã hội, đặc biệt là tăng cung công nhân kỹ thuật có tay nghề và kỹ năng làm việc tốt cho nền kinh tế

4.1.2. Mục tiêu hoạt động

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả chương trình cho vay HSSV, NHCSXH Việt Nam cần xác định những mục tiêu cụ thể cho chương trình trong giai đoạn 2015 – 2020:

- Huy động vốn đạt từ 35.000 – 40.000 tỷ đồng, đảm bảo cung cấp kịp thời vốn cho chương trình, từng bước đảm bảo có đủ vốn để tăng mức cho vay/HSSV/tháng để phù hợp hơn với mức độ tăng giá của hàng hóa dịch vụ trên thị trường, đáp ứng nhu cầu vay vốn của ngày càng tăng HSSV, đảm bảo những HSSV vay vốn không phải bỏ học giữa chừng vì không có đủ tiền để đóng học phí và chi trả các chi phí sinh hoạt khác trong quá trình học tập.

- Đảm bảo 100% HSSV có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ chương trình cho vay HSSV.

- Thường xuyên củng cố nâng cao chất lượng tín dụng, phấn đấu tỷ lệ nợ quá hạn HSSV dưới 1%. [20]

- Giai đoạn 2015 -2020, NHCSXH Việt Nam cần tập trung thu hồi và xử lý nợ đến hạn phải trả, phấn đấu thu hồi nợ đến hạn đạt từ 95% số nợ đến hạn phải thu theo phân kỳ trả nợ, nhằm bổ sung nguồn vốn cho vay quay vòng cho chương trình cho vay HSSV.

- Mở rộng đối tượng HSSV thuộc diện được vay vốn so với các đối tượng được vay vốn theo quy định trong Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhằm thực hiện mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực qua đào tạo cho nền kinh tế, nâng cao trình độ dân trí cho xã hội

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

4.2.1. Nhóm giải pháp đảm bảo nguồn vốn cho vay học sinh, sinh viên

Nguồn vốn cho vay HSSV trên thực tế có lúc còn chậm, thiếu làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn vay của HSSV, làm hạn chế hiệu quả chương trình cho vay HSSV. Để đảm bảo huy động đủ và kịp thời nguồn vốn phục vụ chương trình cho vay HSSV, NHCSXH Việt Nam cần:

4.2.1.1. Khai thác những nguồn vốn có chi phí thấp

- *Tập trung khai thác những nguồn vốn không phải trả lãi như: tiền gửi tự nguyện không lãi, vốn được cho, tặng hoặc các khoản tiền gửi với lãi suất thấp.*

Mô hình tổ chức của NHCSXH Việt Nam có HĐQT gồm các thành viên là đại diện của nhiều Bộ, Ngành Trung ương; Ban đại diện HĐQT cấp tỉnh và huyện với thành phần gồm: UBND, các Sở, ban ngành và đoàn thể. Do đó, NHCSXH Việt Nam cần phát huy lợi thế này để tranh thủ các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, chưa sử dụng, vốn quyên góp, ủng hộ, tiền gửi không lấy lãi, ... của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong xã hội, bổ sung nguồn vốn cho vay HSSV. Để thực hiện tốt giải pháp này, NHCSXH Việt Nam cần cùng các cấp ủy, chính quyền và ban ngành đoàn thể tăng cường hơn nữa hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung ý nghĩa của chương trình cho vay HSSV tới các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước để thu hút tiền gửi không lãi tạo nguồn vốn cho vay HSSV.

Quy mô nguồn vốn này là không lớn, chỉ khoảng 20 tỷ đồng/năm. Do đó, công việc này cần được tiến hành thường xuyên và liên tục mới mang lại hiệu quả cao.

- *Mở rộng hoạt động huy động tiền gửi tiết kiệm trong cộng đồng người nghèo vay vốn thông qua hình thức tiết kiệm định kỳ.*

Để thực hiện được giải pháp này, NHCSXH Việt Nam cần có quy định mang tính bắt buộc 'tất cả các tổ viên Tổ TK&VV đều phải tiết kiệm tối thiểu 100.000 đồng/tháng để gửi tiết kiệm', đưa quy định này vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV. Chỉ với khoản tiền tiết kiệm 100.000đ/tháng của các tổ viên Tổ TK&VV, nhưng với gần 1,5 triệu hội viên, mỗi năm NHCSXH đã huy động được khoảng 1.500 tỷ đồng vốn phục vụ hoạt động cho vay của mình.

4.2.1.2. Tăng quy mô huy động vốn theo lãi suất thị trường

Để chủ động nguồn vốn phục vụ chương trình cho vay HSSV, ngoài các nguồn vốn do NSNN cấp, nguồn 2% tiền gửi của các TCTD Nhà nước, vốn ODA,..., NHCSXH Việt Nam cần tăng quy mô huy động vốn theo lãi suất thị trường:

- *Tăng quy mô huy động vốn thông qua hình thức phát hành trái phiếu NHCSXH Việt Nam.*

Điều kiện để thực hiện được giải pháp này hiệu quả là: (1) NHCSXH Việt Nam cần thực hiện tốt công tác truyền thông ý nghĩa, mục đích của từng đợt phát hành trái phiếu tới công chúng, các TCTD; (ii) Tăng khả năng chuyển đổi cho trái phiếu phát hành thông qua việc phát hành trái phiếu vô danh, đảm bảo lãi suất danh nghĩa của trái phiếu NHCSXH Việt Nam không thấp hơn lãi suất danh nghĩa các giấy tờ có giá khác do các TCTD khác phát hành; (iii) Lãi suất huy động trái phiếu NHCSXH Việt Nam phải thực dương.

Phát hành trái phiếu là kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả cho NHCSXH Việt Nam, tính ổn định của nguồn vốn cao nên rất phù hợp với chương trình cho vay HSSV.

- *Tăng quy mô huy động vốn tiền gửi và tiết kiệm của các tổ chức kinh tế và dân cư*, NHCSXH Việt Nam có mạng lưới PGD từ TW đến các quận, huyện trong cả nước. Tuy nhiên, khả năng huy động vốn của mạng lưới PGD hiện nay là rất hạn chế. Do đó, NHCSXH Việt Nam cần: (i) Tiếp tục triển khai thực hiện và nhân rộng mô hình huy động tiết kiệm tại các tổ nhóm vay vốn của NHCSXH Việt Nam vì số lượng khách hàng đông và mô hình này đã được thí điểm ở một số dự án tài chính vi mô tương đối thành công từ Ngân hàng Phục vụ người nghèo trước đây; (ii) Thiết kế lại không gian làm việc cho các phòng giao dịch theo hướng phục vụ khách hàng. Do đó, những PGD hiện có cần được thiết kế lại theo công thức 70/30 (70% diện tích làm không gian phục vụ khách hàng, 30% làm không gian làm việc cho CBNV), thiết kế lại nội thất các PGD để đảm bảo yêu cầu của một PGD cung cấp dịch vụ NH chứ không phải là PGD làm việc hành chính như hiện nay, đây là một trong những yếu tố tạo nên văn hóa phục vụ cho NHCSXH, từ đó thu hút khách hàng đến giao dịch, gửi tiền; (iii) Đào tạo cho nhân viên giao dịch các kỹ năng tìm kiếm khách hàng tiềm năng; viết và gửi email Marketing; gọi điện tư vấn; tư vấn trực tiếp, v.v....vì đây là những kỹ năng cơ bản và tối quan trọng đối với một nhân viên giao dịch khi thực hiện nghiệp vụ huy động tiền gửi tiết kiệm; (iiii) Sử dụng cơ chế khoán tài chính trong huy động vốn cho các chi nhánh trong hệ thống. Cơ chế khoán tài chính sẽ tạo động lực làm việc cho người lao động, thúc đẩy người lao

động chủ động hơn, năng động hơn trong việc tìm kiếm nguồn vốn giá rẻ; thu hút khách hàng gửi tiền vào NHCSXH. Cơ chế khoán tài chính trong huy động vốn được xây dựng trên cơ sở: Khối lượng vốn huy động theo kế hoạch được giao (quy mô, thời hạn, kỳ hạn) và chi phí huy động vốn được xác định trong kỳ kế hoạch. Chi nhánh nào hoàn thành chỉ tiêu huy động vốn, có chi phí huy động vốn thấp hơn chi phí huy động vốn được xác định trong kỳ kế hoạch sẽ được phép sử dụng một tỷ lệ nhất định, hợp lý trong số chi phí tiết kiệm được để đưa vào thu nhập của chi nhánh, góp phần tăng thu nhập cho CBNV trong chi nhánh.

4.2.2. Nhóm giải pháp tổ chức thực hiện

Hiện nay NHCSXH đang ký hợp đồng ủy thác với tất cả 4 tổ chức hội, đoàn thể, cụ thể: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đồng thời cho vay thông qua các Tổ TK&VV.

Việc ký hợp đồng ủy thác với các tổ chức hội, đoàn thể và cho vay thông qua các Tổ TK&VV là một mô hình cho vay phù hợp với đặc thù cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam là thời gian cho vay dài, món vay nhỏ lẻ, đối tượng sử dụng vốn vay không sinh hoạt trên địa bàn, v.v... Tuy nhiên, để mô hình cho vay này phát huy được hiệu quả cao hơn nữa, NHCSXH Việt Nam cần thực hiện các giải pháp:

4.2.2.1. Đánh giá hiệu quả hoạt động của những đơn vị nhận ủy thác; sàng lọc những đơn vị hoạt động kém hiệu quả; tổ chức, sắp xếp lại những đơn vị nhận ủy thác hướng đến mục tiêu tăng hiệu quả hoạt động của những đơn vị này

Điều kiện để NHCSXH Việt Nam thực hiện được giải pháp này là: (i) Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của những đơn vị nhận ủy thác cho vay HSSV, làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của những đơn vị nhận ủy thác; (ii) NHCSXH chỉ tiến hành ký hợp đồng ủy thác với những tổ chức đoàn thể có chất lượng hoạt động tốt, còn những hội, tổ chức đoàn thể chất lượng hoạt động chưa tốt thì chưa ký hợp đồng ủy thác, tránh trường hợp ký hợp đồng ủy thác đồng loạt với cả 4 hội và đoàn thể trên địa bàn do mình quản lý, dẫn đến hoạt động cho vay, thu nợ HSSV không hiệu quả. Trong quá trình hoạt động, nếu NHCSXH phát hiện ra hội, đoàn thể nào hoạt động kém hiệu quả phải

chấm dứt hợp đồng ủy thác ngay và chuyển sang ký hợp đồng ủy thác với hội, đoàn thể khác; (iii) Tổ chức tập huấn, phổ biến đầy đủ chủ trương, chính sách tín dụng ưu đãi và tổ chức đào tạo kỹ năng quản lý món vay, thu nợ cho vay HSSV cho các Tổ TK&VV; các tổ chức, đoàn thể nhận ủy thác cho vay HSSV nhằm nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng làm việc cho những CBNV của các tổ chức này.

Để giải pháp này áp dụng thành công trong thực tiễn, NHCSXH Việt Nam cần thực hiện theo lộ trình như sau:

Trong 3 năm, từ 2015 đến 2017, NHCSXH Việt Nam tổ chức đào tạo nâng cao kiến thức về chương trình cho vay HSSV, tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng lao động tham gia thực hiện một số công đoạn trong quy trình cho vay HSSV tại các tổ chức nhận ủy thác. Đồng thời hoàn thiện quy trình, xây dựng các chỉ tiêu cụ thể để đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức nhận ủy thác.

Từ năm 2018 trở đi, NHCSXH Việt Nam tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức nhận ủy thác trên phạm vi toàn quốc, đồng thời tiến hành sàng lọc và tổ chức lại các đơn vị nhận ủy thác.

4.2.2.2. Thay đổi phương pháp thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn

Tổ TK&VV là một tổ chức đặc thù trong cơ cấu tổ chức của NHCSXH Việt Nam. Hiệu quả hoạt động của Tổ TK&VV có ảnh hưởng đến: (i) NHCSXH có cho vay đúng đối tượng hay không; (ii) Chất lượng giám sát mục đích sử dụng vốn vay của HSSV sau khi giải ngân; (iii) Tỷ lệ thu nợ đúng hạn chương trình cho vay HSSV; v.v....

Hiện nay, một số chi nhánh, phòng giao dịch của NHCSXH Việt Nam tiến hành thành lập Tổ TK&VV theo tổ chức hội, đoàn thể nên trong nhiều trường hợp các thành viên trong cùng một Tổ TK&VV không sinh sống gần nhau, không hiểu nhau, không nắm bắt được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn vay của nhau. Do đó, phần lớn các cuộc họp của Tổ TK&VV thường mang tính hình thức, chất lượng thấp, do các tổ viên không tham gia đầy đủ, không phát biểu ý kiến, các ý kiến phát biểu lại không sát với thực tế.

Để Tổ TK&VV hoạt động hiệu quả hơn, NHCSXH cần: (i) Thành lập Tổ TK&VV theo địa giới hành chính (thôn, xóm) thay vì thành lập Tổ TK&VV theo các tổ chức hội như hiện nay. Khi thành lập Tổ TK&VV theo địa giới hành chính, những người trong một tổ sẽ sinh sống gần nhau, hiểu được hoàn cảnh của nhau, việc tổ chức sinh hoạt Tổ TK&VV sẽ hiệu quả và NHCSXH Việt Nam cũng dễ quản lý hơn; (ii) Cho phép và khuyến khích các trưởng thôn, trưởng bản, tổ trưởng tổ dân phố làm tổ trưởng Tổ TK&VV. Vì khi trưởng thôn, trưởng bản, tổ trưởng tổ dân phố khi làm tổ trưởng Tổ TK&VV thì Tổ trưởng Tổ TK&VV sẽ có uy tín hơn; nói sẽ có nhiều người nghe hơn; xử lý các vấn đề liên quan đến bình bầu cho vay, nhắc nợ, thu nợ sẽ nhanh hơn, hiệu quả hơn. Mặt khác những người làm trưởng thôn, trưởng bản, tổ trưởng tổ dân phố thường là những người có kinh nghiệm quản lý, điều hành công việc và có mối quan hệ tốt hơn với chính quyền cấp xã, các tổ chức hội, đoàn thể nên sẽ xử lý những vấn đề phát sinh của Tổ TK&VV nhanh và hiệu quả hơn.

Để áp dụng giải pháp này thành công trong thực tiễn, NHCSXH Việt Nam cần thực hiện theo lộ trình:

Trong 3 năm, từ 2015 đến 2017 tiến hành lựa chọn 5-10 phường tại các Thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh và 5-10 xã, thôn tại các huyện ở các tỉnh để thí điểm, đúc rút kinh nghiệm, tổng kết, đánh giá hiệu quả của việc tổ chức các Tổ TK&VV theo địa giới hành chính và cử các tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, trưởng bản làm tổ trưởng Tổ TK&VV. Từ năm 2018 trở đi NHCSXH Việt Nam sẽ cho triển khai đại trà trong phạm vi cả nước.

4.2.2.3. Nâng số thành viên tối thiểu/01 Tổ TK&VV

Theo quy định hiện nay số lượng thành viên tối thiểu để thành lập một tổ tiết kiệm và vay vốn là 5 thành viên và số lượng thành viên tối đa của một Tổ TK&VV là 60 thành viên. Quy định số lượng thành viên tối đa của một Tổ TK&VV như hiện nay là phù hợp với năng lực quản lý của các Tổ trưởng Tổ TK&VV, mặt khác với 60 thành viên thì mức hoa hồng mà NHCSXH chi trả cho Tổ trưởng Tổ TK&VV là đủ lớn để khuyến khích Tổ trưởng Tổ TK&VV làm việc nhiệt tình và có trách

nhệm. Tuy nhiên, quy định số lượng thành viên tối thiểu để thành lập Tổ TK&VV là 5 thành viên là không phù hợp. Vì theo quy định hiện tại, số tiền hoa hồng NHCSXH chi trả cho Tổ TK&VV được tính bằng công thức:

$$\text{Số tiền hoa hồng được hưởng} = \frac{\text{Tỷ lệ hoa hồng được hưởng}}{\text{Lãi suất cho vay}} \times \text{Số tiền lãi thực thu}$$

Ví dụ:

- Số tổ viên: 30 người
- Dư nợ bình quân: 30 triệu /hộ
- Lãi thực thu: 900 triệu x 0,6% = 5,4 triệu
- Số tiền hoa hồng được hưởng = $(0,085/0,6) \times 5,4$ triệu = 0,765 triệu đồng

Mức thu nhập này là chưa đủ lớn để khích lệ Ban quản lý Tổ TK&VV nhiệt tình trong công việc. Do đó, nếu thành lập Tổ TK&VV có dưới 30 thành viên, Ban quản lý Tổ lại có từ 02 người trở lên thì thu nhập của các thành viên trong Ban quản lý Tổ sẽ rất thấp. Với thu nhập quá thấp như vậy sẽ dẫn đến hệ lụy là các thành viên trong Ban quản lý Tổ hoạt động mang tính hình thức, kém hiệu quả. Chính điều này đang làm ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay và chất lượng cho vay của NHCSXH Việt Nam.

Do đó, NHCSXH Việt Nam cần nâng số lượng thành viên tối thiểu cần phải có khi thành lập Tổ TK&VV từ mức 5 thành viên như hiện nay lên mức 30 thành viên, khi đó dư nợ cho vay của tổ TK&VV mới đủ lớn để cho Tổ trưởng tổ TK&VV có mức hoa hồng có thể chấp nhận được. Lúc đó các Tổ trưởng Tổ TK&VV mới nhiệt tình hơn trong việc hỗ trợ các tổ viên vay vốn, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, đôn đốc các tổ viên trả nợ gốc và lãi khi đến hạn.

4.2.3. Nhóm giải pháp quản lý nợ

4.2.3.1. Xác định kỳ hạn trả nợ cho từng món vay trong trường hợp hộ gia đình vay vốn cho nhiều học sinh, sinh viên cùng một lúc

Đối với trường hợp hộ gia đình vay vốn cho nhiều HSSV cùng một lúc, nhưng thời hạn ra trường của từng HSSV khác nhau cần quy định “xác định kỳ hạn trả nợ cho từng món vay của từng HSSV” thay vì quy định “xác định kỳ hạn trả nợ được

thực hiện khi giải ngân số tiền cho vay kỳ học cuối cùng của HSSV ra trường sau cùng” như hiện nay.

Thực hiện giải pháp này sẽ giúp NHCSXH quản lý món vay được chính xác hơn, HSSV vay vốn sẽ có trách nhiệm hơn trong việc trả nợ cho NHCSXH, hộ vay vốn sẽ không bị gây áp lực trả nợ vào kỳ cuối, đồng thời NHCSXH thu được nợ tạo nguồn vốn quay vòng cho chương trình.

Điều kiện để áp dụng giải pháp vào thực tiễn một cách hiệu quả là NHCSXH Việt Nam phải sửa quy định về “xác định kỳ hạn trả nợ trong trường hợp HGD vay vốn cho nhiều HSSV cùng một lúc, nhưng thời hạn ra trường của từng HSSV lại khác nhau” tại điểm b, mục 5.1 trong văn bản số 2162A/NHCSXH-TD, ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.

4.2.3.2. Đưa quy định có tài sản đảm bảo vào điều kiện vay vốn đối với học sinh, sinh viên vay vốn trực tiếp tại NHCSXH Việt Nam

Qua thống kê của NHCSXH Việt Nam, có đến 30% số HSSV vay vốn trực tiếp tại NHCSXH Việt Nam (HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ, hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động) không trả được nợ đúng hạn, trong đó có đến gần ½ không để lại địa chỉ tạm trú, địa chỉ nơi làm việc nên NHCSXH không thể quản lý và thu hồi được nợ [20]. Đối với những trường hợp này, NHCSXH chỉ còn trông chờ vào ý thức tự giác trả nợ của HSSV, vì NHCSXH không có bất cứ cơ sở nào để thực hiện nghiệp vụ thu nợ từ những HSSV này.

Nhằm đảm bảo an toàn trong cho vay, thu nợ đối với những HSSV vay vốn trực tiếp, NHCSXH Việt Nam cần: (i) Đưa thêm quy định “có tài sản đảm bảo” vào điều kiện vay vốn; (ii) Cần quy định rõ TSĐB của HSSV vay vốn trực tiếp là “Văn bằng tốt nghiệp của chính HSSV vay vốn” sau khi HSSV này tốt nghiệp ra trường.

Để áp dụng giải pháp này vào thực tiễn một cách hiệu quả, NHCSXH Việt Nam cần: (i) Sửa đổi, bổ sung quy định về hồ sơ cho vay, quy trình cho vay đối với HSSV mồ côi vay vốn trực tiếp tại NHCSXH Việt Nam tại tiểu mục 2.1, 2.2 mục 2 trong văn bản số 2162A/NHCSXH-TD, ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam; (ii) Khi giải ngân kỳ cuối cùng, NHCSXH nơi cho

vay phối hợp với cơ sở đào tạo để tiếp nhận và quản lý bằng gốc của HSSV vay vốn làm TSDB cho khả năng trả nợ của HSSV vay vốn.

4.2.4. Nhóm giải pháp kiểm tra, kiểm soát vốn vay

4.2.4.1. Chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm tăng cường khả năng giám sát hoạt động cho vay HSSV bằng các giải pháp cụ thể:

- Quy định rõ công việc, gắn trách nhiệm cụ thể của từng cá nhân, tập thể thực hiện công việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ hoạt động cho vay HSSV, coi đây là công cụ hữu hiệu trong quản lý chất lượng hoạt động cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam. Đồng thời, tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ, đầu tư các phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo chuyên đề; tăng cường việc kiểm tra đột xuất để kịp thời phát hiện những sai sót, gian lận ngay từ khâu bình xét, kết nạp tổ viên Tổ TK&VV, khâu lập danh sách những HSSV thuộc diện được vay vốn,.... cho đến khâu giải ngân và thu nợ cho vay HSSV.

- Đôn đốc các tổ chức nhận ủy thác cho vay thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của các HGD có HSSV vay vốn, nhắc nhở người vay trả nợ, lãi đúng hạn, đầy đủ; phát hiện và thông báo cho ngân hàng những trường hợp sử dụng vốn sai mục đích, bị rủi ro.

4.2.4.2. Chú trọng công tác giám sát chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị

- xã hội nhận ủy thác cho vay học sinh, sinh viên

Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh và PGD cấp huyện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nợ vay và đôn đốc thu hồi nợ quá hạn. Đồng thời rà soát lại các khoản nợ vay, phân loại và đánh giá tình trạng khoản vay, khả năng thu hồi nợ,... qua đó đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp.

Cần xây dựng quy trình tín dụng chi tiết, thiết lập và phân chia nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm trong từng công đoạn cho vay, gắn trách nhiệm và nghĩa vụ

của các tổ chức chính trị- xã hội nhận uỷ thác, các tổ trưởng Tổ TK&VV, chính quyền địa phương, quy định rõ trách nhiệm bồi hoàn vật chất khi thực hiện vượt quyền hoặc để xảy ra xâm tiêu, chiếm dụng vốn cho vay HSSV.

4.2.5. Nhóm giải pháp về đối tượng được vay vốn và lãi suất cho vay

4.2.5.1. Mở rộng đối tượng học sinh, sinh viên được vay vốn

Ngoài các đối tượng HSSV được vay vốn như hiện nay, NHCSXH Việt Nam cần bổ sung hộ gia đình có từ 2 con trở lên cùng đi học nhưng chưa thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định hiện nay vào diện được vay vốn từ chương trình cho vay HSSV vì: (i) Theo kết quả khảo sát trên phạm vi toàn quốc của NHCSXH Việt Nam (2011), tại thời điểm khảo sát có 218.780 hộ gia đình có từ 2 con trở lên đang là sinh viên với 473.000 HSSV không thuộc diện được vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ [20]. Những hộ gia đình này dù không thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ có thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo, hộ có khó khăn tài chính đột xuất. Nhưng khi phải nuôi từ 2 con trở lên cùng học đại học một lúc đã tạo ra nhiều áp lực về tài chính cho những hộ gia đình này. Để có tiền nuôi các con đi học, bố mẹ các em đã phải làm việc nhiều hơn, vất vả hơn nên đã có nhiều ông bố, bà mẹ không còn giữ được sức khỏe, đổ bệnh. Đặc biệt có những gia đình phải đi vay nặng lãi bên ngoài để kịp thời có tiền cho con đóng học phí, chi trả các khoản phí sinh hoạt nên đã lâm vào cảnh nợ nần, phải gán nhà cửa, đất đai, tài sản tích lũy để trả nợ. Đây là 2 nguyên nhân căn bản làm nghèo hóa những hộ gia đình có từ 2 con trở lên đi học đại học không thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định hiện hành.

Việc bổ sung hộ gia đình có từ 2 con trở lên cùng đi học, nhưng chưa thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định hiện nay vào diện được vay vốn, sẽ giúp NHCSXH Việt Nam mở rộng đối tượng cho vay, tăng tầm ảnh hưởng của chương trình cho vay HSSV đến xã hội, hạn chế tình trạng nghèo hóa những hộ gia đình có từ 2 con trở lên cùng đi học đại học, giúp tăng hiệu quả xã hội chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

Để áp dụng hiệu quả giải pháp này vào thực tiễn, NHCSXH Việt Nam cần: (i) Tiến hành khảo sát lại số hộ gia đình có từ 2 con trở lên đang theo học tại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp trong năm 2016'; (ii) Tính toán để lên dự báo số tiền vốn cần tăng thêm để đáp ứng nhu cầu vay vốn của HSSV; (iii) Trình Chính phủ xem xét sửa đổi quy định về đối tượng được vay vốn trong Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg làm cơ sở pháp lý cho việc áp dụng giải pháp.

4.2.5.2. Giảm dần sự ưu đãi lãi suất cho vay

Đối với NHCSXH Việt Nam, bền vững tài chính luôn là mục tiêu không dễ đạt được. NHCSXH Việt Nam không phải là một tổ chức từ thiện, bản chất vẫn là một TCTD. Do đó, yếu tố quan trọng hàng đầu đảm bảo sự bền vững về tài chính là khả năng tự trang trải chi phí hoạt động của NHCSXH Việt Nam. Để hoạt động của NHCSXH Việt Nam ổn định và phát triển bền vững, NHCSXH Việt Nam cần từng bước giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước, cần xây dựng lộ trình giảm dần và tiến tới xoá bỏ hoàn toàn sự ưu đãi về lãi suất cho vay, chỉ ưu đãi về thủ tục, điều kiện, thời hạn vay vốn.

Hiện tại, lãi suất cho vay HSSV chỉ tương đương với lãi suất huy động vốn cùng kỳ hạn trên thị trường. Nếu duy trì lãi suất cho vay HSSV như hiện nay, NHCSXH Việt Nam sẽ không bù đắp được các chi phí hoạt động.

Thực tế đã chứng minh, HSSV hoàn toàn có thể chấp nhận vay vốn ngân hàng theo lãi suất thị trường, vì họ quan tâm nhiều hơn đến khả năng về lượng vốn được vay chứ không phải lãi suất vay. Các chương trình cho vay HSSV đang thực hiện bởi các tổ chức quốc tế đều áp dụng lãi suất thị trường, thậm chí cao hơn cả lãi suất của các NHTM, nhưng tỷ lệ hoàn trả vốn vay rất cao. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam hiện đang cho vay đối tượng khách hàng là hộ nông dân cũng thực hiện cho vay theo lãi suất thị trường, kết quả cho thấy dư nợ cho vay của ngân hàng vẫn không ngừng tăng lên, vốn vay phát huy hiệu quả và tỷ lệ hoàn trả cao, nợ quá hạn của chương trình rất thấp.

Như vậy, xây dựng một chính sách lãi suất đảm bảo sự bền vững về tài chính là điều kiện tiên quyết để chương trình cho vay HSSV hoạt động bền vững. Tuy

nhiên việc này không thể thực hiện được ngay được mà cần phải có lộ trình thích hợp, cụ thể:

+ *Giai đoạn 1 (2015 -2020)*, thực hiện chính sách lãi suất cho vay đối với HSSV theo hướng ưu đãi, với mức lãi suất thấp hơn lãi suất cho vay trên thị trường nhưng phải cao hơn lãi suất huy động vốn, cụ thể, “Lãi suất huy động vốn < lãi suất cho vay ưu đãi < lãi suất cho vay trên thị trường”

+ *Giai đoạn 2 (từ năm 2021 trở đi)*, thực hiện cho vay theo lãi suất thị trường, cơ cấu chi phí để xác định lãi suất theo cơ chế thị trường cần phải bao gồm 4 thành phần: chi phí trả lãi huy động vốn, chi phí hoạt động, bù đắp rủi ro và có lợi nhuận, cụ thể “Lãi suất cho vay HSSV/năm = Lãi suất huy động vốn bình quân của NHCSXH Việt Nam + 1,5%/năm”

4.2.6. Nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực

4.2.6.1. Xây dựng chuẩn trình độ cán bộ nhân viên

Chương trình mục tiêu quốc gia về XDGN nêu rõ “Tăng cường cả số lượng và chất lượng cán bộ tin dụng của NHCSXH Việt Nam, nhất là ở vùng sâu và vùng xa. Nâng cao kỹ năng tiếp cận cộng đồng và cung cấp dịch vụ tài chính vi mô cho người nghèo đối với cán bộ tin dụng [7].

Mục tiêu tổng thể của chiến lược phát triển NHCSXH Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2025 là nâng cao năng lực hoạt động theo hướng bền vững, đủ nguồn lực để đáp ứng nhu cầu phát triển tín dụng chính sách phù hợp với đường lối của Đảng và Nhà nước.

Hiện nay, NHCSXH Việt Nam đã có nguồn nhân lực tương đối phù hợp, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, trong thời gian tới NHCSXH Việt Nam cần xây dựng chuẩn trình độ CBNV cho từng vị trí công việc cụ thể như:

- Chuẩn trình độ cho Giám đốc chi nhánh cấp Tỉnh;
- Chuẩn trình độ Giám đốc phòng giao dịch cấp Huyện;
- Chuẩn trình độ cán bộ tin dụng, cán bộ kế toán giao dịch;
- V.v.....

Chuẩn trình độ CBNV là cơ sở cho việc tuyển chọn nhân sự mới có chất lượng; đào tạo và bồi dưỡng nhân sự hiện có giúp họ đạt chuẩn; sàng lọc những nhân sự yếu kém, những nhân sự không chịu nỗ lực phấn đấu đạt chuẩn CBNV đã đề ra.

Chuẩn trình độ CBNV cho từng vị trí công việc cũng là một công cụ quản lý giúp nâng cao năng lực làm việc cho nhân sự; giúp NHCSXH Việt Nam nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu rủi ro tác nghiệp, tiết kiệm chi phí triển khai.

4.2.6.2. Chú trọng công tác đào tạo cán bộ tín dụng

Tập trung nâng cao chất lượng cán bộ thông qua kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ CBNV trong hệ thống, trong đó cần đặc biệt chú ý đến việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực làm việc cho đội ngũ CBTD, cụ thể như sau:

- Đào tạo nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, trọng tâm là đào tạo, hướng dẫn CBTD sử dụng phần mềm Corebanking mới được đầu tư, sử dụng thành thạo phần mềm Corebanking sẽ giúp CBTD đẩy nhanh tốc độ xử lý hồ sơ, chứng từ trong quá trình xét duyệt cho vay HSSV; thống kê nhanh và chính xác số liệu, xử lý nhanh những vấn đề liên quan đến cho vay, thu nợ, xử lý nợ quá hạn HSSV nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí hoạt động cho NHCSXH Việt Nam.

- Chương trình cho vay HSSV là một chương trình tín dụng đặc thù với thời gian cho vay dài, người vay và người sử dụng vốn phần lớn là 2 đối tượng khác nhau, khoản vay không có tài sản đảm bảo nên luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Do đó, cần CBTD cần nắm vững kiến thức chuyên môn để phân tích, quản lý, tư vấn, định hướng HSSV sử dụng vốn vay đúng mục đích và hiệu quả.

- Cho vay HSSV là hình thức cho vay khách hàng cá nhân; cho vay tiêu dùng nên mỗi CBTD phải quản lý nhiều khách hàng; món vay nhỏ lẻ; hồ sơ thủ tục nhiều. Do đó, CBTD cần nâng cao kỹ năng giao tiếp cộng đồng, kỹ năng xử lý công việc nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ công việc.

4.2.6.3. Nâng cao hơn nữa năng lực và hiệu quả hoạt động của trung tâm đào tạo

Trung tâm đào tạo NHCSXH Việt Nam ra đời đã có nhiều đóng góp trong việc nâng cao trình độ, tăng năng suất và hiệu quả làm việc cho CBNV. Để nâng cao hơn

nữa năng suất và hiệu quả làm việc của CBNV trong giai đoạn mới (2015 - 2020), NHCSXH Việt Nam cần:

- Dựa trên chuẩn trình độ CBNV cho từng vị trí, NHCSXH Việt Nam cần giao chỉ tiêu, nhiệm vụ; nội dung đào tạo cụ thể hàng năm cho Trung tâm Đào tạo;
- Có cơ chế chính sách tốt hơn để thu hút thêm những nhân sự giỏi, nâng cao năng lực đào tạo cho Trung tâm;
- Nghiên cứu xây dựng các cơ sở đào tạo của Trung tâm Đào tạo tại các khu vực để nâng cao hiệu suất và hiệu quả công tác đào tạo CBNV hàng năm.
- Xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho các tổ chức hội, đoàn thể, giúp các hội đoàn thể, cán bộ Tổ TK&VV giúp họ nắm rõ quy trình nghiệp vụ cho vay, quy trình quản lý món vay, từng bước nâng cao năng lực hoạt động cho các tổ chức hội, đoàn thể, cán bộ Tổ TK&VV.

4.2.7. Nhóm giải pháp hỗ trợ

2.2.7.1. Sửa một số nội dung trong Quyết định số 15/QĐ-HDQT ngày 05 tháng 03 năm 2013 của Hội đồng quản trị, văn bản số 216A/NHCS-TD, ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Tổng giám đốc NHCSXH Việt Nam

- Sửa quy định về gia hạn nợ cho vay HSSV tại điều 7 mục II văn bản số 2162A/NHCS-TD, ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Tổng giám đốc NHCSXH Việt Nam thành *‘Trường hợp người vay không trả nợ đúng hạn theo từng phân kỳ trả nợ và không được NHCSXH Việt Nam cho gia hạn thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn’* nhằm hạn chế việc chây ỳ trả nợ của một bộ phận không nhỏ HSSV vay vốn; giúp NHCSXH Việt Nam tạo thêm được nguồn vốn cho vay quay vòng, giảm áp lực cấp mới nguồn vốn cho vay HSSV từ NSNN

- Sửa khoản b, điểm 5.1, mục II văn bản số 2162A/NHCS-TD, ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Tổng giám đốc NHCSXH Việt Nam thành *‘Trường hợp người vay vốn cho nhiều HSSV cùng một lúc, nhưng thời hạn ra trường của từng HSSV khác nhau thì việc xác định thời hạn cho vay và định kỳ hạn trả nợ được thực hiện riêng theo từng HSSV. Việc thu nợ, thu lãi tiền vay và tính giảm lãi khi trả nợ trước hạn được thực hiện theo từng HSSV, không liên quan đến HSSV khác trong cùng một hộ’.*

- Căn cứ thể khoản b, điểm 5.3, mục II văn bản số 2162A/NHCS-TD, quy định về giảm lãi suất khi HSSV vay vốn trả nợ trước hạn thành *‘HSSV không có nợ quá hạn theo phân kỳ trả nợ, nếu trả hết 100% nợ gốc và lãi trước ngày đến hạn của kỳ thanh toán cuối cùng được hưởng chính sách giảm lãi suất cho vay theo quy định của Chính phủ’*.

- Sửa đổi điểm 1, điều 4, Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn, ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 03 năm 2013 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội thành *‘Có tối thiểu 30 tổ viên và tối đa 60 tổ viên cư trú hợp pháp theo địa bàn dân cư thuộc đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn...’*.

Việc sửa một số nội dung trong Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 03 năm 2013 của Hội đồng quản trị và văn bản số 216A/NHCS-TD, ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Tổng giám đốc NHCSXH Việt Nam là điều kiện cần để NHCSXH Việt Nam thực hiện các giải pháp 4.2.3.1 và 4.2.3.2 như đã trình bày ở phần trên.

4.2.7.2. Hoàn thiện, nâng cấp thêm một số tính năng của phần mềm CoreBanking

NHCSXH Việt Nam đã đầu tư phần mềm CoreBanking nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành, xử lý rủi ro tín dụng. Tuy nhiên, mô hình hoạt động của NHCSXH Việt Nam có nhiều điểm đặc thù như mô hình cho vay thông qua Tổ TK&VV, mô hình giao dịch xã, đã đặt ra những yêu cầu mới trong việc quản trị trên phần mềm Corebanking. Do đó, để phần mềm CoreBanking phát huy tốt hiệu quả trong quản lý, xử lý nghiệp vụ giúp tăng năng suất và hiệu quả làm việc của CBNV, NHCSXH Việt Nam cần yêu cầu nhà cung cấp phần mềm hoàn thiện hơn modul giao dịch xã, nâng cấp modul thống kê và lọc dữ liệu để có thể thống kê, lọc được dữ liệu đa tiêu chí, nâng cấp máy chủ, đường truyền nhằm giải quyết vấn đề nghẽn mạch để phục vụ tốt hơn việc quản lý, phân tích hiệu quả hoạt động các chương trình tín dụng chính sách nói chung và chương trình cho vay HSSV nói riêng.

4.3. Một số đề xuất, kiến nghị

4.3.1. Với Chính phủ

Thứ nhất, kiến nghị Chính phủ sửa đổi điều 10 Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg thành ‘*Ưu đãi lãi suất trong trường hợp trả nợ trước hạn và xóa nợ lãi cho những sinh viên vay vốn có kết quả học tập trung bình toàn khóa đạt loại xuất sắc*’.

Thực hiện chính sách này, NHCSXH Việt Nam đã treo “Giải thưởng” cho những HSSV vay vốn, điều kiện để nhận được giải thưởng này là HSSV vay vốn phải có kết quả học tập trung bình toàn khóa đạt loại xuất sắc. Chính sách này sẽ khích lệ tinh thần thi đua trong học tập, tạo động lực cho HSSV vay vốn phấn đấu, quyết tâm giành “Giải thưởng” của NHCSXH Việt Nam, nhằm giảm bớt số nợ mà họ phải trả cho NHCSXH Việt Nam sau khi tốt nghiệp. Điều này sẽ có những tác động tích cực đến kết quả học tập của HSSV, góp phần tăng tỷ lệ HSSV vay vốn tốt nghiệp đúng hạn, tăng tỷ lệ HSSV vay vốn trả nợ đúng hạn cho NHCSXH, tạo nguồn vốn quay vòng cho chương trình cho vay HSSV.

Thứ hai, kiến nghị Chính phủ bổ sung đối tượng “*Hộ gia đình có từ 2 con trở đang đi học nghề, cao đẳng, đại học nhưng không thuộc diện hộ nghèo, hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật, hộ gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học*” vào điều 2, Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 9 năm 2007, tạo cơ sở pháp lý cho NHCSXH Việt Nam thực hiện giải pháp mở rộng đối tượng thụ hưởng chương trình cho vay HSSV mở rộng đối tượng cho vay; tăng tầm ảnh hưởng của chương trình cho vay HSSV đến xã hội; hạn chế tình trạng nghèo hóa những hộ gia đình không thuộc đối tượng chính sách nhưng có từ 2 con trở lên cùng đi học nghề, cao đẳng, đại học; tăng hiệu quả xã hội chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

Thứ ba, kiến nghị Chính phủ sửa đổi mục 1 điều 11 Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg thành ‘*Thời hạn gia hạn nợ đối với cho vay ngắn hạn HSSV tối đa bằng 12 tháng, đối với cho vay trung hạn và dài hạn HSSV tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng*’ để phù hợp với quy định về thời gian gia hạn nợ đối với các món vay trung và dài hạn của các TCTD khác theo

quy định tại mục b điểm 1 điều 22 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc NHNN Việt Nam. Điều này giúp NHCSXH Việt Nam có được cơ sở pháp lý đồng bộ và khoa học để xử lý vấn đề gia hạn nợ cho HSSV, giúp những HSSV được gia hạn nợ có thêm thời gian để tích lũy tài chính trả nợ cho NHCSXH Việt Nam, giúp giảm tỷ lệ nợ quá hạn của HSSV vay vốn.

Thứ tư, cơ chế cấp bù lãi suất khiến cho NHCSXH Việt Nam rất bị động trong quá trình triển khai thực hiện huy động vốn theo kế hoạch. Cơ chế quản lý tài chính hiện nay không khuyến khích tính chủ động trong công việc của cán bộ, phần nào tạo tính ỷ lại trông chờ vào Nhà nước. Vì vậy, kiến nghị Chính phủ và các Bộ ngành cho phép NHCSXH Việt Nam áp dụng cơ chế mua vốn từ các NHTM trên thị trường trong trường hợp NHCSXH Việt Nam bị thiếu vốn phục vụ các chương trình tín dụng chính sách theo chỉ định của Chính phủ, chi phí mua vốn sẽ do NSNN trực tiếp chi trả cho NHTM thông qua hệ thống Kho bạc nhà nước

Thứ năm, kiến nghị Chính phủ sửa đổi Điều 18 “Lãi suất cho vay”, Nghị định 78/2002/NĐ - CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác thành: “*Lãi suất cho vay ưu đãi do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ theo đề nghị của Hội đồng quản trị NHCSXH Việt Nam, thống nhất trong phạm vi cả nước, lãi suất cho vay các chương trình tín dụng chính sách có thể được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, khoảng cách giữa 2 lần điều chỉnh liên nhau không được dưới 6 tháng, lãi suất cho vay trong kỳ phải đảm bảo bù đắp được chi phí huy động vốn của NHCSXH Việt Nam; khi điều kiện cho phép sẽ xây dựng lãi suất cho vay theo cơ chế lãi suất thị trường*”. Vì NHCSXH Việt Nam hoạt động không vì lợi nhuận, có thể cho vay theo lãi suất ưu đãi nhưng vẫn phải lấy thu nhập bù đắp đủ chi phí; bảo toàn và mở rộng vốn để phát triển.

4.3.2. Với Bộ Tài chính

- Kiến nghị Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý việc tạo nguồn vốn quay vòng đối với chương trình cho vay HSSV tại NHCSXH Việt Nam với số tiền từ 46.000 – 50.000 tỷ đồng, trong đó vốn cấp cho

chương trình là 16.000 tỷ đồng (*chuyển 9.000 tỷ từ đồng NHCSXH Việt Nam vay từ Dự trữ ngoại hối của Nhà nước, 3.000 tỷ trong đồng NHCSXH Việt Nam đã vay từ nguồn tái cấp vốn của NHNN Việt Nam và 4.000 tỷ đồng từ nguồn vay chương trình PRSC 10*) theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 147/VPCP-KTTH, ngày 15/2/2011 và văn bản số 14/TTg-KTTH ngày 25/2/2011. Vấn đề này đến nay vẫn chưa được giải quyết gây khó khăn về nguồn vốn phục vụ chương trình cho vay HSSV.

- Kiến nghị Bộ Tài chính ban hành văn quy định về cơ chế tài chính xử lý nợ quá hạn trong các trường hợp: HSSV ra trường không trả nợ Ngân hàng tối đa 2 năm nhưng gia đình (hoặc người đỡ đầu) không có khả năng trả nợ, HSSV vay vốn trực tiếp từ NHCSXH ra trường không trả nợ Ngân hàng tối đa 2 năm nhưng NHCSXH không liên lạc được với HSSV vay vốn để tiến hành các nghiệp vụ quản lý và thu hồi nợ. Vì chưa có văn bản quy định cơ chế xử lý rủi ro trong những trường hợp này nên NHCSXH vẫn đang phải theo dõi trên tài khoản nợ quá hạn làm sai lệch các chỉ tiêu về nợ quá hạn, nợ khoanh, nợ giảm trong quá trình đánh giá hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam.

4.3.3. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Kiến nghị Bộ GD&ĐT chỉ đạo các bộ phận chức năng nhanh chóng hoàn thiện website ‘vayvondihoc’ để cập nhật tất cả các thông tin liên quan đến tình hình vay vốn, sử dụng vốn, trả nợ, thông tin tốt nghiệp ra trường ... của những HSSV vay vốn cũng như những thông tin liên quan đến chính sách cho vay HSSV của Chính phủ và NHCSXH Việt Nam. Sau gần 8 năm triển khai chương trình cho vay HSSV với hàng triệu HSSV có hoàn cảnh khó khăn đã tiếp cận được nguồn vốn của chương trình, đến nay website “vayvondihoc” vẫn chưa được hoàn thiện để đưa vào khai thác đã làm hạn chế rất nhiều hiệu quả phối hợp giữa NHCSXH, Bộ GD&ĐT với các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề trong việc quản lý HSSV vay vốn, đặc biệt là những HSSV vay vốn trực tiếp từ NHCSXH Việt Nam. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho tỷ lệ nợ quá hạn của những HSSV vay vốn trực tiếp từ NHCSXH luôn ở mức rất cao (30%) trong những năm qua.

- Bổ sung điều kiện *'Đối với học sinh, sinh viên vay vốn từ chương trình tín dụng học sinh sinh viên thì phải có giấy chứng nhận đã trả hết nợ gốc và lãi do Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay cấp'* bằng cách sửa đổi, bổ sung điều 17 *'Điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ'* của Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 06 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đây là một trong những cơ sở để NHCSXH thu nợ từ những HSSV vay vốn đã tốt nghiệp.

- Kiến nghị Bộ GD&ĐT ban hành văn bản quy định NHCSXH Việt Nam được quyền quản lý văn bằng tốt nghiệp của HSSV vay vốn trực tiếp kể từ khi HSSV tốt nghiệp cho đến khi hoàn trả hết tiền vay. Văn bằng tốt nghiệp của HSSV sẽ là TSDB của HSSV vay vốn trực tiếp cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của họ.

- Kiến nghị Bộ GD&ĐT đứng ra chủ trì phối hợp với Bộ LĐTB&XH và NHCSXH Việt Nam nghiên cứu xây dựng cơ chế kết hợp giữa chương trình cho vay HSSV với chương trình học cử tuyển đối với HSSV là con em các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa nhằm đạt được mục tiêu đào tạo nhân lực cho địa phương, đảm bảo hiệu quả chương trình cho vay HSSV đối HSSV học cử tuyển.

- Cần có sự phối hợp, chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ của Bộ GD&ĐT, có những quy định rõ hơn trách nhiệm của Nhà trường, nhất là các trường có hình thức đào tạo liên doanh, liên kết với các trường khác trong việc xét duyệt đề nghị NHCSXH Việt Nam cho vay, trong việc quản lý HSSV, trong việc cấp các văn bằng, chứng chỉ nhằm mục đích giúp NHCSXH Việt Nam thu nợ.

4.3.4. Với các cơ sở đào tạo

- Kiến nghị Ban Giám hiệu các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chỉ đạo bộ phận chức năng trong trường cung cấp thông tin kịp thời cho Ban tín dụng HSSV của NHCSXH Việt Nam về những trường hợp HSSV vay vốn bỏ học, bị đuổi học, đã tốt nghiệp ra trường... nhằm giúp NHCSXH Việt Nam nâng cao khả năng giám sát tình hình sử dụng vốn vay của HSSV, phòng chống những rủi ro có thể dẫn đến thất thoát vốn của chương trình cho vay HSSV.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 4

Cho vay HSSV là một chương trình tín dụng mang ý nghĩa chính trị, xã hội rất lớn, giúp HSSV có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận được dịch vụ giáo dục đại học và giao dục nghề nghiệp. Hơn thế nữa, nguồn tín dụng từ chương trình là nguồn năng lượng giúp HSSV phát triển. Tuy nhiên, sau hơn 7 năm triển khai chương trình tín dụng HSSV theo Quyết định 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, bên cạnh những kết quả đạt được, chương trình cũng còn tồn tại nhiều bất cập làm ảnh hưởng đến hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế của chương trình như: Vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ phụ huynh HSSV vay vốn chưa thật sự tin tưởng vào những tác động tích cực của chương trình cho vay HSSV đến việc XDGN bền vững và giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, hiệu quả kinh tế của chương trình cho vay HSSV đang có xu hướng giảm dần theo thời gian, quy mô cho vay HSSV có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây đã làm giảm hiệu quả xã hội của chương trình,...

Từ việc phân tích thực trạng kết quả cho vay, thực trạng hiệu quả cho vay HSSV; những bất cập, tồn tại trong quá trình triển khai chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam trong giai đoạn 2007-2014, NCS đã đưa ra một số nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cho vay HSSV trong thời gian tới:

Thứ nhất, nhóm giải pháp đảm bảo nguồn vốn cho vay học sinh, sinh viên (khai thác nguồn vốn có chí phí thấp; tăng quy mô huy động vốn theo lãi suất thị trường).

Thứ hai, nhóm giải pháp tổ chức thực hiện (đánh giá, sàng lọc và tổ chức lại những đơn vị nhận ủy thác cho vay; thay đổi phương pháp thành lập Tổ TK&VV; nâng số thành viên tối thiểu/01 Tổ TK&VV).

Thứ ba, nhóm giải pháp quản lý nợ (xác định kỳ hạn trả nợ cho từng món vay trong trường hợp hộ gia đình vay vốn cho nhiều HSSV cùng một lúc; đưa quy định có TSĐB vào điều kiện vay vốn đối với HSSV vay vốn trực tiếp tại NHCSXH).

Thứ tư, nhóm giải pháp kiểm tra, kiểm soát vốn vay (chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; chú trọng công tác giám sát chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cho vay HSSV).

Thứ năm, nhóm giải pháp về đối tượng được vay vốn và lãi suất cho vay (mở rộng đối tượng HSSV được vay vốn; giảm dần sự ưu đãi về lãi suất cho vay).

Thứ sáu, nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực (xây dựng chuẩn trình độ cán bộ nhân viên; chú trọng công tác đào tạo nhân sự; nâng cao hơn nữa năng lực và hiệu quả hoạt động của Trung tâm đào tạo).

Thứ bảy, nhóm giải pháp hỗ trợ (sửa đổi một số nội dung trong QĐ số 15/QĐ-HĐQT, ngày 05 tháng 3 năm 2013 của HĐQT và văn bản số 216/NHCS-TD, ngày 02 tháng 10 năm 2007 của TGD NHCSXH Việt Nam; hoàn thiện và nâng cấp thêm một số tính năng của phần mềm CoreBanking)

Ngoài ra, luận án cũng đề xuất một số kiến nghị với Chính phủ, các Bộ, các cơ sở đào tạo nhằm triển khai các giải pháp nêu trên một cách hiệu quả nhất.

KẾT LUẬN

Đề tài “Cho vay học sinh, sinh viên của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Thực trạng và giải pháp” đã có những đóng góp sau đây:

Thứ nhất, luận án phân tích và khẳng định sự cần thiết khách quan của chương trình cho vay HSSV đối với XĐGN, phát triển giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, cung cấp nguồn nhân lực qua đào tạo cho xã hội,....

Thứ hai, luận án đã hệ thống được một số lý luận cơ bản về tín dụng HSSV, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả cho vay HSSV, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH.

Thứ ba, luận án nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về cho vay HSSV của một số Quốc gia từ đó rút ra bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.

Thứ tư luận án phân tích thực trạng kết quả, hiệu quả chương trình cho vay HSSV của NHCSXH Việt Nam,... trên cơ sở đó, luận án đánh giá những thành tựu đạt được đồng thời chỉ ra những hạn chế, tồn tại cũng như nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại làm ảnh hưởng đến hiệu quả chương trình cho vay HSSV.

Thứ năm, luận án đã đưa ra những nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chương trình cho vay HSSV trong thời gian tới (2015 - 2020)

Thứ bảy, luận án còn đưa ra một số kiến nghị với Chính phủ, các Bộ, các cơ sở đào tạo để thực hiện hiệu quả nhất các giải pháp đề ra.

Với những nội dung cơ bản trên, luận án đã hoàn thành mục tiêu nghiên cứu đề ra. Việc nghiên cứu luận án với đề tài nêu nên cần có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả cho vay HSSV của NHCSXH.

Tuy nhiên, lĩnh vực nghiên cứu của đề tài là mới mẻ, nhất là trong bối cảnh cơ chế, chính sách về tín dụng chính sách ở Việt Nam chưa ổn định. Vì vậy, luận án không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. NCS mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô, các nhà khoa học, bạn đọc và đồng nghiệp gần xa để luận án được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH
CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Văn Đức (2012), *Các tiêu chí đánh giá hoạt động cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội*, Tạp chí Ngân hàng, số 3 tháng 02 năm 2012.
2. Nguyễn Văn Đức (2012), *Rủi ro đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh NHTM – Cách thức tiếp cận và phương pháp phòng ngừa*, Tạp chí ngân hàng, số 6 tháng 3 năm 2012.
3. Nguyễn Văn Đức (2015), *Giải pháp phát triển ổn định và bền vững nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam*, Tạp chí Thị trường tiền tệ, số 4 tháng 4 năm 2015
4. Nguyễn Văn Đức (2015), *Bàn về chính sách ưu đãi đối với cho vay học sinh, sinh viên*, Tạp chí Thị trường tiền tệ, số 9 tháng 5 năm 2015.
5. Nguyễn Văn Đức (2015), *kinh nghiệm thực hiện chính sách cho vay học sinh, sinh viên của một số nước Châu Á và bài học đối với Việt Nam*, Tạp chí Thị trường tiền tệ, số 23 tháng 12 năm 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng việt

- [4] Nguyễn Hồng Ánh (2002), Phân tích về mặt tâm lý học lối sống của sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, Luận Án tâm lý học chuyên ngành ĐHSP Hà Nội.
- [6] Chính phủ, Nghị định 78/2002/NĐ-CP, ngày 04 tháng 10 năm 2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, báo cáo tổng kết của NHCSXH từ năm 2007 – 2014.
- [7] Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, (2002), Tr 23 “Chiến lược tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo”, Hà Nội.
- [11a] Nguyễn Trường Giang, “Giao quyền tự chủ cho các trường Đại học công lập: xu thế của sự phát triển”, bài đăng trên website của Bộ Tài Chính tại địa chỉ địa chỉ http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781?pers_id=2177014&item_id=155815859&p_details=1
- [11b] Hà Thị Hạnh (2004), *Giải pháp hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Đại học kinh tế quốc dân.
- [12] GS; TS. Vũ Văn Hóa, chủ biên tài liệu (2003), chủ biên tài liệu *Lý thuyết Tiền Tệ*, NXB Tài Chính, Hà Nội, chương 4, trang 130
- [15] PGS.TS. Dương Thị Bình Minh (2007), chủ biên tài liệu *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Thống kê, Hà Nội, chương 3, trang 190
- [17] Nguyễn Thị Nhung (2012), *Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế-xã hội ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Đại học Kinh tế quốc dân.
- [19] Ngân hàng Chính sách Xã hội, công văn số 2162A/NHCS-TD, ngày 02 tháng

10 năm 2007 về thực hiện cho vay đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- [20] Ngân hàng Chính sách xã hội (2014), Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện chương trình tín dụng đối với Học sinh, sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.
- [21] Từ điển tiếng việt của các tác giả: Hoàng Phê, Hoàng Thị Tuyền, Vũ Xuân Lương, Phạm Thị Thủy, Đào Thị Minh Thu, Đặng Thanh Hòa do nhà xuất bản Đà Nẵng phát hành năm 2007; trang 701; dòng 27 từ trên xuống; cột thứ nhất và trang 1330; dòng 14 từ dưới lên; cột thứ 2.
- [23] Phạm Tất Thắng (2009), Định hướng giá trị của sinh viên (qua nghiên cứu trường hợp sinh viên của 11 đơn vị đào tạo trên địa bàn Hà Nội từ 1998 đến nay), Luận Án xã hội học, Viện xã hội học.
- [24] Đào Anh Tuấn (2014), *Giải pháp thu hồi nợ chương trình tín dụng HSSV có hoàn cảnh khó khăn, tạo nguồn vốn quay vòng*, đề tài nghiên cứu khoa học, NHCSXH Việt Nam.
- [25] ThS. Nguyễn Đức Tú (2007), *Những vướng mắc và giải pháp nhằm thực hiện tốt chính sách cho học sinh, sinh viên nghèo vay vốn*, tạp chí Phát triển kinh tế số 206,12/2007
- [26] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 157/2007/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 9 năm 2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.
- [27] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 50 /2010/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 7 năm 2010, Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam
- [28] Ngân hàng Chính sách xã hội, QĐ số 15/QĐ-HĐQT, ngày 27 tháng 1 năm 2011, Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH Việt Nam
- [29] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 01 năm 2003, phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- [30] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 853/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 06 năm 2011, Quyết định điều chỉnh mức cho vay và lãi suất cho vay HSSV
- [31] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 872/QĐ-TTg, ngày 06 tháng 06 năm 2014, Quyết định điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng ưu đãi của NHCSXH
- [32] Thanh tra Chính phủ, Quyết định số 351/TB-TTCP, thông báo kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) của Thanh tra Chính phủ, ngày 13/02/2015.
- [33] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 750/QĐ-TTg, ngày 01 tháng 06 năm 2015, Quyết định điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng ưu đãi của NHCSXH
- [34] Quốc hội, số 47/2010/QH12, Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2010

B. Tài liệu tiếng Anh

- [1] Valerian Anashvili (2006), *Student loans in Russian analytical report*, Ditchley Park, Oxfordshire, England, 27 to 29, February, 2006.
- [2] Douglas Albrecht and Adrian Ziderman, Financing Universities of Developing Countries, *The World Bank Research Observer*, vol.6, no.1 (August 1992), pp. 86
- [3] Douglas Albrecht and Adrian Ziderman (1993), Student loans: an effective instrument for recovery in higher education, *The World Bank Research Observer*, vol. 8, no. 1 (January 1993), pp. 71-90
- [5] Abbott, B., G. Gallipoli, C. Meghir, and G. L. Violante (2013). Education policy and intergenerational transfers in equilibrium. NBER Working Paper No. 18782.
- [8] Caucutt, E. and L. Lochner (2012). Early and late human capital investments, borrowing constraints, and the family. NBER Working Paper No. 18493.

- [9] Hung, F.S. (2011). Policy options for student loan schemes, lessons from China. *Journal of Higher Education*, 14(1), 25–42 (in Chinese).
- [10] J. Michchael Finger. Philip Schuler (2004), *Kiến thức của người nghèo*, NXB tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh; Tr1.
- [13] Gross, J., O. Cekic, D. Hossler, and N. Hillman (2009). What matters in student loan default: A review of the research literature. *Journal of Student Financial Aid* 39 (1), 19 - 29.
- [14] Lochner, L., T. Stinebrickner, and U. Suleymanoglu (2013). The importance of financial resources for student loan repayment. CIBC Working Paper No. 2013-7.
- [16] Shibata Masayuki. (2006). Student financial aid policy in Japan. The International Symposium, Worldwide perspectives of financial assistance policy, December 6-7, Tokyo.
- [18] Woodhall, Maureen. 2003. Student Loans as a Means of Financing Higher Education: Lessons from International Experience. World Bank Staff Working Paper 599. Washington, D.C.
- [22] Dynarski, S. and D. Kreisman (2013). Loans for educational opportunity: Making borrowing work for today's students. The Hamilton Project Discussion Paper.
- [35a] *Chung, Y.P. and Hung, F.S. (2003), Student loans in Hong Kong: a perspective of loans agency. Journal of Higher Education*, 24(1), 45–52 (in Chinese).
- [35b] Adrian Ziderman (2003). Student loans in Thailand: are they effective, equitable, sustainable? International Institute for Educational Planning. Paris: UNESCO.

- [36] Ziderman, A. (2004). Policy options for student loan schemes: lessons from five Asian case studies. International Institute for Educational Planning. Paris: UNESCO.
- [37] Adrian Ziderman and Douglas Albrecht, Financing Universities of Developing Countries, The World Bank Research Observer, vol.6, no.1 (August 1992), pp. 86

C. Website site

- [38] <http://www.stockbiz.vn/News/2015/6/11/580099/loi-suat-trai-phieu-bat-ngo-tang.aspx>
- [39] <http://vbsp.org.vn/gioi-thieu/co-cau-to-chuc/hoi-so-chinh.html>
- [40] <http://tuyensinh.hcmute.edu.vn/ArticleId/c19ec753-0b6f-4a37-925169b0ba68efd/tang-hoc-phi-o-nhieu-truong-dai-hoc>
- [41] <https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=217>
- [42] <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=716>
- [43] <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=628>
- [44] <http://vneconomy.vn/tai-chinh/8-nam-thang-tram-lai-suat-20120611030953573.htm>



PHỤ LỤC LUẬN ÁN